

Số 113

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Thời gian
có hay không?

Tr. 11

Sóng dây
từ đâu?

Tr. 3

Hòa điệu
vong niên

Tr. 58





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

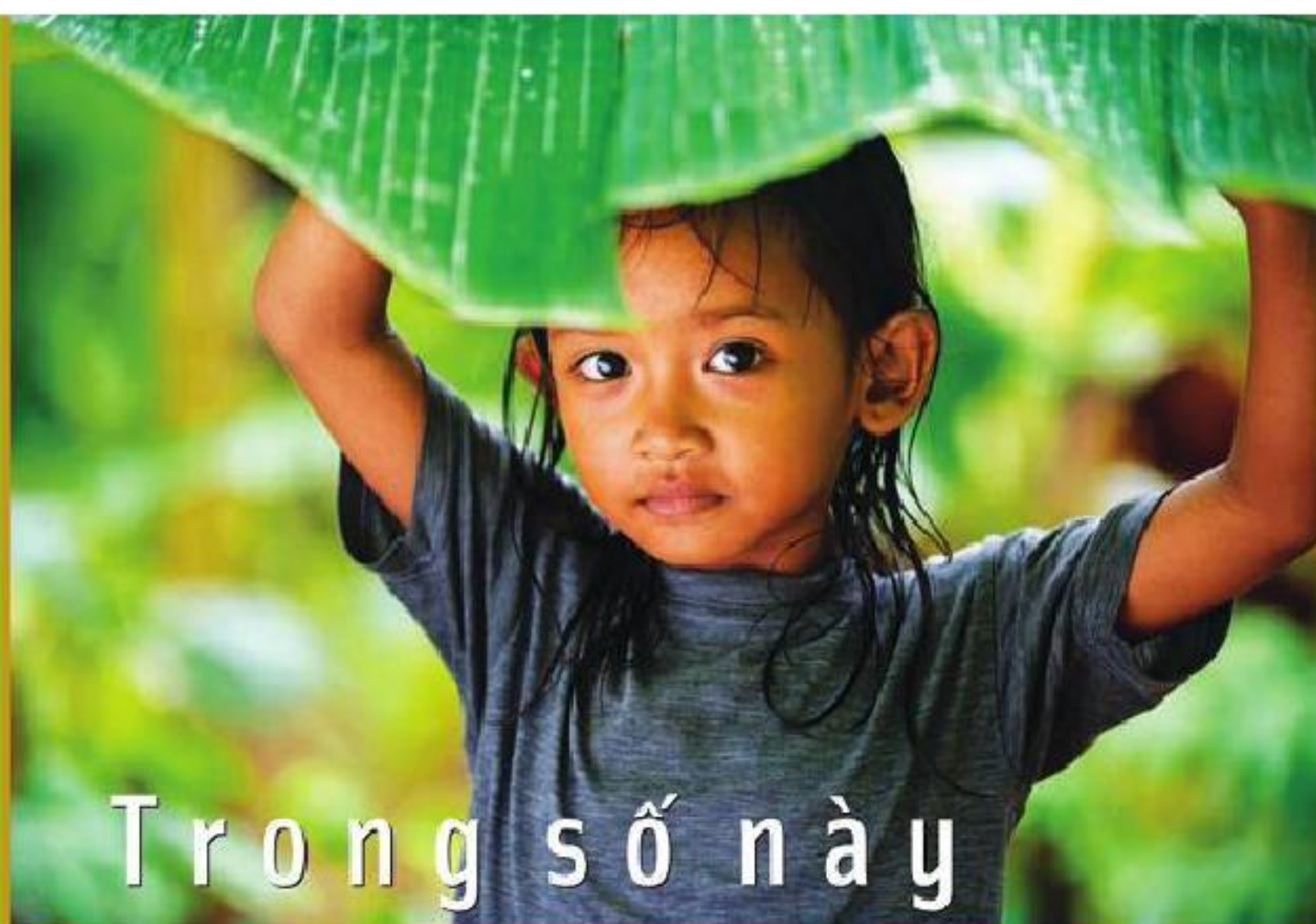
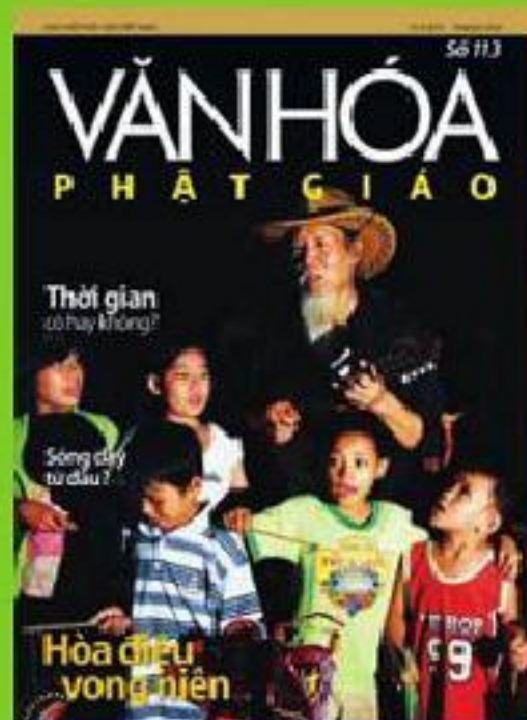
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sóng dậy từ đâu? (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	5
... với ngàn năm Thăng Long - Hà Nội (Phạm Đức)	6
Gặp gỡ văn hóa giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long (Trần Phồng Diểu)	8
Thời gian có hay không? (Nguyễn Thế Đăng)	11
Dấu ấn đạo Phật tại Bản Đôn - Daklak Tây Nguyên (Nhóm nghiên cứu Hải Định - Phước Hải)	14
Đi tìm một số bài tựa, bạt của Thiền sư Chân Nguyên (Đồng Dưỡng)	16
Mê vui trong khổ não (Nguyễn Thiện)	21
Nhớ lăm mái chùa xưa (Lam Khê)	23
Chiến thắng và chiến bại, kinh Sangama - sutta (Hoang Phong dịch)	25
Để truyền đạt có kết quả tốt (Thái Quang Hy)	27
Chỉ hiểu biết thôi, chưa đủ (Phan Minh Đức)	31
Tăng trưởng trong một nền kinh tế Phật giáo (Jeffrey D. Sachs, Trần Khiết Bách dịch)	33
Như ngọn gió lành (Cao Huy Hóa)	35
Kẻ cắp (Hoàng Thị Như Huy)	37
Nhà thơ Bùi Giáng qua lời kể của một người yêu thơ (Trịnh Chu)	38
Tính hòa đồng của những ngôi chùa cổ Việt Nam (Trần Văn Hạc)	40
Lặng nghe... đá nói... ngày ngò... (Lê Từ Hiên)	42
Vài suy nghĩ trong một chuyến về quê (Nguyễn Hào)	45
Trung thu, gợi nhớ những mùa trăng cũ (Trà Kim Long)	48
Bão tố trong mùa Vu lan (Quách Giao)	49
Xin đừng lạm dụng "alô" (Nguyễn Trọng Hoạt)	50
15 ngày	51
Thơ	52
Văng hào quang (truyện ngắn của Nguyễn Hữu Đức)	54
Kính dâng một nén hương lòng (Trần Quê Hương)	56
Hòa điệu vong niên (Chu Đăng Giang)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Canh chua bông so đũa (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Hòa điệu vong niên. Ảnh: Trần Thế Phong.

THÔNG BÁO

Kính mời tham dự KHÓA THIỀN VIPASSANA Thiền sư S.N. Goenka 10 ngày.

Từ năm 1975 đến nay, đây là lần thứ 3 tịnh xá Ngọc Thành, Hệ phái Khất sĩ vinh dự được Ban Tôn giáo Chính phủ cho phép mời vị Thiền sư nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy môn Thiền học Phật giáo VIPASSANA, từ niềm xức, quán cảm thọ.

Đây là phương pháp Thiền cổ xưa nhất ở Ấn Độ, được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tái phát hiện 2.500 năm trước và là tinh túy những gì Ngài thực hành và giảng dạy trong suốt 45 năm.

Ngày nay, từ năm 1969, Thiền sư S.N. Goenka bắt đầu mở những khóa thiền Vipassana tại Ấn Độ, theo truyền thống của Thiền sư Sayaki U Ba Khin. Sau đó, tại những nước khác. Cho đến năm 2010 đã có 120 quốc gia gồm cả nước tân tiến như Hoa Kỳ, Canada, Úc, châu Âu và cả châu Phi... đều có trung tâm Thiền Vipassana do Thiền sư Goenka và khoảng 800 phụ giáo của Ngài giảng dạy.

Trân trọng cung thỉnh chư tôn đức, kính mời quý Phật tử tham dự khóa tu 10 ngày.

Khóa I:

Từ thứ Tư 06- 10- 2010 đến Chủ nhật 17- 10- 2010
(nhằm 29-8 Canh Dần đến 10-9 Canh Dần)

Khóa II:

Từ thứ tư 20-10-2010 đến Chủ nhật 31-10-2010
(nhằm 13-9 Canh Dần đến 24-9 Canh Dần)

Tại địa điểm:

Tịnh xá Ngọc Thành, 37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP.HCM

Thời gian đăng ký: từ 10-9-2010

Địa điểm đăng ký:

1/ TỊNH XÁ NGỌC THÀNH, 37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0934.104.900 (gặp cô Huệ) - 38.960.664 (gặp cô Liên)

2/ NGUYỄN TỨ NAM, 220/8 đường Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận. Điện thoại: 0904542180- 62929116

E-mail: dhammavinnu@gmail.com

Tịnh xá Ngọc Thành
Trụ trì



TKN Thích Nữ Kiến Liên

Ấm Tử Sa Phú Quý Thố



Mua bán đẹp rúng như cần thơng ngoạn!

Phòng trưng bày: 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DD: 0903.848.147

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.BT, TP.HCM

ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212

Email: vietartsupply@gmail.com



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028



Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM.

ĐT: 3728 0174 - DD: 0909.093.106

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Văn Hóa Phật Giáo số 113 được phát hành đúng một tuần lễ trước ngày Trung thu, theo truyền thống người Việt là ngày Tết Nhi đồng. Nói chung, đối với từng dân tộc thì thanh thiếu niên nhi đồng luôn được coi là tương lai của đất nước, và đối với toàn nhân loại thì các em chính là tương lai của cả thế giới.

Thế nhưng, quyền lợi và vị thế của trẻ em trong cộng đồng thế giới thường chỉ được nhận thức sơ sài, thường bị bỏ quên, thường bị xâm phạm. Mãi đến năm 1989, quyền trẻ em mới trở thành một định chế quốc tế dưới tên Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ Em (United Nations Convention on the Rights of the Child). Sau khi ra đời, công ước này nhanh chóng được các quốc gia ký kết và phê chuẩn.

Mặc dù đã có công ước quốc tế, trẻ em ở nhiều nơi trên toàn thế giới vẫn không được nuôi dưỡng tử tế và không được giáo dục đúng mức; vẫn tiếp tục bị lạm dụng, bị ngược đãi, bị hành hạ, bị bóc lột. Hiện tượng như trường hợp cháu Hào Anh vừa làm nóng dư luận nước ta cách đây không lâu chẳng phải là hiếm, chỉ vì chưa được phát hiện nên chưa được biết đến.

Hướng đến ngày Tết Nhi đồng, chúng ta cần nhắc nhở nhau rằng gia đình, nhà trường, và xã hội đều có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em vừa lớn lên khỏe mạnh, vừa được tự do phát triển cá tính và năng lực theo thiên hướng riêng. Tổ chức Nhi đồng Quốc tế UNICEF khẳng định rằng trẻ em cũng có đầy đủ nhân quyền nhưng thuộc thành phần dễ bị tổn thương nên cần được chăm sóc, giúp đỡ, và bảo vệ đặc biệt.

Trên tinh thần ấy, chúng ta cần vận động dư luận kêu gọi mọi cơ quan đơn vị có liên quan đến trẻ em hãy chú trọng đến những hành động xuất phát từ quyền lợi của trẻ em. Đã đến lúc xã hội phải chấm dứt mọi hoạt động phô trương hình thức gây tốn kém để có thể tập trung nguồn lực ít ỏi của xứ sở vào việc phục vụ lợi ích của trẻ em về mọi mặt, nhất là phải quan tâm đến các em có hoàn cảnh khó khăn, hoặc đang sinh sống ở vùng sâu vùng xa nơi cư dân thường xuyên phải đối mặt với thiên tai, dịch bệnh. Và trên hết, chúng ta cần ngăn ngừa mọi hành động xâm phạm những quyền đích thực của trẻ em.

Cũng trong mùa Trung thu, VHPG chân thành gửi đến toàn thể quý độc giả, thời gian qua đã đáp ứng những lời kêu gọi giúp đỡ của tạp chí, bằng cách phổ biến rộng rãi sự cố mất của tờ báo, bằng việc đóng góp những ý kiến xác đáng cả về hình thức lẫn nội dung, bằng việc nhanh chóng nêu ý kiến phản hồi trước những bài viết được cảm nhận là có giá trị... Những thịnh tình ấy là nguồn cổ vũ vô giá đối với nhóm chủ trương VHPG, đủ để chúng tôi tin tưởng vào những đóng góp nhỏ bé của VHPG trong việc tham gia xây dựng một xã hội hiền thiện bằng những giải pháp xuất phát từ giáo lý của Đức Phật.

Xin chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Sóng dậy từ đâu?

NGUYỄN CÁN

Biển Đông không yên tĩnh

Sự kiện một phái đoàn quan chức Việt Nam tham quan tàu sân bay USS George Washington thuộc Hạm đội 7 của Hoa Kỳ ngoài khơi Đà Nẵng, tiến hành các cuộc trao đổi hội thảo với Hải quân của họ đã gây nên bất bình với người “anh em” Trung Quốc. Báo chí nước này cáo buộc Việt Nam “thách thức chủ quyền Trung Quốc tại quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa của Việt Nam). Hai sự kiện không có liên quan nhưng lại được tờ *China Daily* ngày 9 tháng 8 nhận định “Được Hoa Kỳ hậu thuẫn, Việt Nam cố tình dựng lên vấn đề biển Đông, nhắm tới quốc tế hóa vấn đề này làm một đối trọng mạnh mẽ hơn với Trung Quốc”. Ngoài ra họ còn cho rằng “Việt Nam đã tiến hành các bài thực hành quân sự với kẻ-thù-một-thời ở biển Nam Trung Quốc (thật ra là biển Đông), nơi mà chủ quyền của Trung Quốc trên các hòn đảo giàu tiềm năng dầu khí nằm kề bên những hải tuyến huyết mạch đang bị các nước Đông Nam Á (ASEAN) thách thức” (*China Daily* số ra ngày 19 tháng 8).

Vấn đề không nằm ở việc Hải quân Hoa Kỳ thăm Việt Nam mà nằm ở những suy nghĩ không đúng bản chất vấn đề. Năm nào chẳng có tàu nước ngoài vào thăm Việt Nam, kể cả tàu Trung Quốc? Nhưng phải chăng xuất phát từ việc nhìn nhận Biển Đông như “cái ao nhà” mình và cho rằng đó là “lợi ích cốt lõi” (core interests) trong mọi đàm phán, thương thuyết... Biển Đông vì thế đang trở nên không yên tĩnh ngoài các cuộc tập trận Hoa Kỳ - Hàn Quốc, Hoa Kỳ - Nhật Bản..., các đợt nã trọng pháo của Bắc Triều Tiên xuống... biển(!).

Sóng ở trong lòng

Khi Thâm Tâm tiễn bạn lên đường, chàng phân vân:

“Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng?”

Tiếng sóng khởi lên từ ý niệm chia ly, từ nỗi cảm hoài của tuổi trẻ trước thời cuộc ngổn ngang bao nỗi. Sóng dậy từ tâm hay nói cách khác chính ta là cơn sóng ấy. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có lần đi ngang qua chùa mà cảm khái:

*Biển sóng biển sóng đừng xô tôi,
Đừng xô tôi ngã dưới chân người...*

Giữa đời bơ vơ, người nghệ sĩ cầu mong tâm hồn mình thanh thản, bình yên sau bao biến động của lòng người, của tình trường, của cuộc đời nhiều nhượng đang vây bủa mà trái tim nghệ sĩ vốn mỏng manh dễ tổn thương.

Đây là những ba đào dấy lên từ lòng mình mang lại hậu quả hoặc tốt hoặc xấu tùy theo ý nghiệp.

Sóng đó xuất phát từ một niệm nhưng có thể hóa thành cuồng lưu cuốn cả tâm hồn một con người, cả vận mệnh một dân tộc vào những tham vọng nguy hiểm và đưa lịch sử vào những ngày tăm tối. Hãy nhớ Thành Cát Tư Hãn hay Hitler, chỉ vì muốn thỏa mộng bá quyền, đã gây nên bao nhiêu đổ máu. Theo nhà Phật, ý dẫn đầu mọi nghiệp. Vì Tham, Sân, Si chính là ba dòng cuồng lưu cuốn chúng ta vào Ác đạo - con đường khổ đau, cũng giống như dòng sông chảy xiết sẽ cuốn theo nó những nhánh cây cọng cỏ rơi vào trong đó. Người tham lam luôn nói: "Tôi muốn", "Tôi phải có", "Cái đó là của tôi...". Một nhà thơ Ba Tư từng viết "Một đồng bạc nhỏ thôi cũng đủ làm cho người ăn xin thỏa mãn, trong khi Farudin với cả vương quốc của ông cũng chỉ hài lòng phân nửa". Người tham lam luôn tích góp, gom góp đến mức vơ vét những thứ của mình và kể cả những thứ không phải của mình, không hề quan tâm đến nỗi buồn vui hay sự khổ đau của kẻ khác. Đọc báo ta thấy có những nơi lập quy hoạch đưa dân ra khỏi rừng rồi lấy hàng trăm hecta rừng phân phát cho nhau mà vẫn không thỏa mãn (sự việc xảy ra ở Bình Phước, Thừa Thiên...) "*Tham lam cũng giống như đám mây mù dày đặc nhưng đôi lúc chúng ta thường gặp ở miền đồi núi, khiến chúng ta không thấy rõ đường đi trước mặt mình: hoặc ở biển vào những ngày sương mù, khi người ta không thể thấy vật gì nằm ở phía trước và hai chiếc tàu có thể đâm nhau, có thể cả hai đều bị chìm. Con người khi đã mù quáng bởi lòng tham, không hiểu rằng mình sẽ về đâu, và nơi đâu có nhiều người mù quáng bởi lòng tham... ở đó sẽ có ganh tị và chống đối bởi vì để thỏa mãn lòng tham, họ không ngần ngại tàn hại lẫn nhau và quả khổ đang chờ họ*". (U. Thittila - *Phật pháp giảng giải* - bản dịch của Tỳ-kheo Pháp Thông).

Lòng tham khi không được thỏa mãn dễ dẫn tới dòng cuồng lưu thứ hai: Sân hận. Từ đó tranh chấp xảy ra không ngừng trong tập thể, trong xã hội, giữa người với người và giữa các quốc gia với nhau. Thế giới có thể "phẳng" nhưng không "lặng" vì không thể sống trong yên bình nếu lòng tham và sân hận vẫn còn khắp nơi. "Chân lý thuộc về kẻ mạnh" là điều mà ai trong chúng ta cũng sợ khi tham vọng của một cá nhân, một tập thể, một đảng phái, một tôn giáo, hay một đất nước vượt qua khuôn khổ tôn trọng lẫn nhau, chà đạp lên quyền lợi người khác. Chúng ta biết rằng gốc của Tham và Sân chính là Si. Khi rơi vào vòng xoáy si mê, người ta

không còn phân biệt đúng sai, chính tà, thiện ác. Hình tượng Nhạc Bất Quần trong *Tiểu ngạo giang hồ* của Kim Dung với tham vọng "muốn năm trường trị, nhất thống giang hồ" giả vờ làm người thiện nhưng lòng đầy cạm bẫy giết cả đồng môn, vợ con, đồ đệ của mình để lên ngôi Minh chủ chính là đại diện cho những kẻ si mê luôn muốn được suy tôn, ca ngợi, thiếu vắng tình thần từ bi và độ lượng vì họ chỉ nghĩ đến họ mà thôi. Thật là tiếc vì đó cũng là nhân vật, tuy là hư cấu, thuộc đất nước của Lão Trang và những vùng địa linh thấm đậm tinh thần Thiển học.

Một vị Đại sư Trung Hoa khi thuyết pháp đã giảng:

*Thủy lưu bình địa bốn vô thanh
Do hữu cao đề nhi hữu thanh
Đại đạo vô ngôn chu pháp giới
Nhân tham sân si nhi hữu tranh.*

(Khai thiền bất thị lão Hòa thượng)

(Trích theo *Kinh Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm* -

HT. Tuyên Hóa)

Tạm dịch

*Đất bằng nước chảy không thành tiếng
Vì có đề cao tiếng mới thành
Đạo lớn không lời cùng Pháp giới
Bởi tham sân si phải đoạt giành.*

Cũng trong "*Phật Pháp giảng giải*", U. Thittila có kể câu chuyện cổ tích về một con gấu mẹ đi kiếm ăn cùng ba chú gấu con trong một khu rừng. Chúng nhìn thấy một tổ ong ở trong cái máng đặt dưới gốc cây, nhưng lại vướng một cành cây lớn lủng lẳng phía trên cái máng. Bầy gấu muốn lấy mật nhưng bị cản đường nên gấu mẹ đẩy khúc cây qua một bên để chúng vào, tất nhiên khúc cây đang đưa, chạm nhẹ vào đầu gấu mẹ. Tức tối, gấu mẹ liền tâng thẳng vào khúc cây khiến nó văng ra với một lực rất mạnh làm chết một chú gấu con. Điện lên vì giận, gấu mẹ tâng vào khúc cây một cú thứ hai như trời giáng làm khúc cây văng xa rồi quật mạnh lại khiến Gấu mẹ chết tươi!

Ai giết chết gấu? Phải chăng là sự si mê hay vô minh khiến cho nó cứ nghĩ khúc cây là kẻ thù, khiến nó trút thù hận vào khúc cây mà cứ nghĩ đó là kẻ thù?!

Xã hội chúng ta hôm nay không thiếu những con gấu mẹ ấy. Thử nghĩ bao nhiêu trọng án do si mê gây ra: chống giết vợ, con giết cha,... bạn bè tàn hại lẫn nhau... Con người như khúc cây vô vọng trên dòng cuồng lưu tam độc ấy.

Thế nên Trịnh Công Sơn đã tiếp tục tâm sự:

*Biển sóng biển sóng đừng xô nhau
Ta xô biển lại sóng về đâu?*

Và kêu gọi:

*Biển sóng biển sóng đừng âm u
Đừng nuôi trong đáy trái tim thù.*

Đó cũng là mơ ước của những con người thiện tâm và của những dân tộc yêu chuộng hòa bình, trong đó có Việt Nam! ■

**Học Đạo thì phải tu theo lời nói của
Như Lai. Như ăn mật thì ở giữa hay ở
hai bên đều ngọt; kinh Pháp của Như
Lai cũng như vậy.**

Kinh 42 bài – bài 39



Ảnh: Chí Giác Thông

... VỚI NGÀN NĂM THĂNG LONG-HÀ NỘI

PHAM DỤC

Để nhớ lại thời điểm một ngàn năm trước, quốc gia Đại Việt đã định đô ở Thăng Long, một cuộc hội thảo khoa học với chủ đề “Văn học, Phật giáo với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội” vừa được tổ chức tại Khu nghỉ dưỡng Phương Nam (Phương Nam resort), một cơ sở du lịch thoáng đãng nằm trong địa bàn huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Cuộc hội thảo này đã được hai cơ quan chức năng là Hội Nghiên cứu Giảng dạy Văn học thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo tại thành phố Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức. Theo một vị lãnh đạo trong ban tổ chức thì đây là một hoạt động nằm trong chương trình kỷ niệm ngàn năm Thăng Long – Hà Nội được tiến hành trên tinh thần “...

không cần ồn ào về hình thức nhưng phải đạt được chiều sâu học thuật, thực sự trang trọng và sang trọng, tạo được một điểm nhấn tốt đẹp trong vô vàn các hoạt động kỷ niệm đã tiến hành hàng năm nay...¹. Trong những chừng mực nhất định, có thể thấy cuộc hội thảo khoa học này đã diễn ra theo đúng dự kiến và tinh thần nói trên của ban tổ chức.

Trước hết, trong vòng chưa đầy một năm, từ khi có thông báo về việc tổ chức hội thảo, ban tổ chức đã nhận được hàng trăm bản tham luận từ các vị học giả, nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, các tiến sĩ... không chỉ ở TP.Hồ Chí Minh mà còn ở rất nhiều địa phương trong cả nước và cả ở hải ngoại nữa. Từ đó, trong quá trình nhận định và phân loại, Ban Nội

dung của cuộc hội thảo đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao rồi chọn ra 70 bài viết để hình thành một tổng tập dày gần chín trăm trang in khổ 15x24, chia làm hai phần. Một phần có nội dung Phật giáo với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội gồm 32 bài viết phân làm ba tiểu mục là *Phật giáo đời Lý, Phật giáo đời Lý-Trần, và Phật giáo sau đời Trần*. Phần còn lại mang nội dung Văn học với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội gồm 38 bài viết cũng được phân làm ba tiểu mục là *Văn học Lý-Trần, Văn học cổ điển sau đời Trần, và Văn học hiện đại*. Ngoài ra, còn có hai bài viết có tính cách đề dẫn cho toàn tập, nâng tổng số các bài viết lên 72 bài. Điều đáng kể là tập sách này đã được in ấn công phu và đẹp mắt, được phát hành ngay trước khi cuộc hội thảo diễn ra trên thực tế.

Cuộc hội thảo chính thức đã được khai mạc vào lúc 8 giờ ngày 28-8-2010. Hội trường chính của cuộc hội thảo tràn ngập đại biểu về tham dự, có đến hơn 500 người, hầu hết là các học giả, các nhà nghiên cứu, các vị giáo sư, phó giáo sư... làm việc trong các trường đại học lớn hoặc các viện nghiên cứu quan trọng trên cả nước có quan tâm đến vấn đề, bên cạnh chư tôn đức thuộc hàng lãnh đạo Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh và một số Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương, Tiền Giang, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu... cùng nhiều Tăng Ni, Phật tử, phần lớn cũng là các vị có học vị, có tiếng tăm trong lĩnh vực nghiên cứu văn học và lịch sử. Ngoài ra, các vị đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tôn giáo Trung ương và địa phương cũng có mặt. Tất nhiên không thể thiếu lực lượng đưa tin của những tờ báo lớn nhỏ cùng các cơ quan truyền thanh truyền hình.

Với một lượng thông tin đồ sộ trong khi hoạt động hội thảo chỉ thực sự diễn ra trong khoảng thời gian vón vẹn từ 8g30 đến 16g30 mà phải còn có những khoảng nghỉ giữa giờ và thời gian nghỉ trưa, ban tổ chức đã phải hết sức linh hoạt để sắp xếp cho nội dung của cuộc hội thảo được tập trung vào bốn nhóm chủ đề chi tiết và chia thành hai tiểu ban. Về nội dung Phật giáo, có chủ đề về vai trò của Phật giáo trong việc thành lập, phát triển kinh đô Thăng Long và nước Đại Việt thời Lý-Trần cũng như trong những triều đại về sau và chủ đề về văn học Phật giáo với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội. Về nội dung văn học, có chủ đề về văn học cổ điển và chủ đề về văn học hiện đại viết về Thăng Long và Hà Nội. Cuộc hội thảo đã diễn ra với hai phiên toàn thể và bốn phiên làm việc ở tiểu ban. Ở phiên toàn thể đầu tiên, ngay sau báo cáo đề dẫn là một báo cáo mang nội dung Phật giáo và một báo cáo mang nội dung văn học. Tiếp sau, mỗi tiểu ban làm việc riêng; thế nhưng mỗi tiểu ban cũng chỉ có đủ thời gian để nghe chín báo cáo và thảo luận trên cơ sở chín báo cáo đó.

Với tinh thần đóng góp trí tuệ sâu sắc và cô đọng nhất cho cuộc hội thảo, nhờ vào sự lèo lái khéo léo

của các vị chủ tọa các phiên họp cả phiên toàn thể lẫn phiên tiểu ban, và nhất là nhờ mọi hội thảo viên đều có sẵn trong tay mỗi người một tập sách dày in đầy đủ mọi nội dung tham luận, chẳng những hầu hết các báo cáo viên đều có thể trình bày trọn vẹn cốt lõi nội dung tham luận chính của mình trong thời lượng được phân bổ, mà các hội thảo viên cũng có thể đặt những câu hỏi xoáy đúng chủ đề tham luận trong phạm vi thời lượng cho phép. Tất nhiên cũng đã có những câu hỏi ra ngoài phạm vi hội thảo, có cả những câu hỏi nhằm làm khó cho nhau, nhưng những người điều hành hội thảo đã khéo léo cắt gọt và chuyển hướng cuộc thảo luận đi vào đúng trọng tâm chủ đề.

Cuối cùng, trong phiên toàn thể chuẩn bị bế mạc, nội dung của hội thảo cũng đã được tổng kết bằng một báo cáo cụ thể, kèm văn bản tổng kết được phân phát cho từng người tham dự. Đúng như nhận định của báo cáo tổng kết, qua cuộc hội thảo khoa học này, những người tham gia hội thảo đã đạt được một số đồng thuận; ở chỗ đã nhấn mạnh được một số bài học lịch sử về sự phát triển đất nước, về việc bảo vệ đất nước, về vấn đề ngoại giao, về sự khoan dung tôn giáo, về giá trị của dân chủ và nhân quyền, về nhu cầu phải có một nền chính trị-minh triết, và về vai trò của sự đồng hành giữa Phật giáo với dân tộc. Trong chừng mức nào đó, tuy những điều đạt được đồng thuận không có gì là mới mẻ, nhưng có thể thấy, từ những góc nhìn mới mang hơi thở của thời đại, cuộc hội thảo cũng đã rọi thêm một chút ánh sáng vào những sự kiện và vấn đề từng được đặt ra từ lâu; chẳng hạn, trong bài học về dân chủ, bản tổng kết khẳng định, *"Đế nghiệp của triều Lý vững vàng suốt 215 năm là do tám vị vua anh minh triều Lý chủ trương không lấy quan điểm của mình làm hệ quy chiếu, mà ngược lại, biết lấy dân làm gốc..."*².

Suốt một ngàn năm qua, kể từ khi mảnh đất trù phú nằm giữa đồng bằng sông Hồng được chọn làm kinh đô cho nước Đại Việt thì Thăng Long luôn nằm trong trái tim của mọi người dân Việt. Thăng Long không chỉ là của người Hà Nội mà là của cả nước. Việc tổ chức mừng Thăng Long-Hà Nội ngàn năm tuổi là một sự kiện hợp lòng người nên đã được mọi người ngưỡng vọng. Việc tổ chức thành công một cuộc hội thảo khoa học với chủ đề chính là vai trò của Phật giáo trong việc xây dựng và phát triển kinh đô Thăng Long xưa và là thủ đô Hà Nội ngày nay đáng được xem là một lễ vật có ý nghĩa đối với ngày sinh nhật ngàn năm Thăng Long.

Ghi chú:

1. Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học *Văn học, Phật giáo với ngàn năm Thăng Long*, PGS.TS. Trần Hữu Tá; tài liệu rời phổ biến trong hội thảo.

2. Báo cáo tổng kết Hội thảo khoa học *Văn học, Phật giáo với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội*, HT.Thích Giác Toàn, tài liệu rời phổ biến trong hội thảo. ■



Gặp gỡ văn hóa

giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

TRẦN PHÔNG ĐIỀU

Ngay từ cuối thế kỷ XVII, ở đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều cộng đồng dân tộc cùng sinh sống. Người Việt là dân tộc chủ chốt đã khai phá đặt nền tảng quản lý hành chánh; và về phương diện quân sự họ cũng là lực lượng chủ chốt bảo vệ vùng đất. Người Việt từ các vùng Bắc Bộ, nhưng nhiều nhất là các vùng Ngũ Quảng Trung Bộ, đã vào miền Nam với rất nhiều

thành phần. Trong số đó, những người không can án, không có vấn đề, lại giàu có, có kiến thức chữ nghĩa để giao thiệp với quan lại địa phương, đủ điều kiện để xin lập làng rồi trở thành các tiền hiền, hậu hiền là số ít. Đại đa số là những người thiếu may mắn, không có hoàn cảnh thuận tiện ở quê quán cũ như mắc tội, can án, nghèo khó nợ nần... gọi chung là lưu dân; gồm vài hạng tiêu biểu như dân lậu, là kẻ có nhà cửa có ghi tên

trong sổ bộ đinh nhưng trốn thuế; dân đào, là kẻ có nhà cửa có tên trong sổ bộ nhưng lại vì nhiều lý do đã đi nơi khác làm ăn; dân ngụ, cũng có nhà cửa có tên trong sổ bộ đinh ở một làng nhưng lại đến ngụ ở làng khác để làm ăn thuận tiện hơn. Còn lại, có những thành phần bị coi là bất hảo, không được làng xã công nhận cũng vì nhiều lý do, không nhà không cửa, không có tên trong sổ bộ, được gọi là kẻ “trôi sông lạc chợ”, “ăn quán ngủ đình”, “giang hồ tứ chiếng”. Cũng có người chí thú làm ăn nhưng không gặp vận may, lang thang đây đó tìm đến những nơi nào có đất hoang còn trống mà cư dân ở đó không khai thác hết, gọi là “hoang nhàn dư địa”, để xin làm kiếm sống. Vì đi lang thang khắp nơi tìm đất như thế nên đã hình thành một khái niệm được gọi trại đi để nói về họ, những người “hoang đàng chi địa”.

Trong quá trình khai phá vùng đất phương Nam, không thể không tính đến sự có mặt của các dân tộc bản địa và những dân tộc di cư đến. Đó là các dân tộc Hoa, Khmer, và Chăm.

Người Khmer đã có mặt rất sớm ở đồng bằng sông Cửu Long, là dân tộc bản địa. Họ đã chọn những rẻo đất cao trên các giống dọc theo bờ sông Tiền, sông Hậu, nương nhờ vào thiên nhiên để trồng lúa và sinh sống. Khi đó, người Khmer đã quản lý nhiều trong những phum sóc trên những giống đất ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, vùng đồi núi Trĩ Tôn - An Giang. Người Khmer hiền hòa, hiếu khách, biết làm ruộng thâm canh. Họ theo Phật giáo Tiểu thừa, có những hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo thể hiện qua ca múa, lễ hội... Ở vùng Hậu Giang, từ xưa đã có những vùng đất cao ruộng tốt mà người Khmer cư trú, cụ thể là vùng Sóc Trăng với cảnh sông quan trọng là Bãi Xàu, nơi người Khmer trồng được một loại gạo ngon nổi tiếng, gạo Bãi Xàu, một đặc sản của tỉnh Sóc Trăng xưa. Ở Rạch Giá xưa, trên các giống cao ráo ven sông Cái Lớn và Cái Bé, người Khmer cũng đã lập xóm từ xưa. Vùng Cà Mau xưa cũng đã có hai làng Hưng Ngãi và Hưng Lợi là làng của người Khmer. Hiện nay tại đồng bằng sông Cửu Long có nhiều địa phương quy tụ nhiều người Khmer như Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau...

Sự diện hiện từ đầu của người Hoa sát cánh với người Việt trong quá trình khẩn hoang đồng bằng sông Cửu Long là điều được nhiều nhà nghiên cứu ghi nhận. Khác với người Khmer thường sống tập trung, người Hoa phân tán khắp nơi. Nhiều chi nhánh người Hoa di cư đã tiếp tay người Việt trong việc khai khẩn, lập đất, đóng góp không ít công lao như nhóm người Hoa dưới sự đứng đầu của Dương Ngạn Địch, góp phần xây dựng vùng Mỹ Tho. Đặc biệt là vai trò của gia tộc họ Mạc trong việc khai khẩn và xây dựng đất Hà Tiên. Ở đồng bằng sông Cửu Long, người Hoa hiện diện trong nhiều mặt của đời sống lao động sản xuất cũng như văn hóa xã hội, họ năng động và thực tế, thực dụng hơn các dân tộc đồng cư. Họ cũng có trồng trọt, làm

rẫy, trong đó nổi tiếng nhất là người Triều Châu ở các vùng Bạc Liêu, Cà Mau xưa giỏi về nghề trồng hoa màu, làm rẫy trên đất giống. Họ rất siêng năng, chịu cực chịu khó lúc còn nghèo để khéo léo gầy vốn làm ăn. Nhưng phổ biến nhất thì họ vẫn làm nghề truyền thống của dân tộc Trung Hoa, là buôn bán, từ buôn bán nhỏ như các nghề “ve chai lông vịt”, bán tạp hóa trong xóm... Họ tổ chức tiệm tạp hóa khắp hang cùng ngõ hẻm và bán đủ thứ, rất chịu khó thu tiền nhỏ cho đến khi đúng lúc có thể kinh doanh cỡ lớn. Dấu ấn kinh doanh của người Hoa còn lưu lại ở đồng bằng sông Cửu Long rất nhiều và thường gắn liền với các trọng điểm buôn bán lớn của người Việt như Bãi Xàu ở Sóc Trăng, Cái Răng ở Cần Thơ... Do tinh thần trọng nông khinh thương, ít dám mạo hiểm xông pha của người Việt trong một khoảng rất dài của lịch sử khai phá, người Hoa đã từng đóng vai trò chủ chốt trong việc kinh doanh các mặt hàng quan trọng, nhất là lúa gạo, nên có tình trạng “người Việt trồng lúa và người Hoa buôn gạo kiếm lời”.

Người Chăm tập trung nhiều ở An Giang, Châu Đốc, phần đông sống bằng nghề buôn bán nhỏ, làm tiểu thủ công nghiệp. Tổ chức xã hội của người Chăm đặt trên nền tảng Hồi giáo với nhiều phong tục tập quán riêng.

Chính sự cộng cư của nhiều dân tộc trên một vùng đất mà đồng bằng sông Cửu Long ngày nay mới có được một bản sắc văn hóa phong phú và đa dạng. Lúc đầu có thể đó chỉ là sự liên kết đơn thuần của một cộng đồng người để chống lại thiên tai địch họa, hầu tìm sự bình yên trong cuộc sống và sản xuất. Đồng bằng sông Cửu Long tuy có một nguồn lợi lớn về thiên nhiên, nhưng thời điểm mà các lưu dân đến đây thì vùng đất này chỉ là một vùng rừng rậm hoang vu, thú dữ tràn đầy.

Đến đây đất nước lạ lòng

Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh.

Ngoài việc chống chọi với một thiên nhiên khắc nghiệt buổi ban đầu, các lưu dân còn phải chống chọi với nhiều loại thú dữ hoành hành, nào muỗi mòng, rắn rết, voi, cọp, heo rừng... mà con người nếu không liên kết sẽ không tài nào chống chọi nổi. Do đó, ngay từ buổi đầu mở đất, các dân tộc cộng cư ở đồng bằng sông Cửu Long đã chung lưng đấu cật, đoàn kết để chống chọi với thiên nhiên, với thú dữ và nhiều tai họa khác. Và đoàn kết, ngoài việc để chống chọi với những khó khăn thử thách còn là để cho có bạn có bè, cho đỡ quạnh hiu giữa chốn rừng thiêng nước độc. Vì lẽ đó, nếu truyền thống văn hóa cội nguồn quan niệm “Một giọt máu đào hơn ao nước lã” thì cư dân ở đồng bằng sông Cửu Long lại quan niệm “Bán bà con xa mua láng giềng gần”. Bởi, yếu tố láng giềng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với cư dân ở đây, trong việc giúp đỡ nhau những lúc hoạn nạn khó khăn, tối lửa tắt đèn có nhau, trong việc khẩn hoang lập ấp, mở rộng xóm làng, tạo dựng cho cuộc sống ngày càng phát triển. Do đó, người ta thường nói, người dân đồng bằng sông



Cửu Long có tinh thần hiếu khách, trọng nghĩa khinh tài cũng là xuất phát từ các yếu tố trên.

Quá trình cộng cư của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long đã tạo thành một sức mạnh tổng hợp và vô cùng to lớn trong việc khắc phục và chế ngự thiên tai địch họa, xây dựng xóm làng, làm cho vùng đất này trước kia chỉ là rừng rậm hoang vu, đầm lầy nê địa chỉ sau 300 năm đã trở thành một vùng đất trù phú, đem lại một nguồn lợi to lớn từ thiên nhiên. Bên cạnh đó, chính sức mạnh tổng hợp ấy đã làm cho vùng đất này ngày càng khai khẩn được nhiều hơn, đất hoang dần dần thu hẹp, xóm làng liên tục mọc lên, và đời sống kinh tế ngày càng được nâng cao. Ngay từ thế kỷ XVIII, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã xuất hiện nhiều thị tứ, tụ điểm buôn bán sầm uất, mà trung tâm của nó là thương cảng Bãi Xàu, thương cảng Hà Tiên, Mỹ Tho đại phố... làm cho vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng thêm rực rỡ, sung túc và tấp nập.

Quá trình cộng cư và đoàn kết giữa các dân tộc sống ở đây trong một thời gian dài đã tạo ra sự giao lưu về mặt văn hóa giữa các dân tộc với nhau. Mặc dù mỗi dân tộc đều có một bản sắc văn hóa riêng của mình, nhưng cuộc sống chung chạ nhau nhiều ngày đã không tránh khỏi sự đan xen và pha trộn lẫn nhau giữa các nền văn hóa của các dân tộc. Và cũng chính nhờ sự đan xen này mà văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long có sự phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc riêng, tạo nên một nét đặc trưng của nền văn hóa vùng sông nước Cửu Long. Chẳng hạn, về mặt tôn giáo tín ngưỡng, cả ba dân tộc Việt, Hoa, Khmer đều có thờ Phật. Nhưng người Việt, người Hoa cũng đều có thờ NeakTà của người Khmer, hay người Khmer và người Việt đều có đức tin đối với Quan Công, Bà Thiên Hậu. Hay về mặt ẩm thực, người Hoa và người Việt đều có ăn mắm bô-hóc và canh xiêm-lo của người Khmer, người Khmer và người Việt cũng thích các món vịt tiềm, heo quay bánh hời của người Hoa, cũng như người Hoa, người Khmer thích ăn canh chua cá kho tộ của người Việt. Thêm vào đó, người ta cũng thấy rằng, ngoài ngôn ngữ riêng của mỗi dân tộc, tiếng Việt dần dần trở thành tiếng phổ thông của cộng đồng người ở đây, bên cạnh hiện tượng song ngữ và đa ngữ trong cộng đồng các dân tộc. Trong tiếng nói

của người Việt đã có sự hiện diện của các tiếng dân tộc và ngược lại, chẳng hạn như các từ lì-xì, xính xái, xí mụi, thèo lèo, tài công, tăng khạo xuất phát từ tiếng Hoa; cà ràng, xà quăng, mình ên xuất phát từ tiếng Khmer...

Chim kêu Ngổ Ồ, Láng Dài

A hĩa xùa bố a mùi ùm chai.

(Chim kêu Ngổ Ồ, Láng Dài

Anh cười vợ rồi em chẳng được hay!)

Ngoài ra, chiếc "phàng", chiếc "nóp", cái "cà ràng" vốn của người Khmer đã được người Việt cải tiến thành những dụng cụ quen thuộc và thích dụng hơn cho người làm nông. Chiếc áo "bà ba" vốn có của người Việt đã trở nên phổ biến đối với nhiều dân tộc ít người. Ngôi nhà sàn là kiểu cư trú truyền thống của người Khmer, nhưng người Việt ở Năm Căn, Đồng Tháp, Sóc Trăng, người Chăm ở Châu Đốc cũng sử dụng" (...). Ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu... cả người Việt, người Hoa, người Khmer đều ăn Tết Nguyên đán và Tết Cholchnam Thmay. Truyện *Thạch Sanh - Lý Thông* của người Việt và truyện *Chao Sanh - Chao Thông* của người Khmer; chuyện *Tấm Cám* của người Việt và chuyện *Niêng Mờnắc Mêđa* của người Khmer đều có cùng một nội dung. Những nhân vật Đon Hùng Tín, La Thông, Tiết Nhơn Quý, Phàn Lê Huê trong các tuồng Tàu, truyện Tàu cũng là những nhân vật quen thuộc trong các tuồng cải lương, nói thơ Nam Bộ"¹.

Tóm lại, đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất mới, vùng đất có nhiều tài nguyên thiên nhiên ưu đãi con người, nhưng đồng thời thiên nhiên ở đây cũng không ít lần gieo tai họa cho con người. Chính sự hòa hợp và đoàn kết giữa các dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm cộng cư trên vùng đất này đã tạo nên một nguồn lực to lớn trong việc khai khẩn và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì lẽ đó, khi nói đến văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long là phải nói đến văn hóa của các dân tộc cộng cư trên một vùng đất. Trong đó, giao lưu văn hóa là một yếu tố đặc trưng của vùng này. Bởi, không gian văn hóa đồng bằng sông Cửu Long là một không gian văn hóa mở, nó sẵn sàng chấp nhận bất kỳ một nền văn hóa nào du nhập vào, nhưng đây là sự chấp nhận có chọn lọc, nhằm củng cố, bổ sung và làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa của mình. "Không thể kể hết sự giao lưu văn hóa người Việt với văn hóa các dân tộc khác trong vùng trên tất cả các lĩnh vực: cung cách làm ăn, việc ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, vui chơi, giải trí, giữ gìn sức khỏe v.v. Trong sự giao lưu đó, trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, nền văn hóa của người Việt trong vùng đã được nâng lên, được làm phong phú thêm với nhiều nét đặc sắc"².

Chú thích:

1. Thạch Phương - Hồ Lê - Huỳnh Lứa - Nguyễn Quang Vinh, sđd. tr. 44.

2. Thạch Phương - Hồ Lê - Huỳnh Lứa - Nguyễn Quang Vinh, sđd. tr. 44. ■



Thời gian có hay không?

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1. Quan niệm thời gian trong vật lý hiện đại

Chúng ta tóm tắt những điểm chính của bài viết *Is time an illusion?* của Giáo sư Triết học Craig Callender Đại học California trên tạp chí *Scientific American* tháng 6/2010, do Cao Chi biên dịch với tựa đề *Thời gian phải chăng là một ảo tưởng?* đăng trên tạp chí *Tia Sáng* số 14/7/2010. “Thời gian chỉ là một phương thức thuận tiện để đo đạc các quá trình trong vũ trụ. Thời gian không tồn tại độc lập. Chúng ta chỉ cảm nhận được thời gian vì chúng ta là một hệ con bị ràng buộc với các hệ con khác trong vũ trụ bởi nhiều mối liên quan. Thời gian được ví như tiền tệ vốn chỉ là một phương tiện giao dịch, thuận tiện hơn phương thức trao đổi trực tiếp bằng hiện vật”.

“Thời gian cổ điển là thời gian Newton. Về thực chất, Newton đòi hỏi rằng vũ trụ song hành với sự tồn tại một đồng hồ chủ (master clock) có giá trị quy chiếu cho toàn vũ trụ. Mũi tên thời gian (arrow of the time) kết dính với đồng hồ chủ. Sau đó quan niệm thời gian

này bị tấn công vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ludwig Boltzman nói: Nếu các định luật Newton là đúng cho cả hai chiều của thời gian thì sẽ không có mũi tên thời gian luôn hướng về tương lai”.

“Một mục đích tối cao của vật lý là thống nhất lý thuyết tương đối rộng với lý thuyết lượng tử để tạo nên một lý thuyết duy nhất: *lý thuyết lượng tử của hấp dẫn*... Các nhà lý thuyết mong muốn loại bỏ thời gian khi xây dựng một lý thuyết thống nhất nhưng lại bối rối bởi vì trong khi có thể loại bỏ thời gian trong thuyết tương đối rộng thì trong lý thuyết lượng tử thời gian lại có vai trò quan trọng: đó chính là nguồn gốc khó khăn trong quá trình hình thành một lý thuyết thống nhất”.

“Vào những năm 1950, 1960 khi John Wheeler và Bryce DeWitt tìm cách viết những phương trình Einstein dưới dạng giống như những phương trình của Điện động lực học lượng tử thì họ đã đi đến một kết quả hết sức bất ngờ: *phương trình bây giờ được gọi là phương trình Wheeler-DeWitt hoàn toàn không chứa thời*

gian. Ký hiệu t biểu diễn thời gian đã bị loại mất. Nếu nói một cách tường minh hơn thì thời gian không tồn tại. Carlo Rovelli (Đại học Marseille, Pháp) cùng với nhà vật lý người Anh Julian Barbour đã tìm cách viết lại lý thuyết lượng tử trong một khuôn khổ không chứa thời gian như lý thuyết tương đối đòi hỏi, ý tưởng chính của hai tác giả là: nếu không tồn tại một thời gian tổng thể (global time) thì chúng ta cần nối liền một hệ thống vật lý này với một hệ thống vật lý khác. Thay vì theo dõi tóc trên đầu bạn đã bạc đi như thế nào theo thời gian thì bạn có thể nối liền quá trình bạc tóc của bạn với quỹ đạo của vệ tinh. Thời gian trở nên thừa. Mọi sự thay đổi có thể mô tả không cần thời gian. Tương tự như tiền tệ thuận tiện hơn là trao đổi hiện vật khi phải thanh toán một ly cà phê: thời gian thuận tiện trong việc nối liền một hệ thống vật lý với một hệ thống vật lý khác. Và thời gian quả là một ảo giác thuận tiện hơn bất cứ điều gì trong vũ trụ, giống như đồng tiền trong cuộc sống thường nhật”.

“Toàn vũ trụ có thể không có thời gian; song, hãy tưởng tượng vũ trụ bị phân chia thành nhiều hệ con thì một số hệ con lại đóng vai trò ‘đồng hồ’ cho các hệ con khác. Chúng ta cảm nhận thời gian chỉ vì theo bản chất, chúng ta là một hệ con. Nhà triết học Pháp Merleau Ponty nói rằng bản thân thời gian thực tế không chảy và sở dĩ ta cảm nhận dòng chảy của thời gian vì ta đã lên đặt vào dòng sông một chứng nhân của dòng chảy”.

Bài viết kết luận: “Vây thời gian là không tồn tại độc lập. Ta cảm nhận dòng chảy của thời gian chỉ vì ta là một hệ con có nhiều mối quan hệ với các hệ con khác trong vũ trụ”.

2. Quan niệm thời gian trong Phật giáo

Những gì các luận sư Phật giáo nói về thời gian khi y cứ vào kinh điển thì không khác với kết luận trên. Chẳng hạn, một nhà Trung đạo (Madhyamaka) thì nói: “Thời gian không tồn tại độc lập vì do nhiều duyên mà sanh khởi. Thời gian là chân lý quy ước cho một hữu thể sống tách biệt theo cái ngã của mình khi y tự quy chiếu với những sự vật khác trong vũ trụ. Trong chân lý tuyệt đối, thời gian không có tự tánh, nên hoàn toàn không có”. Một nhà Duy thức sẽ nói: “Thời gian chỉ là một ảo tưởng của tâm thức, do tâm thức biến hiện”.

Sự giải thoát của Phật giáo là giải thoát khỏi sanh lão bệnh tử, nghĩa là giải thoát khỏi thời gian. Có thể giải thoát khỏi thời gian được, chính vì thời gian thì vô tự tánh, giả hợp theo duyên và do đó giả danh. Có thể giải thoát khỏi thời gian vì thời gian chỉ là một cái thấy hư vọng, một ảo tưởng do tâm thức dệt tạo nên.

Tuy cùng đạt đến một kết luận căn bản là không có thời gian, nhưng Phật giáo khác với khoa học và triết học là ở chỗ: thay vì chỉ đạt đến điều đó bằng một công thức toán học vật lý hay một tư duy triết học (nghĩa là

chỉ giới hạn trong tư tưởng hay ý thức) thì Phật giáo, bằng thiền định và thiền quán, đi đến tận cùng chiều sâu của thân tâm mình và bằng cách loại bỏ ảo tưởng “có thời gian”, nhổ hết gốc rễ vô minh và do đó chuyển hóa toàn bộ thân tâm mình. Cái biết của Phật giáo không còn là hiểu biết thông thường mà là sự tự chứng ngộ, tự thực hiện. *Không có thời gian* không chỉ là một ý tưởng đẹp khi có khi không trong cuộc sống, mà là một chứng nghiệm, một thân chứng vĩnh viễn một khi đã loại bỏ vô minh cho rằng thời gian là có thật. Với người Phật giáo, *không có thời gian* không chỉ là một ý tưởng, mà đó là toàn bộ đời sống, toàn bộ thực tại.

Sau đây chúng ta đi xa hơn trong việc tìm hiểu thời gian. Theo hệ thống Hoa Nghiêm, có bốn cấp độ đời sống, bốn cấp độ thế giới, nghĩa là bốn cấp độ thời gian:

1/ *Thế giới của Sự*. Đây là thế giới sự vật của giác quan và của ý thức phân biệt. Các sự vật biệt lập với nhau, do đó có thời gian quy ước, giả danh. Ở đây có thời gian, nhưng nói theo Callender trong bài viết trên, thời gian chỉ là một thứ tiền tệ quy ước thuận tiện cho sự tính toán trao đổi trong tương quan vật chất. Cái vô minh của chúng ta là không hiểu thời gian chỉ là một loại tiền tệ quy ước để sống trong cuộc sống vật lý, mà cho rằng nó thật một cách tuyệt đối. Nó chỉ là chân lý quy ước, tương đối (tục đế), chứ không phải chân lý tối hậu, tuyệt đối (chân đế). Khi xem thời gian quy ước tương đối này là tuyệt đối, chúng ta làm nô lệ cho nó. Do đó mà có phiền não, khổ đau, có sanh tử.

2/ *Thế giới của Lý*. Đây là “thế giới”, là “đời sống” không có thời gian. Mà đã không có thời gian chia cắt thì cũng không có không gian tách biệt nhau. Lĩnh vực này là đối tượng của việc siêu vượt khỏi ý thức phân biệt, đạt đến trí vô phân biệt. Và vì không có phân biệt, “không là một hệ thống con trong nhiều mối quan hệ với các hệ thống con khác trong vũ trụ” nên “không có dòng chảy của thời gian”.

Mọi tông phái Phật giáo đều nhắm vào cái “nguyên lý không có thời gian” này, bằng giới định huệ, để thực sự đạt đến cái không có thời gian, nghĩa là không có sanh tử. Trong các *kinh Bát Nhã* đều nói trí huệ thấu suốt tánh Không (cái không có thời gian) là chung cho cả ba thừa, Thanh Văn thừa, Bồ-tát thừa và Phật thừa. Chẳng hạn, *kinh Kim Cương* nói phải chứng đắc cái không có thời gian: “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”.

Ở đây, tuy cùng một kết luận với khoa học và triết học rằng thời gian không có thực, nhưng Phật giáo thì đem thân tâm với tất cả bề sâu bề rộng của nó để thể nghiệm điều đó, do đó mà không chỉ là hiểu biết, nhưng là chứng ngộ, giác ngộ. Cái biết trọn vẹn trong tận cùng thân tâm làm thân tâm hoàn toàn thay đổi, chuyển hóa. Từ nay người thực hành sống trong một chiều kích mới, chiều kích đích thực của đời sống: chiều kích không có thời gian không có không gian. Đó là giải thoát.

3/ *Thế giới Lý Sự vô ngại*. Bồ-tát vừa là người tự giải thoát cho mình bằng trí huệ thấu suốt tánh Không, vừa giúp đỡ người khác đi trên con đường giải thoát. Người ấy sống một lúc cả hai chiều kích: chiều kích không có thời gian (Lý) và chiều kích có thời gian (Sự) như chúng sanh vẫn sống trong ba cõi. Bồ-tát sống cả hai chiều kích Lý và Sự như vậy, nên gọi là cấp độ Lý Sự vô ngại.

Trong các kinh Đại thừa có nói Bồ-tát sống không có thời gian nhưng không hủy hoại tướng thời gian của chúng sanh; sống cái vô tướng nhưng không ngăn ngại phá hủy cái có tướng của chúng sanh. Hẹn ai giờ nào là đúng giờ ấy tới, chứ không lấy cớ là tôi sống không có thời gian, tôi sống trong vĩnh cửu, rồi muốn tới giờ nào cũng được. Nói cách khác, Bồ-tát sống chân lý tuyệt đối và tối hậu nhưng vẫn “tùy thuận” với chân lý tương đối và quy ước. Như thế là Bồ-tát đầy đủ cả Trí Huệ và Đại Bi.

Chúng ta thấy bậc Thanh văn chỉ nhắm đến chân lý tuyệt đối và tối hậu không có thời gian và khi đạt được chân lý tuyệt đối ấy thì chúng nhập chân lý tuyệt đối nên hoàn toàn giải thoát khỏi ba cõi. Còn vị Bồ-tát thì dẫu nhắm đến và đạt đến chân lý tuyệt đối không có thời gian, nhưng vì không bỏ chúng sanh cho nên vẫn chấp nhận, không xóa bỏ chân lý quy ước tương đối “có thời gian”. Đây là một điều khó khăn, như kinh *Đại Bát Nhã* nói trong phẩm *Học Không Bất Chứng*:

“Tôi chẳng nên rời bỏ tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh chìm trong cái không thật, tôi phải cứu độ họ... Phải biết Bồ-tát này thành tựu sức phương tiện, lúc chưa được thành Phật, hành ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác mà chẳng giữa đường chúng lấy thiệt tế (chân lý tuyệt đối không có thời gian)... Chỗ làm của Bồ-tát thật là rất sâu. Tại sao vậy? Vì dẫu Bồ-tát học Các Pháp Không, học Thiệt Tế, học Pháp tánh, học Rốt Ráo Không hẳn đến học Tự Tướng Không và ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác, mà trọn chẳng giữa đường sa vào bậc Nhị thừa: Thanh văn và Độc giác Phật. Thật là ít có vậy”.

Tóm lại, sống được Lý Sự vô ngại, sự vô ngại của có thời gian và không có thời gian, sự vô ngại của sanh tử và Niết-bàn, cho nên Bồ-tát sẽ tròn đủ hai sự tích tập: Trí Huệ (thế giới của Lý) và Công Đức (thế giới của Sự) để thành Phật.

4/ *Thế giới Sự Sự vô ngại*. Khi mỗi khoảnh khắc thời gian (Sự) và cái không có thời gian (Lý) hòa nhập và dung chứa vô ngại với nhau đạt đến mức hoàn hảo, mỗi khoảnh khắc thời gian (Sự) sẽ hòa nhập và dung chứa mỗi và tất cả khoảnh khắc thời gian khác (Sự) tạo ra một trùng trùng tương dung tương nhiếp vô tận. Đây là thế giới Sự Sự vô ngại.

Chúng ta trích vài đoạn trong kinh *Hoa Nghiêm* nói về cấp độ này:

Trong mỗi mỗi chân lông
Úc cõi chẳng nghĩ bàn
Các thứ tướng trang nghiêm
Mà chưa từng chật hẹp.

(*Hoa Tạng Thế Giới thứ 5*)

Vị lai trong quá khứ
Hiện tại trong vị lai
Ba thời thấy lẫn nhau
Mỗi mỗi đều rõ ràng.

(*Phổ Hiền Hạnh thứ 36*)

Hoặc vô lượng kiếp vào một kiếp
Hoặc lại một kiếp vào nhiều kiếp...
Hoặc sự trang nghiêm trong một kiếp
Vào khắp tất cả vô biên kiếp.

(*Thế Giới Thành Tựu thứ 4*)

“Trong một vi trần nhập trong vô số thế giới khởi, trong vô số thế giới vi trần nhập trong một vi trần khởi... Một niệm nhập trong ức kiếp khởi, ức kiếp nhập trong một niệm khởi... Ba thời quá khứ hiện tại vị lai nhập trong một khoảnh khắc khởi, một khoảnh khắc nhập trong ba thời khởi” (*Phẩm Thập định thứ 27*).

Phật giáo nói rằng “tất cả do tâm tạo”. Tâm càng thanh tịnh, càng vi tế, càng trong sáng, càng cao rộng thì sẽ chứng nghiệm được những “cảnh giới” cao rộng của thời gian và cái không có thời gian.

Bốn cấp độ của thế giới cũng là bốn cấp độ của tâm vậy.

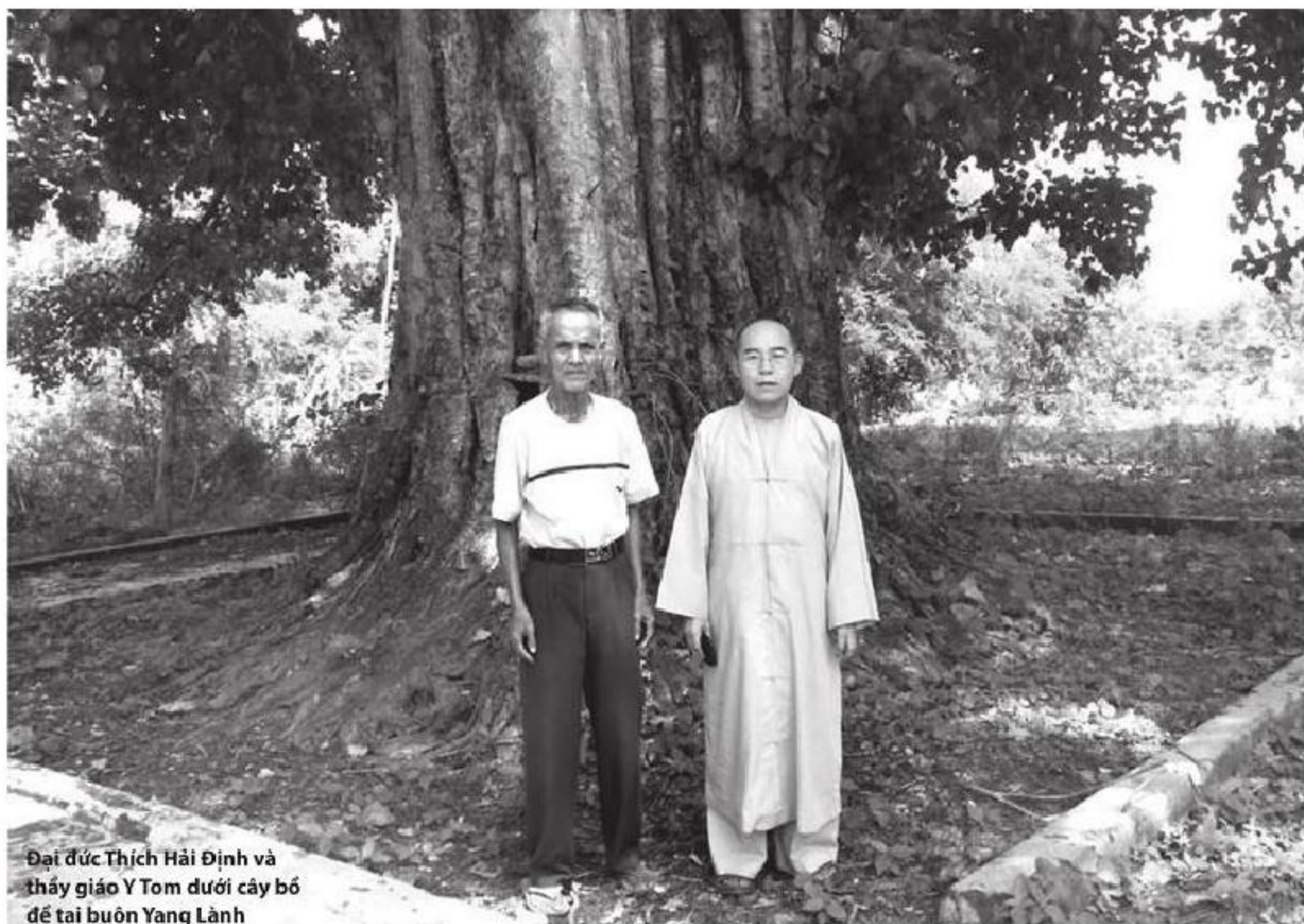
3. Kết luận

Về mặt lý thuyết, khoa học có thể triệt tiêu thời gian – nỗi ám ảnh lo sợ lớn nhất của con người. Về mặt thực hành, có thể khoa học chế tạo ra một cái máy triệt tiêu thời gian, nhưng cái máy đó không dành cho con người, bước vào đó con người sẽ tiêu tan.

Phật giáo đồng ý với khoa học có thể triệt tiêu thời gian về mặt lý thuyết, nhưng Phật giáo còn có những pháp môn thực hành phù hợp với con người để con người có thể thể nghiệm chính ngay trong thân tâm này cái *không có thời gian* ấy.

Như thế Phật giáo không bác bỏ hay chống đối khoa học. Trái lại, Phật giáo là sự nối dài, sự mở rộng của khoa học đến những biên giới tận cùng của thân và tâm – nhất là tâm – của con người. Mở rộng chiều kích của tâm để mở rộng chiều kích của thời gian là việc làm của những thực hành Phật giáo (mà chúng ta thường gọi là tu hành tâm thức). Qua những sự thực hành, tâm thức chúng ta sẽ mở rộng hơn, và tùy theo độ mở rộng ấy, chúng ta sẽ thể nghiệm sự mở rộng của thời gian và không gian cho tới vô tận.

Con đường Phật giáo là sự thể nghiệm, tự chứng những cấp độ của thời gian, đi từ thời gian ảo tưởng do tâm thức chấp trụ, quy chiếu vào nhiều thứ hữu hạn mà tạo ra, cho đến cái thời gian đích thật là không có thời gian vì tâm thức không trụ vào một nơi nào cả. Đó là con đường của giải thoát (khỏi thời gian giới hạn) và tự do (vì không còn điểm nào để quy chiếu) và an vui (vì không còn những phiền não do bị trói buộc vào dòng chảy của thời gian một chiều và hữu hạn). ■



Đại đức Thích Hải Định và
thầy giáo Y Tom dưới cây bồ
đề tại buôn Yang Lành

Dấu ấn đạo Phật tại **Bản Đôn - Daklak Tây Nguyên**

Nhóm nghiên cứu HẢI ĐỊNH – PHƯỚC HẢI

Đi tìm dấu tích thác Phật

Có thể đó là một hình tượng bằng đá giữa dòng thác, được thời gian mưa nắng gọt đẽo một cách tự nhiên, để rồi những người dân sẵn có niềm tin Phật nhập cư tại vùng đất ấy trọng vọng, xưng tụng là "Thác Phật".

Theo chân những người dân địa phương, chúng tôi vượt qua nhánh sông Sêrê Pôk, vào Vườn quốc gia Yok Đôn không xa, đến chân con thác. Thực tế, đây là một vùng đá nằm lọt giữa dòng thác, nước mùa này không xiết lắm. Những khối đá đen nhánh nhẵn bóng lộ lộ giữa dòng.

Dân làng kể rằng ở chính giữa ngọn thác này, ngày xưa có một tảng đá lớn, hình thù trông giống một bức tượng Phật ở tư thế ngồi kiết già; nhìn vào có thể tưởng tượng pho tượng ấy có cả đầu, vai, tai rất rõ ràng, mặt hướng về phía Tây nhìn xuống hạ nguồn dòng thác. Theo truyền thuyết, sau khi người đi rừng phát hiện, báo về buôn, dân làng liền kéo nhau đến xem. Với lòng tin, dân chúng thường đến đó thắp nhang, khấn vái cầu xin sự bình an trong cuộc sống và trong lao động, nhiều sự việc rất linh ứng cho nên dân làng gọi là thác Phật. Đức tin đã khiến nơi đây có nhiều sự linh hiển, càng ngày dân chúng càng xem đây như một biểu tượng thiêng liêng đối với đời sống tâm linh.

Ven bờ thác, cạnh pho tượng Phật tự nhiên ấy, có một cây đa rất lớn, tán cây rộng xòe ra che lấy pho tượng, trông như một cái lọng báu, khiến vùng nước quanh thác lúc nào cũng trong xanh, lại rất mát. Người thợ làm rừng thường ghé qua đó lấy nước uống trên đường đi, về mỗi ngày lao động. Rất tiếc, từ năm 1980, vào mùa mưa, do nước lớn, xoáy sâu làm đổ gốc đa; và cũng chính vì vậy, khi bị lũ cuốn đi, cây đa cũng cuốn mất pho tượng Phật tự nhiên. Sau trận lũ, người dân cố tìm lại tượng đá và gốc đa, nhưng không hề thấy tăm dạng! Dân quanh vùng rất tiếc; vì với họ, dù tượng đá tự nhiên không còn, nhưng họ vẫn tin vào sự linh thiêng của thác Phật.

Dân làng còn kể rằng, ngày xưa, có một nhà sư gốc Lào sang hoàng pháp ở Bản Đôn, làm chùa thờ Phật và sống cùng bà con, thường xuyên đến khuyến thiện ở buôn Yeng Lan (Jang Lành bây giờ). Nhà sư thường hay đến bên cạnh thác tụng niệm và tham thiền.

Do vậy có thể thấy rằng dấu ấn đạo Phật hiện diện tại vùng Bản Đôn từ rất sớm; có lẽ chỉ là sự tin Phật một cách thuần hậu, chứ chưa có tổ chức. Và có lẽ nhà sư người Lào kia cũng theo bước vân du một cách tự phát đến đất Bản Đôn truyền đạo mà thôi.

Đi tìm dấu tích chùa miếu

Qua lời kể của người dân, chúng tôi đến buôn Yeng Lan (Yang Lành) tìm gặp những cư dân nơi đây. May mắn, khi thấy chúng tôi đến chiêm quan gốc bồ đề, họ xúm lại. Sau khi chào hỏi, họ dẫn chúng tôi vào nhà sàn của một thầy giáo nghỉ hưu, nay là già làng tại đó. Thấy giáo già làng nay đã 80 tuổi gốc M'Nông, lấy vợ gốc Lào. Thấy giáo tên là Y Tom K'Dok kể và cho chúng tôi xem cả bản hương ước làng. Qua đó có thể biết rằng:

Chữ Yang Lành (Yeng Lan) nguyên là một từ M'Nông, là tên một con suối đầu làng. Buôn này được thành lập năm 1890 bởi một vị thương nhân gốc Lào tên là Luông Sỷ, vì thế, ông này cũng là người chủ làng đầu tiên. Mới đầu buôn được gọi là "Ban giang lăm", nằm phía Đông xã Krông Ana ngày nay và cách trụ sở UBND xã 2km. Buôn có diện tích 11.660ha trong đó 181ha đất canh tác, với 105 hộ, 591 nhân khẩu, có 5 dân tộc chung sống là Ê đê, Lào, M'Nông, Kinh và Gia Rai. Ngôn ngữ phổ biến là Lào. Đặc biệt, buôn có 5 hộ Phật giáo, ngoài ra đều là các hộ không tôn giáo, sống thuần nông nghiệp, trồng lúa và chăn nuôi.

Thầy giáo Y Tom cho biết thêm: sau khi lập làng, cùng với Luông Sỷ, có nhiều người Lào đến đây buôn bán và định cư. Chẳng biết vào thời gian nào, có một tu sĩ người Lào, quần áo vàng đến Bản Đôn, truyền đạo Phật và lập một chùa nhỏ tại buôn này, dân làng gọi là am. Trong am, người dân bảo rằng thờ rất nhiều tượng Phật bằng đất nung. Am không lớn, chỉ khoảng 2m x 2m bằng gỗ, kiến trúc theo kiểu nhà sàn. Mãi về sau, không thấy bóng dáng nhà sư nữa. Am vẫn được dân trong buôn lui tới hương khói, cầu nguyện.

Trước những năm 60 của thế kỷ XX, vì am hư nát, dân làng đã góp công tu sửa y kích thước và vật liệu cũ, và tiếp tục thờ các tượng Phật. Cũng chẳng biết vào thời gian nào, khi Y Tom còn nhỏ xíu thì thấy đã ông Y Thua chăm sóc cây đa. Cây đa này gốc Ấn Độ, được mang từ Lào sang. Hiện nay người dân thường gọi là cây đa, người biết thì gọi cây bồ đề. Gốc cây bồ đề hiện nay cũng phải 8 – 10 người ôm mới hết, tán lá của nó tỏa rộng tròn xoe, ước cũng phải 20 đến 25m tứ phía.

Cây bồ đề hiện tọa lạc cách Nhà văn hóa cộng đồng của buôn chừng 1m. Y Tom chỉ cho biết cái chùa (am) thờ Phật ngày trước nhà sư làm tại mấy gốc cây me to lớn hiện nay. Chùa đã tàn, không còn dấu tích, chỉ biết rằng lúc trước nằm cạnh nhà Chét Tài, một căn nhà đã hư nát nhiều phần và bỏ trống. Chúng tôi ước tính từ chỗ am Phật đến Nhà văn hóa cộng đồng của buôn cũng chỉ hơn chục mét.

Chét Tài người Lào gốc Tàu, bố người Tàu, mẹ người Lào. Chét Tài là thương nhân có tín ngưỡng Phật giáo nên thường chăm sóc hương khói. Khi am hư nát sau lần tu sửa vào những năm 60 của thế kỷ trước, một số tượng Phật không rõ phiêu dạt nơi đâu. Theo vợ chồng Y Tom thì một tượng được dân làng đặt thờ ở hốc cây bồ đề, lâu ngày cây phát triển đã chôn trọn tượng Phật trong ấy. Còn một tượng, được Chét Tài mang về thờ ở nhà. Khi Chét Tài bệnh nặng, người con rể của cụ là Bun My, con trai của Nai Ký Lào, đưa cụ Tài về nhà mình chăm sóc, chuyển tất cả đồ đạc của cụ, trong đó có cả tượng Phật xưa kia thờ ở chùa (am) về thờ tại nhà mình.

Về nguồn gốc cây bồ đề và người trồng thì đã được xác minh đó chính là em gái của bố Y Tom, tức là vợ của cụ Y Thua. Thấy giáo Y Tom hiện đã 80 tuổi, như vậy, nếu quả cây bồ đề được bà vợ của cụ Y Thua trồng thì đến nay cũng đã được khoảng 100 năm.

Tìm dấu tích tượng Phật

Được biết, Bun My mang tượng Phật về nhà cùng lúc với việc đưa Chét Tài về nuôi dưỡng trước lúc lâm chung năm 2000. Chúng tôi tìm đến nhà Bun My. Đó là một ngôi nhà bán quán ăn ở đầu Khu du lịch cầu treo Bản Đôn – buôn Trĩ.

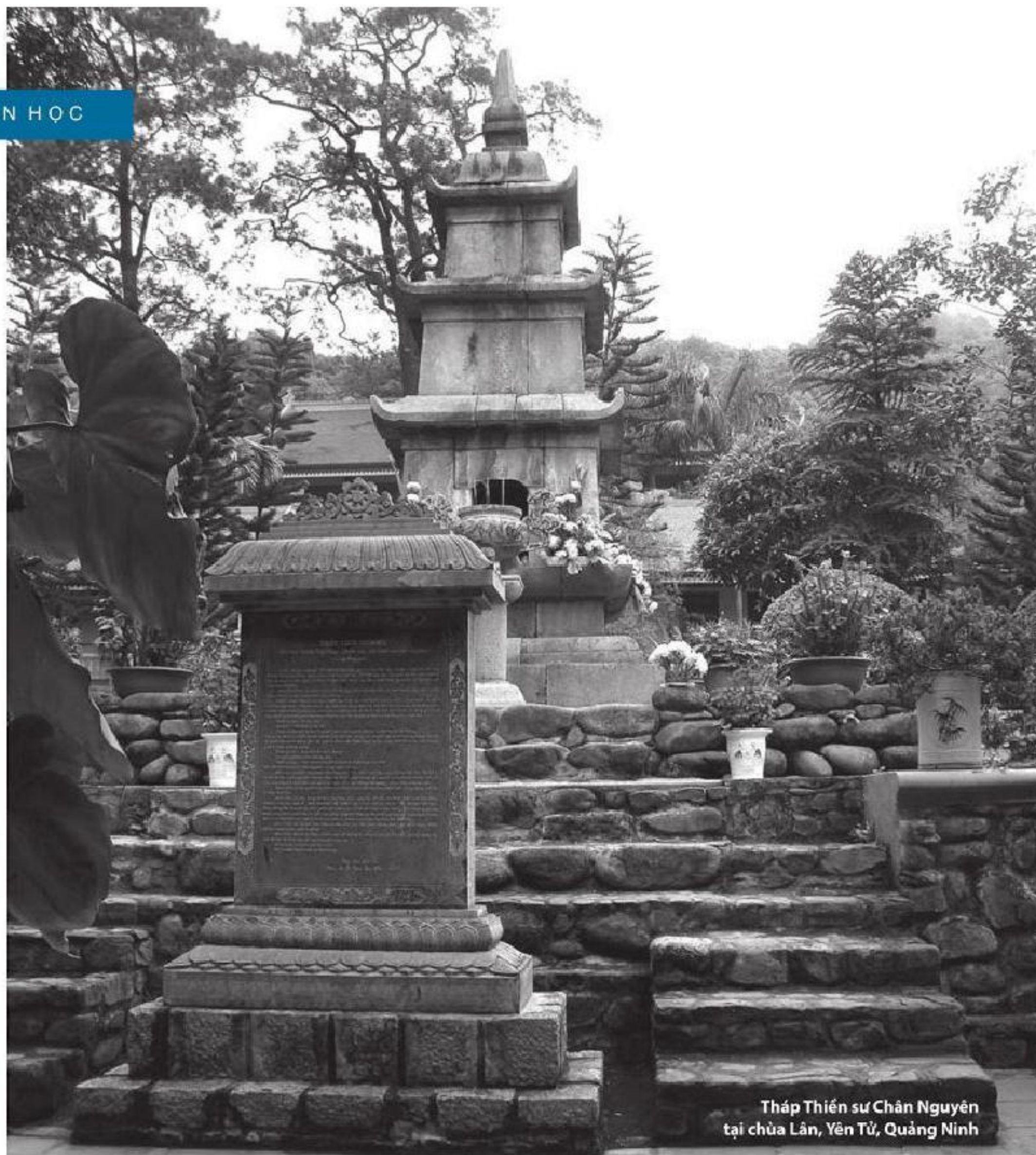
Sau khi nghe chúng tôi muốn tìm hiểu về nguồn gốc ngôi chùa và cây bồ đề cùng tượng Phật, vợ chồng Bun My niềm nở tiếp chúng tôi và cũng xác quyết những điều thầy giáo Y Tom kể. Sau đó, ông bà Bun My cho chúng tôi lên gác xem tượng Phật mà Bun My vẫn thờ phụng trang trọng như một vật gia bảo. Chiều theo khát vọng của chúng tôi, Bun My thỉnh pho tượng từ chiếc trang thờ xuống để chúng tôi tận mắt tìm hiểu. Tượng được cấu tạo bởi một cốt bằng gỗ rất cứng, bên ngoài phủ đất và được nung lên theo kiểu nung tượng của người Chăm. Trông bề ngoài, tượng na ná những bức tượng ở các hình trên các mặt tháp của người Lào. Tượng được tạc ở thế ngồi kiết già, hai tay bắt ấn sát lòng bàn chân, tóc hình xoắn ốc, đỉnh tướng lồi cao. Theo kiểu ngồi và ấn, chúng tôi có thể đoán đó là tượng Đức Phật Thích-ca. Toàn thân được phủ phết sơn trắng.

Kết luận

Qua thực tế vừa trình bày trên, chúng tôi có thể xác định được rằng đạo Phật có mặt tại những vùng đất của Tây Nguyên rất sớm. Có thể vào những năm cuối thế kỷ XIX khi buôn Yeng Lan được thành lập do những người Lào sang buôn bán định cư tại đó. Hoặc ít nữa là từ đầu thế kỷ XX, đạo Phật đã có mặt tại vùng đất này do các sư sãi Lào truyền sang. ■



Tượng Phật tại nhà Bun My ở Buôn Đôn



Tháp Thiền sư Chân Nguyên
tại chùa Lân, Yên Tử, Quảng Ninh

Đi tìm **một số bài tựa, bạt** của thiền sư Chân Nguyên

Bài & ảnh ĐỒNG DUÔNG

Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) là một cao tăng sống vào thời Lê trung hưng. Sư là người phục hưng thiền phái Trúc Lâm, là một tác gia văn học Phật giáo cũng như văn học dân tộc. Một số tác phẩm của sư như *Nam Hải Quan Âm bản hạnh*, *Thiền tông bản hạnh*,

Thiền tịch phú, *Kiến tính thành Phật*, *Ngộ đạo nhân duyên* đẳng kệ có giá trị triết học, thiền học, ngôn ngữ. Ngoài ra, sư còn có một số tác phẩm tuy không nổi trội nhưng giúp chúng ta tìm hiểu một số vấn đề về tư tưởng, sinh hoạt thiền môn, âm nhạc Phật giáo Việt Nam thời Lê-Nguyễn.

Vì thế, để tài nghiên cứu về con người và sự nghiệp của Thiền sư Chân Nguyên đã được các công trình hướng đến. Tiêu biểu là Lê Mạnh Thát với *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*^a (CNTSTT). Bộ sách này mới in roneo được hai tập, sưu tầm rất nhiều tác phẩm của Chân Nguyên, nhưng do tình hình lúc đó công việc sưu tầm chưa đầy đủ để hoàn thành bộ toàn tập. Ngoài ra, các học giả như Hoàng Xuân Hãn, Thích Thanh Từ, Hoàng Thị Ngọc, Thích Phước An... cũng đều có công trình nghiên cứu về các tác phẩm của Thiền sư Chân Nguyên. Năm 2007, Phạm Văn Tuấn bảo vệ luận văn với đề tài *Kiến tính thành Phật của Chân Nguyên thiền sư - giới thiệu và khảo cứu*. Trong luận văn cao học, Phạm Văn Tuấn đã sưu tầm được một số tác phẩm^b, đặc biệt là đã nghiên cứu sâu về văn bản của tác phẩm *Kiến tính thành Phật*, điều mà trước đó chưa ai làm rõ các vấn đề về văn bản học.

Đến thời điểm này, chúng tôi nhận thấy có một số bài tựa, bạt do Chân Nguyên viết vẫn còn trong các bản in kinh sách mà chưa nhà nghiên cứu nào nói đến. Tác giả CNTSTT trong phần *Giới thiệu về tựa bạt của Chân Nguyên* mới chỉ phác thảo vài ý và chỉ đưa ra được bài tựa và bài bạt trong *Long thư tịnh độ văn*. Tác giả có nói đến bài tựa trong *Kim Cương kinh chú giải*^c ở bản in chùa Linh Quang nhưng còn do dự vì văn bản không ghi năm in cùng tác giả bài tựa.

Trong quá trình đọc sách tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi tìm được bản *Kim Cương kinh tập chú*, ký hiệu AC. 510. Văn bản AC. 510 được in năm Chính Hòa thứ 21 (1700), chùa Quỳnh Lâm tàng bản (gọi tắt là bản Quỳnh Lâm). Cuối bài tựa cho biết sư Chân Nguyên phó chúc cho Sa di Như Chúc^d trùng san. Bài tựa và bạt có ghi rõ do Chân Nguyên viết, riêng bài tựa mất một tờ đầu. Khi đối chiếu với bản Linh Quang, chúng tôi nhận thấy bản Linh Quang lấy bản Quỳnh Lâm làm bản nền để khắc ván. Bản Linh Quang lấy bài hậu bạt, có bỏ phần truyền đăng trong bản Quỳnh Lâm làm bài tựa. Có thể người đứng in sở hữu một bản mất bài tựa và lạc khoản ghi năm in nên họ mới lấy bài hậu bạt làm bài tựa và không ghi lại xuất xứ của người soạn cùng năm khắc in.

Đọc trong *Lý tướng công minh ty lục*^e, bản do Tỳ-kheo Phổ Hưng, chùa Phổ Am, xã Cát Bí, huyện Thượng phúc, phủ Thượng Tín, tỉnh Hà Nội in năm Tự Đức thứ nhất (1848), ta biết bản này được trùng san từ một bản do Tỳ-kheo Như Đăng^f và thiện sĩ Lương Đình Bằng tự Đạo Trung khắc in, ván để tại chùa Quỳnh Lâm. Trong đó, có cung lục bài *Lý tướng công minh ty lục trùng san Chân Nguyên lược dẫn tự viết* do Chân Nguyên viết vào năm Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708).

Chúng tôi tìm được một bài tựa *Bát Nhã ba la mật đa tâm kinh vô cấu thiền sư chú giải tự viết*^g (gọi tắt là *Tâm kinh chú giải tự viết*) của sư Chân Nguyên viết vào năm Bảo Thái thứ 5 (1724). Bản *Tâm kinh chú giải* được sư Tính Tuyên (?-1747)^h, chùa Quang Ân đứng in dưới sự giám

sát của sư Chân Nguyên. Cuối bài tựa có hai bài kệ và một câu đối của Chân Nguyên. Hai bài kệ này từng xuất hiện trong *phụ hậu Ngộ đạo nhân duyên đăng kệ* của sách *Thiền tông bản hạnh*. Bài kệ thứ hai là *Tự tính ứng dụng kệ* có một số chữ khác với bản Ngộ đạo nhân duyên.

Trong bản in *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa*ⁱ có một bài tựa của Chân Nguyên viết năm Bảo Thái thứ 7 (1726). Bài tựa *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa trùng san tự viết* cho biết tác phẩm này của Hòa thượng Chuyết Công được sư Chân Nguyên trùng san. Sư giao công việc khắc ván cho Sa di Như Tùy (1696-1733)^j. Trong bản in này, sư Như Tùy đã in thêm "*Phụ hậu Liên tông thiền tông chư vấn diệu lý, dĩ thị hậu học tảo đắc giác ngộ sự lý cứu cánh tốc đắc thành Phật*" của sư Chân Nguyên vào sau tác phẩm của Chuyết Công. Đoạn đầu, Chân Nguyên trích lại một số đoạn trong *Long thư tịnh độ văn*, sau đó là sư nêu ra những câu hỏi có liên quan đến Tịnh Độ tông rồi tự trả lời. Cách làm này giống với sách *Kiến tính thành Phật*.

Một bản trùng san *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa* được đóng sau kinh *Vô Lượng Thọ* do Tỳ-kheo-ni Diệu Thụy, chùa Địa Linh Tây Hồ^k đứng in năm Tự Đức thứ 13. Bản in này dựa trên bản in của Thiền sư Tính Tuyên chùa Quang Ân khắc ván năm 1747. Tính Tuyên đã tự mình viết bài tựa mới cho lần in này. Bài tựa rất giống bài tựa của Chân Nguyên viết ra trước đó mấy chục năm. Cuối tựa cho biết: "*Tăng thống Tuệ Đăng Chính Giác hòa thượng, Tỳ-kheo Chân Nguyên đã phó chúc cho tôn thừa Tính Tuyên phụng hành kính in*". Trong bản in năm Bảo Thái thứ 7 (1726), cuối tựa có câu: "*Tăng thống Chính Giác hòa thượng Tỳ-kheo Chân Nguyên phó chúc đệ tử Sa di Như Chúc phụng hành san bản*". Như thế, Chân Nguyên đã phó chúc cho hai vị là Như Chúc, Tính Tuyên đứng in tác phẩm của Chuyết Công. Như Chúc đứng in lúc Chân Nguyên còn sống, Tính Tuyên đứng in lúc sư viên tịch đã hai mươi mấy năm. Bản in của sư Như Chúc có in thêm "*Phụ hậu Liên tông thiền tông chư vấn diệu lý, dĩ thị hậu học tảo đắc giác ngộ sự lý cứu cánh tốc đắc thành Phật*". Bản in của Tính Tuyên có in thêm *Tịnh độ yếu nghĩa* với phần nhan đề ghi theo kiểu nội dung "*Phụ hậu thiền ác báo ứng, phá khuyến niệm Phật, lâm chung chính niệm*". Lê Mạnh Thát có lý khi ông nhận định: "*Một trong những hạn chế đó là Tịnh độ yếu nghĩa đã sử dụng những tài liệu khác nhau để xây dựng và phát biểu quan niệm của mình, nên thật sự không phải một sáng tác phẩm thuần túy của Chân Nguyên. Nếu có chăng thì chỉ là phần cuối của tác phẩm đó thôi*"^l. Bản in của Như Chúc có ghi rõ xuất xứ, còn bản do sư Tính Tuyên in thì không ghi lại xuất xứ nên khi đọc chúng ta tưởng lời văn của Chân Nguyên. Bản in của Như Chúc chỉ ghi ba đoạn trong hai quyển là quyển hai và quyển bốn của sách *Long thư tịnh độ văn*, rồi đến những câu hỏi do Chân Nguyên tự đặt ra, cùng lời giải đáp những nghi vấn. Văn bản có giá trị học thuật cao, giúp chúng ta nghiên cứu về tư tưởng Tịnh độ của Chân Nguyên.

Xuất xứ của bản in *Kinh Vô Lượng Nghĩa* cùng *Bồ đề tịnh độ yếu nghĩa* đã ghi lại trong bản *Mật chú viên nhân vãng sinh tập*, đóng sau tập *Hiển mật viên thông*. Tờ 34a cho chúng ta thông tin như sau: “Vào ngày tốt tháng 8 năm Canh Thân niên hiệu Tự Đức thứ 13, Tỳ-kheo-ni Diệu Thủy, chùa Địa Linh, phường Tây Hồ, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội, nhân thấy Nguyễn Huy Côn người thôn Hạ Đình, xã Nhân Mục cựu, huyện Thanh Trì giữ chức Tá Nhị huyện Hoài An, cùng sư pháp danh An Trụ người thôn Nội, xã La Vân, bản huyện trụ trì chùa Giải Oan thôn Thượng, xã Yến Vỹ, huyện hạt cùng khuyến hóa san khắc vào tháng 10 năm Tân Hợi [niên hiệu Tự Đức] thứ 4 các bản *Hiển mật viên thông tập*, *Mật chú viên nhân vãng sinh tập*, *Vô Lượng Thọ kinh*, *Bồ đề tịnh độ yếu nghĩa* khắc tại chùa Hương Trăn xã Hội Xá đã thành 104 tấm ván, tất cả được 192 tờ, còn bằng phương danh công đức chưa được san khắc mà An Trụ tôn giả viên tịch. Thiết nghĩ pháp bảo cùng phương danh công đức có liên quan. Nay kinh bản đã được đưa đến tỉnh thành muốn tìm danh lam lưu trữ để tiện in ấn rộng lưu truyền...¹⁰ Như thế, lúc đầu các bản do sư An Trụ khắc in, sau khi An Trụ viên tịch các ván được đưa lên chùa Địa Linh và cho in ấn lưu thông. Sư An Trụ trụ trì chùa Giải Oan thuộc xã Yến Vỹ, nay nằm trong khu di tích chùa Hương chứ không phải như Lê Mạnh Thát đã nhận định rằng “Chùa Giải Oan nằm trong vùng núi Yên Tử, căn cứ địa của thiền phái Trúc Lâm nổi tiếng”.

Theo bản in *Phật thuyết Tây phương Di-Đà Như-Lai bản nhân tu hành tứ thập bát nguyên kinh*¹¹ (gọi tắt là *Tứ thập bát nguyên kinh*) được khắc in năm Bảo Thái thứ 7 (1726), bản lưu tại chùa Quang Ân, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Bản in này có đóng chung với *Tịnh độ sám nguyện* và *Tịnh độ quyết nghi*. Trong đó có in một bài tựa và một bài hậu bạt do sư Chân Nguyên soạn. Bài tựa đề “Tây phương Di-Đà Như-Lai bản nhân tu hành tứ thập bát nguyên kinh trùng san tự viết” và bài bạt đề “Tây phương Di-Đà Như-Lai bản nhân tu hành tứ thập bát nguyên kinh bạt hậu tự”. Cuối bài tựa cho biết: “Lê triều Bảo Thái thất niên tuế thứ Bính Ngọ thu tiết cốc nhật soạn lai trùng san. Tăng thống Chính Giác hòa thượng tự Chân Nguyên phó chúc tôn thừa Sa di tự Tính Tuyên san bản ấn tán” nghĩa là “ngày tốt tiết thu năm Bính Ngọ niên hiệu Bảo Thái thứ 7 (1726) triều Lê soạn để trùng san, Tăng Thống Chính Giác hòa thượng tự Chân Nguyên phó chúc cho tôn thừa Sa di tự Tính Tuyên khắc bản lưu thông”. Như thế, Thiền sư Chân Nguyên đã phó chúc cho Sa di Tính Tuyên khắc bản kinh.

Về bản in *Thánh đẳng ngữ lục*¹², tác giả CNTSTT có nói đến việc Chân Nguyên có đứng in sách và tác giả này đoán là sư có soạn bài tựa và bạt nhưng chưa tìm ra được. Theo chỉ dẫn trên, chúng tôi tiến hành xem xét lại bản in *Thánh đẳng ngữ lục* năm 1750 và chỉ biết một bài tựa của sư Tính Quảng cùng một bài bạt hậu không ghi lại tác giả. Có một số nhà nghiên cứu cho bài đó là

của sư Tính Lăng, am Trí Nhân soạn, vì sau bài bạt có ghi tên sư cung tiến cho hai vị thầy của mình. Chúng tôi lần đọc nguyên tác thấy trong đó có chất giọng của sư Chân Nguyên. Sự nghi vấn của chúng tôi rồi cũng có câu trả lời khi đối chiếu với bài tựa của sách *Kiến tính thành Phật*. Qua khảo sát, chúng tôi đưa ra mấy lý do để kết luận đó là bài viết của sư Chân Nguyên.

Lý do thứ nhất, theo bài tựa cho biết vào năm Vĩnh Thịnh Ất Dậu (1705), sư Chân Nguyên chùa Long Động có trùng san bản sách. Chân Nguyên khi in sách thường có soạn bài tựa và hậu bạt. Địa vị sách *Thánh đẳng ngữ lục* đối với sư rất quan trọng, khi soạn *Thiền tông bản hạnh*, sư lấy *Thánh đẳng ngữ lục* làm tài liệu chính để viết nên. Thứ hai, ngôn ngữ viết bài hậu bạt rất giống bài tựa *Kiến tính thành Phật*. Bài hậu bạt có đoạn: “Cổ Xuyên lão thiền sư vân: Mật hậu nhất cú, thủy đáo lao quan, trực đắc tam thể chư Phật, tứ mục tương cố. Lục tổ đại sư, thối thân hữu phần, hà vị thị giang hà triệt đồng, thủy thế bất thông, cực mục kinh trần, nan vi thác túc, đáo giá lý thêm ti mao, như nhơn trung khán tốc, giảm nhất ti mao tợ nhục thượng ... tụng viết:

Đắc ưu du xứ thả ưu du
Vân tự cao phi thủy tự lưu.
Chỉ kiến hắc phong phiến đại lăng,
Vị văn trăm khước điệu ngư chu”.

So với bài tựa *Kiến tính thành Phật* từ tờ 6b3-14 đến tờ 7b1-13 thì chỉ khác một vài chữ như trong bài tụng câu thứ 3 chữ “Phong” thì bài tựa *Kiến tính thành Phật* là chữ “Vân”. Những đoạn khẩu khí của Chân Nguyên như: “Trí giả tu tri, đối nhơn linh nguyên trạm trạm, hiện tiền pháp tính như như, viên đồng thái hư, tịch quang phổ chiếu, nhơn nhơn bản cụ, cá cá viên thành...”. Do đó, điều chắc rằng bài hậu bạt phải do sư Chân Nguyên soạn. Như thế, trong khi trùng san *Thánh đẳng lục*, sư Tính Lăng đã sử dụng một bản thiếu mất bài tựa nên sư mới lục tục lên Từ Trăm nhờ sư Tính Quảng viết bài tựa mới cho lần trùng san và cung lục bài hậu bạt của sư Chân Nguyên vào cuối sách.

Việc phát hiện tác giả bài hậu bạt trong *Thánh đẳng lục* đã giúp chúng tôi có nhân duyên khảo sát tiếp văn bản *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục*¹³. Hiện nay, chúng ta được biết có mấy bản *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục*, trong đó bản in do sư Tuệ Nguyên chùa Long Động trùng san năm Chính Hòa thứ 4 (1683) là xưa nhất. Trong bản in này, sư Tuệ Nguyên đứng ra viết bài tựa sách. Nhiều nhà nghiên cứu không biết tông tích của sư Tuệ Nguyên, chỉ biết sư ở chùa Long Động. Việc sư Tuệ Nguyên ở chùa Long Động đã hé mở cho chúng tôi thấy được mối quan hệ giữa Tuệ Nguyên và Chân Nguyên. Như vậy, họ có quan hệ như thế nào hay họ chỉ là một người.

Chúng tôi cho rằng sư Tuệ Nguyên đây chính là sư Chân Nguyên và bài tựa đó do sư Chân Nguyên viết. Cách lập luận của chúng tôi cũng chỉ bám sát các tư liệu Hán Nôm còn bảo tồn. Chúng tôi đưa ra mấy lý do sau.

Tháp Thiền sư Chân Nguyên
tại chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều,
Quảng Ninh



Lý do thứ nhất tên Tuệ Nguyên chính là cách viết tắt của Tuệ Đăng hòa thượng Chân Nguyên thiền sư. Lý do thứ hai là niên đại, năm Chính Hòa thứ 4 sư Tuệ Nguyên in sách tại chùa Long Động thì sư Chân Nguyên (1647-1726) đi đầu. Mà lúc đó, sư Chân Nguyên đang trụ trì Long Động, tổng trưởng của dòng Trúc Lâm. Chúng ta biết trong niên hiệu Chính Hòa, Vĩnh Thịnh triều Lê, sư Chân Nguyên đứng in nhiều kinh sách. Trong các bài tựa, sư hay ca ngợi giai đoạn này như sự thịnh hành của đạo Phật. Bài tựa *Kiến tính thành Phật* ca ngợi như sau: “*Triều Lê niên hiệu Chính Hòa (1680-1705) Đức Giác Hoàng cổ Phật sinh trở lại để mở bày hiển rõ tạng kinh. Mây từ nhuần khắp, mưa pháp thấm đều, từ hàng Thích tử cho đến muôn dân đồng được hưởng ân huệ...*”, hay trong *Thiền tông bản hạnh* có câu:

“*Bụt sinh hoàng giác Lê gia,
Thánh chúa võ trị gần xa lai hàng
Bốn phương khởi tắt lửa lan
Phong điều vũ thuận dân an thái bình...*”

Lý do thứ ba là ngôn ngữ sử dụng trong bài tựa giống với khẩu khí của sư Chân Nguyên. Bài tựa có đoạn: “*Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư, nhân nhân bản cụ, cá cá viên thành đã. Lương do chúng sinh bất ngộ tự kỷ chân Phật...*”, hay: “*Chỉ thị thiền tông, bát tự đả*

khai, lương thủ phân phó. Như hà phân phó, vị thị Bính Đinh đồng tử, hỏa bản cùng minh, bất dụng tha cầu, phản quan tự tính. Phật Phật duy truyền tâm ấn, tổ tổ mật phó ấn tâm, chỉ lệnh chúng sinh, ngộ tự kỷ Phật...”. Những đoạn chúng tôi trích dẫn ở trên, cách sử dụng ngôn từ, cú pháp rất giống sư Chân Nguyên viết trong *Kiến tính thành Phật*. Chân Nguyên tự coi mình thuộc phái Trúc Lâm nên trong các sách của mình đều bị ảnh hưởng ngôn ngữ của thiền phái. Giọng văn và cách dùng từ như thế xuất hiện nhiều trong các sách đời Trần như *Thánh đẳng ngữ lục*, *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục*, *Khóa hư lục* và chính Chân Nguyên trong tác phẩm *Kiến tính thành Phật* vẫn luôn trích dẫn các kệ tụng của *Tuệ Trung thượng sĩ*. Lý do thứ tư, trong các bài tựa do Chân Nguyên soạn thì cuối bài tựa thường có ghi câu đối ca ngợi sự thịnh vượng quốc gia cùng sự phát triển của đạo pháp và các bài kệ thiền tông. Chúng tôi nhận thấy bài tựa trong *Thượng sĩ ngữ lục* cũng có ghi câu đối và bài kệ. Do đó, chúng tôi cho bài tựa do sư Chân Nguyên soạn ra, Tuệ Nguyên chỉ là tên viết tắt của Tuệ Đăng Chân Nguyên, lấy chữ đầu và chữ cuối để nói gọn lại.

Như thế, chúng tôi sưu tầm được một số bài tựa, bạt của Chân Nguyên như sau:

1. Bài tựa *Kim Cương kinh chú giải*.
 2. Bài *Kim Cương kinh chú giải hậu bạt*.
 3. Bài tựa *Bát Nhã ba la mật đa tâm kinh vô cấu thiên* sư chú giải tự viết.
 4. Bài tựa *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa trùng san* tự viết.
 5. Bài tựa *Tây phương Di Đà Như Lai bản nhân tu hành tứ thập bát nguyện kinh trùng san* tự viết.
 6. Bài bạt *Tây phương Di Đà Như Lai bản nhân tu hành tứ thập bát nguyện kinh bạt hậu tự*.
 7. Bài *Thánh đẳng ngữ lục hậu bạt*.
 8. Bài tựa *Lý tướng công minh ty lục trùng san Chân Nguyên lược dẫn* tự viết.
 9. Bài tựa sách *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục*.
- Và "Phụ hậu Liên tông thiên tông chư vấn diệu lý, dĩ thị hậu học tảo đắc giác ngộ sự lý cứu cánh tốc đắc thành Phật" in sau sách *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa* của Chuyết Công hòa thượng.

Đó chính là sự nỗ lực của chúng tôi trong công việc sưu tầm tư liệu về các bài tựa, bạt của Thiền sư Chân Nguyên. Chân Nguyên để lại khá nhiều tác phẩm, công nghiệp của thiền sư thật quá lớn, chúng ta chỉ tìm trong muôn một. Thông qua các bài tựa, bài bạt trong một số kinh sách Phật giáo do Chân Nguyên soạn, chúng ta sẽ có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ, tư tưởng của thiền sư. Dấu ấn ngôn ngữ của sư hiện rõ trong các tác phẩm, thể hiện một cá tính rõ nét, điều đó giúp chúng ta tìm ra được tác giả một số bài tựa, bạt như trong các sách *Thánh đẳng ngữ lục*, *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục* mà chúng tôi đã chứng minh ở trên.

Chú thích:

1. Lê Mạnh Thát, *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*. Sách gồm hai tập, tập một in năm 1980, tập hai in năm 1979, do Tu thư Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh xuất bản. Lê Mạnh Thát công bố tập một gồm mấy tác phẩm như sau: *Tôn sư phát sách đăng đàn thọ giới, Nghềnh sư duyệt định khoa, Bài tựa và hậu bạt sách Long thư tịnh độ văn, Tịnh độ yếu nghĩa, Thiền tịch phú, Thiền tông bản hạnh*. Tập hai công bố các văn bản như *Nam Hải Quan Âm bản hạnh, Đạt Na thái tử hành, Hồng Mông hành*. Tác giả dự định công bố tập ba gồm văn bản *Thiên Nam ngữ lục*. Trong đó thiếu *Kiến tính thành Phật, Ngộ đạo nhân duyên đẳng kệ*. Chúng tôi cho rằng *Đạt Na thái tử hành, Hồng Mông hành, Thiên nam ngữ lục* chưa chắc của Chân Nguyên. Vì trong sách không ghi lại tên tác giả, cách lập luận của Lê Mạnh Thát hơi gán ép.
2. Trong đó, tác giả cho bài tựa sách *Lý tướng công minh chép sự minh ty*, văn bia Cửu phẩm liên hoa của Chân Nguyên. Điều này nhầm, Chân Nguyên có soạn *Lý tướng công minh ty lục trùng san Chân Nguyên lược dẫn* tự viết và Chân Nguyên đứng ra lập Cửu phẩm liên hoa tại chùa Phẩm, Hải Dương chứ không soạn văn bia.
3. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 141.
4. Sư Như Chúc là đệ tử lớn của Thiền sư Chân Nguyên, hiện hành trạng vẫn chưa rõ.

5. *Lý tướng công minh ty lục*, bản AC. 630 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

6. Như Đăng: một vị đệ tử của Chân Nguyên, hành trạng chưa rõ.

7. Thiền sư Vô Cấu, *Bát Nhã Tâm kinh chú giải*, Chân Nguyên viết tựa, Tĩnh Tuyên đứng in năm Bảo Thái thứ 5, Chùa Quang Ân tàng bản, thư viện chùa Hối, Hải Dương.

8. Thiền sư Tĩnh Tuyên quê xã Ninh Vũ, huyện Đông An, phủ Khoái Châu. Sư xuất gia với Thiền sư Như Liên tại chùa Bằng (Linh Tiên thiền tự). Sau khi Như Liên viên tịch, sư kế đăng trụ trì hai chùa Bằng và Quang Ân. Sư làm các Phật sự như lập cầu Quang Bằng, cầu Hóp, cầu Biều. Sư còn đứng ra in ấn các kinh sách như *Tứ thập bát nguyện kinh, Tâm kinh chú giải, Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa*...

9. *Ngũ chủng bồ đề yếu nghĩa* của Chuyết Công soạn, Chân Nguyên viết tựa, bản in năm Bảo Thái thứ 5 (1726), chùa Quỳnh Lâm tàng bản, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 433.

10. Thiền sư Như Tùy Vô Trụ (1696-1733): sư họ Nguyễn, người xã Nghi Dương, huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn, đạo Hải Dương. Thiền sư sinh ngày 17 tháng 6 năm Lê Chính Hòa 17 (1696). Sư xuất gia với Thiền sư Chân Nguyên chùa Long Động núi Yên Tử. Sư được Tổ Chân Nguyên cho theo làm thị giả. Một hôm, Chân Nguyên hỏi: "Thị giả được bao năm rồi?". Ông đáp: "Xin trọn đời". Vì thế mà được Chân Nguyên đặt tên là Như Tùy. Ông thờ thầy hết mực, trọn đạo cho đến khi Chân Nguyên viên tịch (1726). Sư vân du giáo hóa, chống gậy đến Lâm sơn không lâu thì viên tịch, vào ngày 26 tháng 10 năm Lê Long Đức thứ 2 (1733) khi mới 36 tuổi. Đệ tử theo học và giới tử hơn 30 người, dựng tháp Viên Không tại chùa Bảo Quang (chùa Bụt Mọc) phụng thờ (Theo *Viên Không tháp ký* do Hải Khâm Thần Thần soạn, thác bản Tủ sách Pháp Đăng)

11. Chùa Địa Linh: Xưa có tên tự là Phổ Linh, đến đời Nguyễn gọi là Địa Linh, nay gọi là chùa Tây Hồ thuộc thành phố Hà Nội.

12. Lê Mạnh Thát, *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*, tập 1, Tu thư Vạn Hạnh, TP HCM, 1980, tr. 169.

13. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 159. Bản in năm Tự Đức thứ 13.

14. Lê Mạnh Thát, *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*, tập 1, Tu thư Vạn Hạnh, TP HCM, 1980, tr. 162.

15. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 631. Hai bản đóng chung là *Tịnh độ sám nguyện* và *Tịnh độ quyết nghi*, cuối sách có đề "Bản lưu Kinh Đô Càn An tự", nghĩa là bản lưu tại chùa Càn An, Kinh Đô, tức bản in này được khắc in vào thời Lê trung hưng.

16. Chúng tôi sử dụng bản *Thánh đẳng ngữ lục* in năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750), ký hiệu A. 2569 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

17. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 1932. ■

Mê vui trong khổ não

NGUYỄN THIÊN

Kinh Pháp Cú số 69 nêu một thực trạng đáng thương đáng trách của người si mê thiếu trí. Đó là việc đi tìm vị ngọt trong các hành động ác, chìm đắm mê say trong ác dục, không thấy hậu quả nguy hại của ác nghiệp. Kết quả là người đó phải chịu khổ đau do các ác nghiệp mà mình đã làm, đã tích tập. Nguyên văn lời Phật như sau:

*"Người ngu thấy là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau".*

Cụ thể hơn, trong khi giảng về một lối sống gọi là "Pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ", Đức Phật nói rõ cho chúng ta biết có những người sống tìm vui trong sát sanh, trong lấy của không cho, trong tà hạnh, trong nói láo, trong nói hai lưỡi, trong nói lời độc ác, trong nói lời phù phiếm, trong tham ái, trong sân hận, trong tà kiến. Họ vui thú khi làm các ác nghiệp như vậy và sống với cảm giác vui thú ấy, quên mất rằng cảm giác vui thú nhất thời ấy là nguyên nhân của mọi bất hạnh khổ đau đang rình rập. Kết quả là chính các ác nghiệp ấy đưa đẩy họ rơi vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục:

"Này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vì vậy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ"¹.

Giảng giải về lý do của lối sống chạy theo ác dục hay say vui trong ác hạnh ấy, Đức Phật nói rằng "do vô trí, do si mê nên không biết như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này. Này các Tỷ-kheo, ví như một bình đồng đựng nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người kia cố thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ"².

Lời Phật dạy nói cho chúng ta biết rằng sự thiếu hiểu biết về thiện và bất thiện hay sự mê mờ về nhân quả thiện ác là nguyên nhân của lối sống ác hạnh khổ đau. Mặt khác, lời Phật cũng gián tiếp lưu nhắc chúng ta rằng cái xấu ác đôi khi cũng có sức hấp dẫn đối với con người, nghĩa là làm ác hay sống theo ác dục cũng có vị ngọt (hay nghĩ tưởng nhầm lẫn là ngọt?) nên mới có người chạy theo cảm giác vui thú nhất thời ấy mà bất chấp việc ác. Chỉ đến khi ác nghiệp chín muồi rồi thì (người vô trí, kẻ ác) mới thấy ác, nhưng mọi chuyện bấy giờ đã quá muộn³. Thái độ mê lầm này là hết sức đáng tiếc và có gốc rễ của nó. Đó là tà kiến hay quan điểm sai lầm cho rằng không có kết quả của các nghiệp thiện ác. Chẳng

hạn, cũng theo lời Phật, "... có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết giảng như sau, có sở kiến như sau: 'Không có lỗi trong các dục'. Những vị này đắm mình trong các dục, hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: 'Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!' Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, các vị ấy phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: 'Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, do các dục này làm nhân, do các dục này làm duyên, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt'⁴.

Quả là hết sức nguy hại cho đời sống khi rơi vào ý tưởng điên đảo cho rằng các dục không có lỗi hay nhầm tưởng vị của các dục là ngọt, vì sự mê lầm ấy sẽ mở cửa và khuyến khích lối sống buông thả theo bản năng dục vọng. Đức Phật gọi một ý tưởng hay cảm giác như vậy là điên đảo, si mê, vô trí. Si mê, vô trí vì nó khiến cho con người hoàn toàn mê mờ điên đảo, say vui trong tai họa khổ đau, không biết rõ ác dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiễu, sự nguy hiểm càng nhiều hơn, nhầm lẫn cảm giác vui thú nhất thời với tai họa khổ đau lâu dài. Nói khác đi, do mê mờ về nhân quả, không thấy rõ quy luật nhân quả báo ứng hay không tin diễn tiến nhân quả của các nghiệp thiện ác nên con người tự nuôi lớn tà kiến, có thái độ xem thường luật nhân quả, bất chấp đạo lý, dễ dàng làm mọi việc xấu ác để thỏa mãn dục vọng. Kết quả là, như lời Đức Phật dạy, "các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý (tức khổ não) tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý (nghĩa là an lạc) bị tiêu diệt trong người ấy, và vị ấy phải chịu khổ đau bất hạnh lâu dài".

Để ngăn tránh một lối sống tai họa khổ đau như vậy, Phật khuyến dạy mọi người phải biết tu tập, tự kiểm chế bản thân, không sống đời phóng dật, không mê say dục lạc, đồng thời nên thân cận gần gũi các bậc Thánh hay các bậc thiện tri thức để học hỏi Chánh pháp và để phát khởi niềm tin về thiện pháp. Nhờ học hỏi Chánh pháp nên thoát khỏi tà kiến mê lầm, đặc biệt, nhờ hiểu rõ đạo lý nhân quả và được củng cố bởi niềm tin về nhân quả thiện ác mà con người biết rõ đâu là thiện nên theo và đâu là ác cần phải từ bỏ. Đó chính là thái độ sáng suốt mở đường cho nếp sống hiền thiện an lạc của người hiền trí vậy.

Chú thích:

1. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ.
2. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ.
3. Kinh Pháp Cú, kệ số 119.
4. Tiểu kinh Pháp hành, Trung Bộ. ■



Nhỏ lắm mái chùa xưa

Bài & ảnh LAM KHÊ

Phổ Hiền ni tự là tên ngôi chùa nhỏ tọa lạc ở vùng Chợ Nhỏ quận Thủ Đức ngày xưa, nay là quận 9. Mái chùa xưa... là cách gọi để gợi nhớ về một thời sơ tâm vẫn còn thắm sâu trong ký ức lòng người.

Cuối thập niên bảy mươi của thế kỷ hai mươi..., tôi từ vùng kinh tế mới theo sư phụ về chùa Phổ Hiền-Chợ

Nhỏ để tập sự hành điệu. Với một cô bé chưa bước qua tuổi trưởng thành, từ nhà quê lần đầu tiên lên Sài Gòn, thì ngôi chùa nhỏ có ánh đèn điện, có nước máy quả là một chốn thị thành sôi động khác thường. Buổi sơ cơ nhiều ngỡ ngàng rồi cũng qua nhanh, tôi trở thành cô điệu nhỏ khuya sớm ở chùa chỉ biết chăm chỉ tụng niệm học kinh, trau dồi tâm ý.



... Trước năm 1975, Ni trưởng cùng vị sư muội đồng môn tìm về vùng ven này lập chùa tịnh tu, tùy duyên hành đạo. Vốn yêu thích trẻ con, hai vị bèn mở Ký nhi viện nhận dạy và chăm sóc trẻ em bán trú tại chùa. Sau giải phóng, Ký nhi viện đóng cửa. Hai vị lại đứng ra thành lập cơ sở sản xuất mây tre lá xuất khẩu, đặt chi nhánh nhiều nơi từ Tăng Nhơn Phú đến Tam Hà, Thủ Đức. Cơ sở thu hút khá đông thanh thiếu niên nam nữ theo học nghề thủ công đan lát.

Lúc bấy giờ, vị sư muội đồng môn của Ni trưởng là giám đốc điều hành cơ sở... lo chạy mua nguyên liệu vật tư, tìm kiếm đối tác xuất khẩu. Ni trưởng phụ trách về chuyên môn, tiếp thu mẫu mã mới đem về dạy lại cho học viên. Mấy anh chị cư sĩ làm việc ở văn phòng thì chuyên về sổ sách kế toán, thu nhận và kiểm tra thành phẩm, đóng gói kiện hàng... Khâu sản xuất toàn là nữ, từ các chị lớn có gia đình đến mấy cô nhỏ còn cấp sách đến trường chỉ tới làm một buổi hoặc nhận vật liệu đem về nhà. Cuối tuần, mấy chị nhân viên thường ở lại chùa. Tôi giữ phận cô điệu lo phần nấu ăn, tụng kinh, quét dọn. Lúc rảnh rỗi, Ni trưởng và mấy chị cũng dạy cho tôi biết đan lát chút ít.

Những năm tháng bận rộn với công việc Phật sự bên ngoài, Ni trưởng vẫn tổ chức những buổi tối sinh hoạt cùng bọn trẻ đến chùa tụng kinh. Những câu chuyện đạo, những bài học giáo lý ngắn gọn đi vào tâm hồn tuổi thơ khiến chúng như tìm thấy món ăn tinh thần đầy ý nghĩa. Thế là lời tốt truyền tai. Thanh niên thiếu nữ cả xóm Chợ Nhỏ cùng rủ nhau đi chùa.

Và rồi... trong số những cô gái dịu dàng xinh xắn ngày ấy, có mấy cô sau này phát nguyện xuất gia, sống cuộc đời phạm hạnh thanh cao thoát tục.

Khoảng đầu thập niên tám mươi, cơ sở mây tre lá ngưng hoạt động. Vị sư muội đồng môn với Ni trưởng cùng đệ tử của người về hành đạo ở một ngôi chùa khác. Lúc này tôi đã xuất gia và đang tu học tại chùa Huệ Lâm - quận 11. Mấy cô bé từng là học viên của Ni trưởng từ cơ sở mây tre lá cũng tìm đến chùa xin tập sự xuất gia. Thời gian sau, quý cô đều được Ni trưởng gởi về nhập chúng ở các ngôi tự viện lớn trong thành phố. Đào tạo một lớp Ni trẻ có năng lực xuất gia tu tập hành đạo, với Ni trưởng, như thế là đã tròn tâm nguyện. Đệ tử hữu duyên hóa độ xong, Ni trưởng lại lui về chuyên tu thanh thân với tháng ngày.

Đã hơn ba thập kỷ trôi qua rồi. Chùa Phở Hiên trải qua vài lần tu sửa, mảnh sân nhỏ thu hẹp dần, nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống cho màu xanh cây cảnh vươn mình. Người lái đò trên dòng sông tri thức nay tóc đã bạc phơ. Duy nụ cười của sư phụ thì luôn rạng rỡ những khi thấy huynh đệ chúng tôi tề tựu quỳ dưới chân người. Đệ tử không mấy ai về làm Phật sự tại chùa, song Ni trưởng chẳng chút phiền hà để tâm chi chuyện đó. Ni trưởng tùy hỷ và luôn tin tưởng những gì mà chúng tôi đã và đang làm trong sự nghiệp tu tập hoằng hóa lợi sanh.

Chùa Phở Hiên bây giờ là đạo tràng tu tập cho hàng trăm Phật tử về tụng kinh trì chú mỗi tối. Với chúng tôi, ngôi chùa nhỏ ấy mãi mãi là chốn bình yên để tỷ muội cùng họp mặt qua mỗi mùa hạ đến xuân sang. Thấy tỷ muội chúng tôi dẫn đám đệ tử về đánh lễ chúc mừng khánh tuế, Ni trưởng tươi cười mãn nguyện. Sư phụ chúng tôi vui khi nhận thấy thành quả mình gieo trồng năm xưa đang không ngừng ra hoa kết trái. Người vui vì biết chúng tôi dù ở đâu, làm gì cũng không quên nguồn cội ban đầu. Và rồi... sau mỗi lần trở về ấy, chúng tôi lại nhận thêm một món quà nhỏ từ tay Ni trưởng trao tặng. Khi thì gói trà hộp bánh; lúc thì tấm y, chiếc áo tràng, mảnh khăn len... do chính sư phụ cắt may đan móc.

Sư phụ đã cho chúng tôi những gì mình có. Vậy mà không ít lần Người đã phải trần trối: *"Ngày trước đưa các con đi nhập chúng tu học, thấy không có gì trợ duyên. Bây giờ thấy cũng chỉ có chút đỉnh để gọi là làm quà gởi đến các con..."*

Ôi! Sư phụ đã cho chúng con cả giới thân huệ mạng này rồi còn gì. Bấy nhiêu đó đủ để tỷ muội chúng con làm hành trang tu học trọn đời. Thời gian trôi qua đã lâu... vậy mà sư phụ luôn dành cho những đệ tử đã trưởng thành của người biết bao tình cảm thân thương như thuở chúng con còn thơ dại.

Nhớ lắm mái chùa xưa. Nhớ những tháng năm thấy trò chung sống trong cảnh chùa đạm bạc mà yên ấm đạo tình. ■

Chiến thắng & chiến bại

Kinh SANGAMA – SUTTA

HOANG PHONG dịch và giới thiệu

Dưới đây là một bản kinh ngắn trích từ Tương ưng bộ kinh (Samyutta-Nikaya), gồm 5 quyển, ấn bản PTS, 1892-1898. Bản kinh này được Đại Đức Môhan Wijayaratna dịch từ tiếng Pali sang tiếng Pháp trong quyển “Những bài thuyết pháp của Đức Phật” (Les Sermons du Bouddha), nhà xuất bản Cerf, 1988, Paris, tr.46-48. Tên của bài kinh này là Sangama (tiếng Pali) có nghĩa là Một trận chiến hay Một cuộc chiến.

Một lần, Đấng Thế Tôn đang ở thành Xá-vệ (Savatthi). Lúc đó vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) đang thúc quân gồm bốn sư đoàn¹ tiến đến tận thành Kasi để khai chiến với vua Ba-tư-nặc của xứ Kiểu-tát-la (Kosala). Hay tin vua A-xà-thế mang quân tấn công lãnh thổ của mình, vua Ba-tư-nặc cũng tức thời khởi binh kéo bốn sư đoàn đến thành Kasi để nghênh chiến. Thế là hai vị quốc vương xua quân nhập trận và sau một cuộc hỗn chiến thì vua A-xà-thế đánh thắng được vua Ba-tư-nặc. Vị vua bại trận phải rút về kinh đô của mình là thành Xá-vệ.

Hôm đó, như thường lệ các đệ tử khoác áo², ôm bình bát đi vào thành Xá-vệ để khát thực. Sau khi khát thực trở về và ăn xong thì họ tìm đến bên cạnh Đấng Thế

Tôn. Khi đến gần thì họ đánh lễ Đấng Thế Tôn rồi lùi ra ngồi một bên. Tiếp theo đó họ trình với Đấng Thế Tôn như thế này: “Bạch Thế Tôn, vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà khởi binh gồm bốn sư đoàn tiến về thành Kasi để khai chiến với vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc hay tin vua A-xà-thế xua quân xâm lược, cũng đã khởi binh gồm bốn sư đoàn tiến về thành Kasi để chống lại quân của vua A-xà-thế (...)”.

Đấng Thế Tôn nói như sau:

“Này các tỳ-kheo, A-xà-thế là một người bạn thiếu đạo hạnh, là một người đồng hành thiếu đạo hạnh, là một người thân thuộc thiếu đạo hạnh³. Này các tỳ-kheo, trong khi đó thì vua Ba-tư-nặc là một người bạn đạo hạnh, là một người đồng hành đạo hạnh, là một người thân thuộc đạo hạnh. Trong lúc này vì thất bại nên vua Ba-tư-nặc sẽ phải chịu cảnh đau buồn”.

Kế đó Đấng Thế Tôn nói tiếp bằng một bài kệ:

*“Chiến tranh gây ra hận thù,
Kẻ bại trận rơi vào cảnh khốn cùng.
Ai muốn tìm lấy sự yên tĩnh,
Từ bỏ mọi ý nghĩ về chiến thắng hay bại trận,
Sẽ tìm thấy an lạc cho chính mình”.*

[Một thời gian sau, vào một lần khác], vua A-xà-thế của

xứ Ma-kiệt-đà một lần nữa lại khởi binh gồm bốn sư đoàn tiến đến thành Kasi để khai chiến với vua Ba-tư-nặc của xứ Kiều-tát-la. Hay tin vua A-xà-thế xua quân tấn công, vua Ba-tư-nặc cũng khởi binh gồm bốn sư đoàn tiến về thành Kasi để chống lại. Thế là hai vị quốc vương xua quân vào trận chiến. Lần này, vua Ba-tư-nặc là người chiến thắng, bắt sống được vua A-xà-thế. Vua Ba-tư-nặc tự nhủ rằng: “Mặc dù ta không hề hận thù vị vua này, [nhưng] vị vua này lại hận thù ta. Và dù sao đi nữa, hắn cũng là cháu ta”. [Vì thế] ta chỉ nên tóm thâu quân đội của hắn mà thôi, gồm sư đoàn voi trận, sư đoàn kỵ binh, sư đoàn chiến xa, sư đoàn bộ binh. Riêng A-xà-thế thì ta không giết mà tha cho hắn được tự do”. Và thế là vua Ba-tư-nặc tịch thu cả đạo quân của A-xà-thế và tha cho ông ta.

Vào sáng sớm tinh sương hôm đó, nhiều đệ tử mặc áo cà sa, ôm bình bát và khoác thêm áo ấm đi vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi khát thực trở về và ăn xong thì các vị tỷ-kheo tìm đến bên cạnh Đấng Thế Tôn. Khi đến gần thì họ đánh lễ Đấng Thế Tôn rồi lùi ra ngồi một bên. Tiếp theo đó họ trình với Đấng Thế Tôn như sau: “Bạch Thế Tôn, vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà xua quân gồm có bốn sư đoàn tiến đến tận thành Kasi khai chiến với vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc sau khi hay tin vua A-xà-thế kéo quân xâm lăng, cũng khởi binh gồm bốn sư đoàn tiến đến thành Kasi để chống cự với quân của vua A-xà-thế (...). Thế là vua Ba-tư-nặc tịch thu cả quân đội của A-xà-thế và tha cho vị vua này”.

Sau khi nghe thuật lại chuyện và biết được tự sự, Đấng Thế Tôn nói như sau:

“Một người làm tan tành sự nghiệp của người khác cho đến một lúc hành động (nghiệp) của mình sẽ làm tan tành sự nghiệp của chính mình.

Tuy thế, khi sự nghiệp của mình đã bị người khác làm cho tan tành,

và dù cho sự nghiệp đã tan tành, thì mình vẫn cứ làm cho người khác phải tan tành sự nghiệp.

Đến một lúc nào đó thì hành động (nghiệp) của mình sẽ chín muồi,

[Nhưng] kẻ ngu đần lại cứ tưởng rằng: “đây là thời cơ của mình đã đến”.

Tuy nhiên, khi hành động (nghiệp) của mình đến lúc đã chín muồi,

thì kẻ ngu đần ấy không sao thoát khỏi khổ đau.

Người sát nhân sẽ tìm thấy kẻ giết mình trong tương lai, người chiến thắng sẽ tìm thấy kẻ đánh bại mình trong tương lai,

kẻ xúc phạm người khác sẽ tìm thấy người xúc phạm lại mình trong tương lai,

kẻ gian ác sẽ tìm thấy người gian ác với mình trong tương lai,

thế đó, tùy vào sự chín muồi của hành động đã thực thi, và dù cho sự nghiệp đã tan tành, nhưng hân (kẻ ngu đần) vẫn làm cho tan tành sự nghiệp của người khác.

(Tương ưng bộ kinh, I, 82-85)

* * *

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, chiến tranh mang tính cách trực tiếp và đơn giản hơn ngày nay rất nhiều, và chiến thắng hay chiến bại do đó cũng minh bạch hơn. Ngày nay xã hội con người trở nên phức tạp hơn, chiến tranh cũng theo đó mà đa dạng hơn, mang nhiều sắc thái và khía cạnh khác nhau, từ kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa cho đến nhân phẩm và cả sự tự trọng của một dân tộc. Vì thế mà chiến thắng trên một khía cạnh nào đó cũng không có nghĩa là chiến thắng được tất cả.

Câu chuyện chiến tranh trên đây cho thấy trên cùng một mặt trận Kasi nhưng lúc thì vua này thắng, lúc thì vua kia thắng, vì thế không có một chiến thắng nào muôn đời, cũng không có một chiến bại nào mãi mãi. Cái chiến thắng vững bền hơn hết là chiến thắng chính mình trước những khích động của bản năng và tham vọng. Khi nào ta vẫn còn quan tâm đến chiến thắng và chiến bại thì khi đó ta vẫn còn nô lệ cho những xúc cảm bồn loạn trong lòng. Trong kinh Sangama Đức Phật đã dạy như sau: “Nếu ai biết tìm lấy sự yên tĩnh, đừng nghĩ đến mình là người chiến thắng hay chiến bại, thì người ấy sẽ tìm thấy sự an lạc”

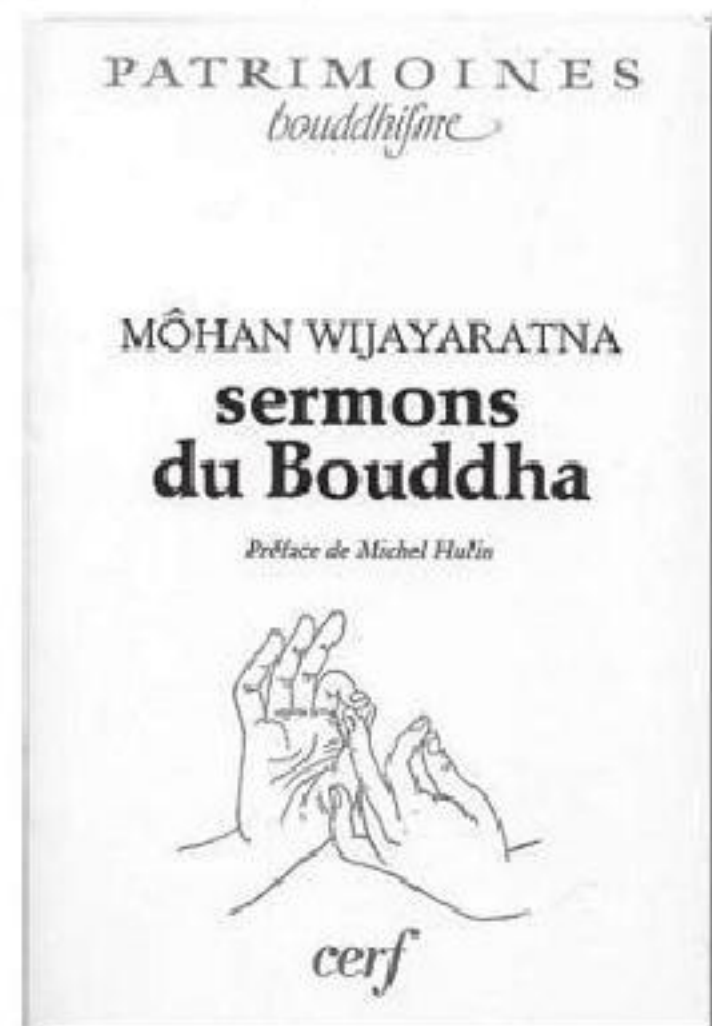
Ghi chú:

1. Bốn sư đoàn có nghĩa là sư đoàn voi trận, sư đoàn kỵ binh, sư đoàn chiến xa, sư đoàn bộ binh.

2. Khoác áo có nghĩa là người Tỷ-kheo mặc thêm một áo ấm may bằng hai lớp vải gọi là *tăng-già-lê*.

3. Thiếu đạo hạnh ở đây có ý ám chỉ vua A-xà-thế đã cướp ngôi cha, nhốt cha mình vào ngục và cố tình để cho cha chết đói.

4. Vua A-xà-thế là con trai của chị vua Ba-tư-nặc, tức là cháu gọi vua bằng cậu. ■



Bìa quyển sách *Những bài thuyết pháp của Đức Phật*

Để truyền đạt có kết quả tốt

THÁI QUANG HY

Duyên may

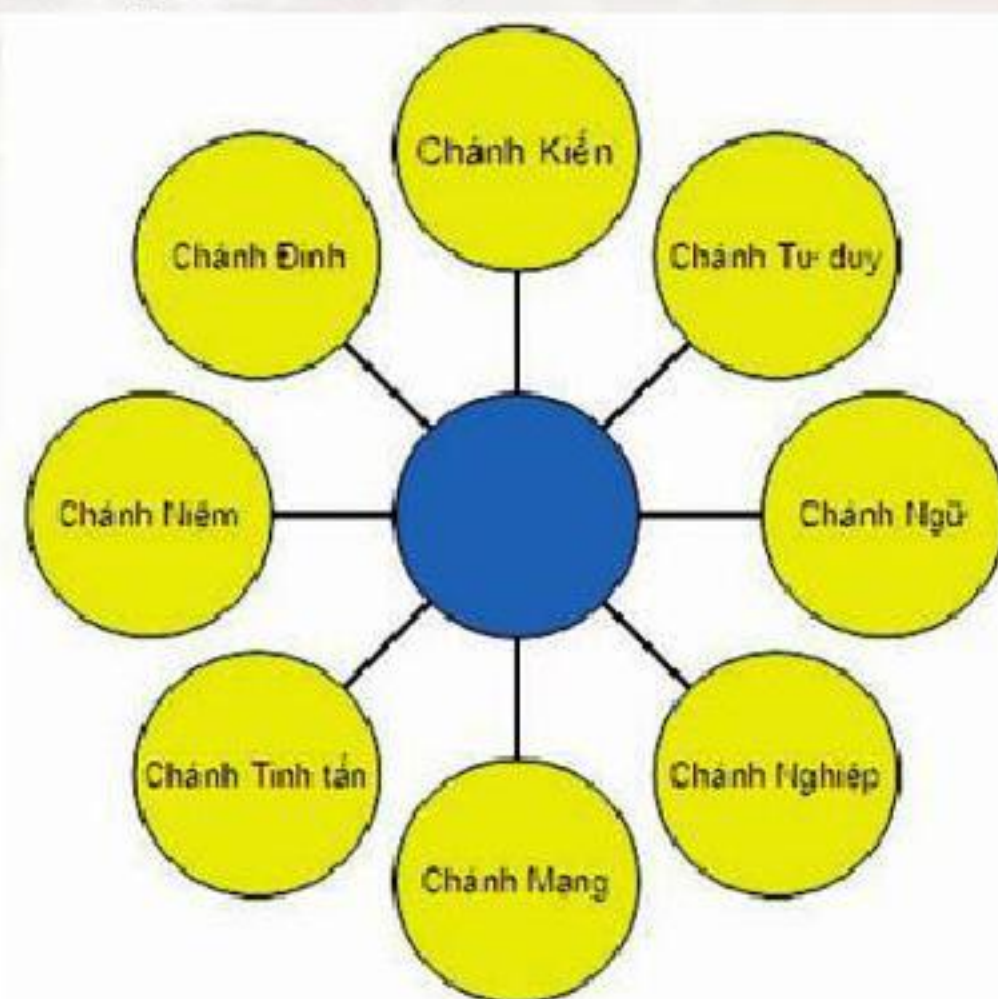
Anh Nguyễn là một trong những trưởng bộ phận của một đơn vị công nghệ phần mềm ở Việt Nam, thuộc một công ty toàn cầu hàng đầu về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, với hàng trăm nghìn người làm việc tại nhiều nước trên thế giới. Tháng Tám năm nay, đơn vị anh quyết định tổ chức ở Phan Thiết một đợt huấn luyện cho hơn trăm nhân viên và có nhã ý mời tôi giảng bài với chủ đề “Truyền đạt để có tác động”. Tôi vui mừng nhận lời và đề nghị sửa lại chủ đề một chút, thành “Để truyền đạt có kết quả tốt”, nhằm nhấn mạnh rằng, dù tác động đến người khác là một kỹ năng quan trọng, nhưng mục đích cuối cùng và cao nhất của sự truyền đạt là đem đến điều tốt đẹp cho cá nhân, tập thể và xã hội.

Học viên của lớp này gồm toàn các kỹ sư công nghệ thông tin, có những người đến từ Mỹ, Pháp, Ấn Độ,... Họ đều là những tài năng kỹ thuật; hơn nữa, nhiều người trong số họ đã quen thuộc với việc truyền đạt giao tiếp bằng nhiều thứ tiếng. Tôi tự hứa sẽ chuẩn bị thật kỹ lưỡng nhằm chia sẻ điều gì mới mẻ cho họ. Tôi muốn trình cho học viên một số điều nền tảng, hơn là chỉ cung cấp các kỹ năng truyền đạt, vì tin rằng với nền tảng đã được xác lập, các học viên ở trình độ này tự biết cách rèn luyện thêm các kỹ năng để thể hiện.

Điều nền tảng mà tôi suy ngẫm và đem vào lớp học là Bát Chánh Đạo (Tám Con Đường Chân Chánh), một giáo lý quen thuộc của Đức Phật. Để bài giảng có kết quả tốt, tôi tự đặt ra yêu cầu là cần tránh sự miễn cưỡng áp đặt lý thuyết, phải hiểu rõ công việc của học viên, và quan trọng nhất là làm cho học viên có lợi ích khi thực hành phép này.

Soạn bài

Tôi bắt đầu soạn một bài giảng về sự ứng dụng trong thực tế kinh doanh tám phương diện, có thể tóm tắt bằng sơ đồ như sau:



Nhờ đã làm việc trong một số công ty quốc tế, tôi có được nhiều kinh nghiệm thực tế để gợi ý cho lớp học. Khi nhìn lại kinh nghiệm của mình từ Tám Con Đường Chân Chánh, tôi thấy chúng trở về tụ tập lại một cách có lớp lang, và dường như được chiếu sáng lên. Ngồi một mình soạn bài, mà cảnh lớp học như đã hiện ra, với cảnh sắc và lời trao đổi chân tình giữa giảng viên và học viên...

Tám phương diện chân chánh của một con đường

1. Cái nhìn chân chánh (Chánh kiến)

Điều đầu tiên chúng ta cần chuẩn bị cho một buổi truyền đạt hay trò chuyện, là cái nhìn chân chánh về nó. Ta nên nhìn thấy bằng trái tim chứ không chỉ bằng mắt thôi, sẽ thấy những *Người nói*, những *Người nghe*, và *Mức độ hợp nhất* giữa họ.

Người nghe thật là quan trọng và cần được chú ý nhất. Thế mà lắm khi ta quên mất, để rồi chỉ thấy Người nói – tức là chính ta – mà thôi. Nói mà không có người nghe thì nói làm gì nữa đây. Vậy hãy thấy Người nghe, họ là ai, từ đâu đến, cách nghe của họ như thế nào, và nhất là họ mong muốn gì.

Người nói cũng quan trọng, theo nghĩa Người nói hãy tự tin một khi biết nói bằng trái tim chân chánh. Nói giỏi thì càng tốt, nhưng không nhất thiết phải nói giỏi đâu.

Ta còn thường thấy sự ngăn cách giữa Người nói và Người nghe. Có nhiều nguyên nhân của điều đáng buồn này, trong đó và trước tiên có thể kể đến cái nhìn không đúng về người khác và về mình. Thường khi, ta “nghe sau một bức tường chống đối”, ta cứ nghĩ, “chắc thằng cha này muốn chơi mình cú gì đây”, trong khi thực tế lắm khi không phải vậy. Chúng ta hãy hợp nhất, hãy làm cho Người nói với Người nghe thành một. Để làm điều đó, bản thân ta hãy làm trước, hãy lắng nghe, hãy hiểu và thương người đối diện, rồi từ đó sự hợp nhất sẽ xảy ra.

2. Suy nghĩ chân chánh (Chánh tư duy)

Từ cái nhìn chân chánh, ta sẽ có định hướng để xây dựng những suy nghĩ chân chánh. Lúc này bộ óc chúng ta hoạt động vừa tự do vừa chính xác nhờ ta bắt đầu từ cái nhìn đúng. Tự do vì ta đã thoát khỏi sự lệch lạc và hạn hẹp của cái nhìn vị kỷ. Chính xác vì ta có thể nhìn thấy vừa toàn cảnh vừa chi tiết của vấn đề mà ta muốn truyền đạt.

Bước Suy nghĩ chân chánh này cần được chuẩn bị trước, trong và sau cuộc truyền đạt. Một số gợi ý về suy nghĩ chân chánh là chúng ta nên:

- Sáng tạo, đừng lệ thuộc những suy nghĩ theo lối mòn.
- Xác định rõ mục đích của cuộc truyền đạt, sau đó phân đoạn và diễn giải mục đích đó ra một cách rõ ràng.
- Dựa trên sự kiện khách quan hơn là định kiến chủ quan.
- Biết suy nghĩ tập thể, thí dụ như khuyến khích và tổ chức cho nhiều người cùng suy nghĩ và bàn bạc với nhau một cách tự do và tự tin.

Nhân tiện xin nêu thêm một điểm nữa, gọi là “khôn vừa vừa thôi, để dành cho người khác với chứ”. Nếu ta sắc sảo quá, lý luận nhiều quá, hay kiêu ngạo quá, sự dễ thương và sức thuyết phục sẽ giảm đi; vì ta có thể làm người ta sợ và không vui vì mặc cảm thấp kém. Vậy ta nên “làm mềm” cái suy nghĩ của ta một chút. Bạn có thấy một bức hình rất ngộ nghĩnh của nhà bác học Albert

Einstein không, ông cười và thè lưỡi một cách hồn nhiên hài hước. Ông ấy có thông minh không? Có, vào bậc nhất trong loài người. Nhưng tính cách của ông khi ấy thật là khiêm tốn và dễ thương. Hãy như thế, vừa biết tự duy sắc bén vừa biết thấu cảm dịu dàng.

3. Lời nói chân chánh (Chánh ngữ)

Và bây giờ chúng ta diễn bày suy nghĩ bằng lời nói – thỉnh thoảng bằng sự im lặng nữa. Thế nào là lời nói chân chánh? Trước hết, nó phải *đúng* và có *giá trị*, nói khác, lời nói của ta phải hữu ích. Để có lời nói đúng, ta phải tránh xa các kiểu nói dối, nói xiên nói xỏ và nói cay độc. Ta cũng phải tránh nói lời bề ngoài hoa mỹ nhưng bên trong ngấm chứa ý đồ xấu. Để có lời nói hữu ích, không phải lời nào đúng ta đều nói cả, vì như thế sẽ làm mất thì giờ và bức mình người nghe. Trái lại, ta cần hiểu người nghe cần gì, để nói điều thực sự phù hợp.

Hãy xem lời nói là món quà cho người nghe, chứ không phải món đồ đem khoe để tỏ ra ta đầy thông minh giàu có. Đã là món quà thì “cách cho hơn của đem cho”. Các nhà khoa học đã thí nghiệm và kết luận rằng hình thức, giọng nói, điệu bộ chiếm phần tác động hơn nội dung nói. Nội dung chỉ chiếm 8% tác động, còn lại là do cách nói, bao gồm: *giọng nói* rõ ràng, nhiệt tình, thân ái; *tốc độ* vừa phải, nhịp điệu thích hợp; có sự *giao tiếp* bằng mắt; và *bộ điệu* (còn gọi là ngôn ngữ cơ thể) cởi mở.

Nói là gieo, nghe là gặt. Trong những cuộc họp hành truyền đạt, chúng ta sẽ không nói vì bất kỳ một cái tôi nào, mà chỉ là cùng nhau gieo những hạt giống tốt để cho mọi người cùng hưởng một mùa bội thu.

4. Cư xử và hành động chân chánh (Chánh nghiệp)

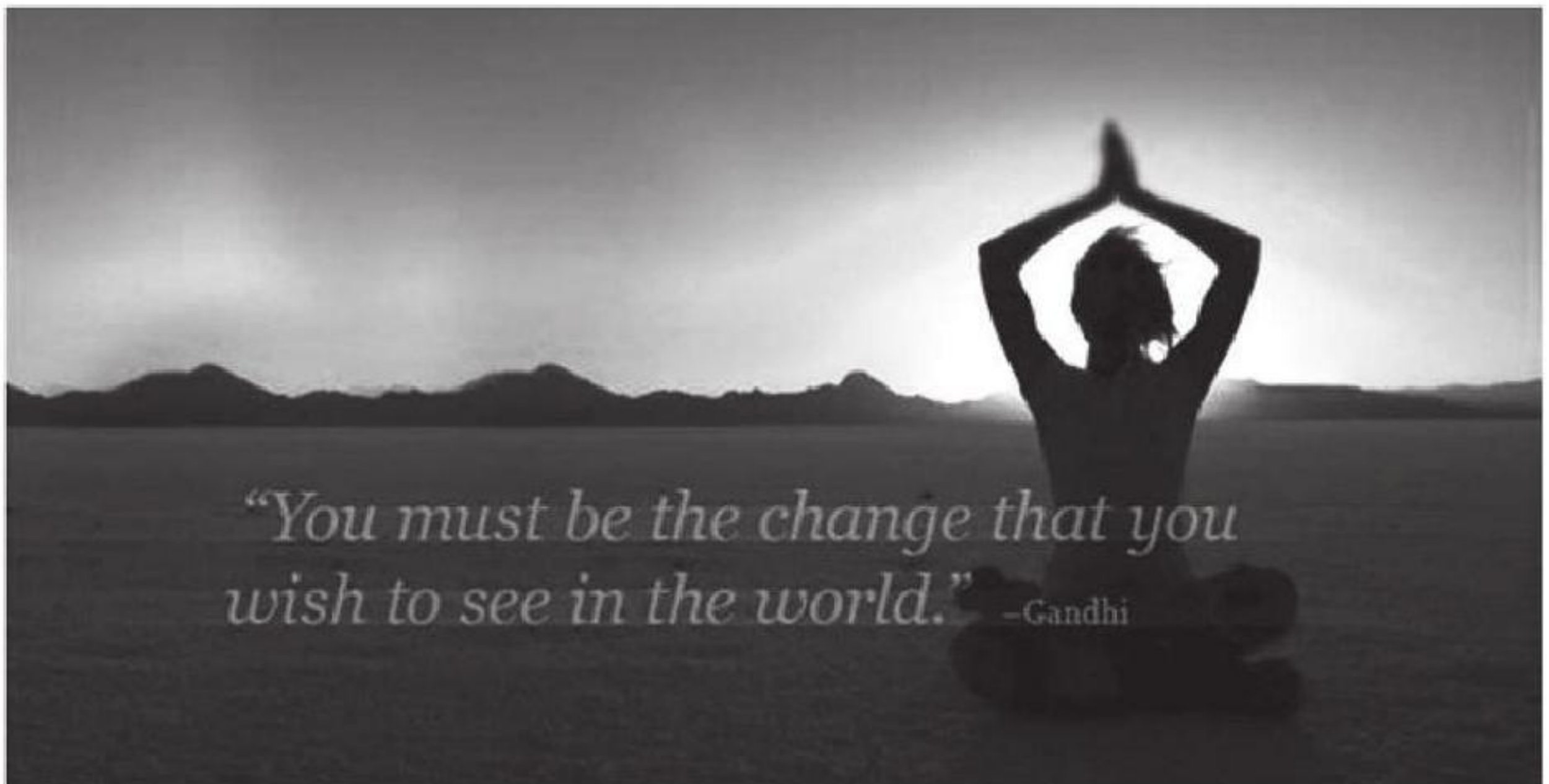
Trong phạm vi hẹp hơn, chúng tôi muốn đề cập một lối cư xử mà các công ty chuyên nghiệp thường yêu cầu nhân viên thực hiện khi thảo luận, cách cư xử “trung dung mà cương quyết” (assertiveness). Trong giao tiếp – truyền đạt, ta nên tránh biến mình trở thành một trong hai “ông” sau:

- Ông Vâng Vâng: (Mr. Yes-man) ông này không có chủ kiến gì hết, cũng không đóng góp gì cho cuộc thảo luận. Ai nói gì ông cũng “vâng”. Có ông khôn hơn thì vâng theo kẻ mạnh.
- Ông Độc Tài – ông này trái lại 180 độ với ông thứ nhất. Ta nói cái gì thì các người đừng có cãi nhé. Làm theo lời ta đi.

Vậy ta cần cư xử trung dung. Trung là ở giữa, dung là chứa đựng. Thái độ trung dung có những đặc điểm sau:

- Cư xử hợp lý hợp tình.
- Biết kết hợp và dung hòa những lý tưởng khác nhau và ngay cả đối nghịch nhau.

Và một điều này nữa: phải biết “chịu đựng” thất bại. Hãy sẵn sàng cho trường hợp ta nói mà người không chấp nhận. Lúc này hãy bình thản và chịu đựng một cách tích cực. Về mặt kỹ thuật, hãy khôn ngoan “thủ”



sẵn một đề nghị khác để được đôi bên chấp nhận hơn. Về mặt tình cảm, ta cứ nên vui vẻ. Hơn thua gì nơi một cuộc tranh luận? Ai đi làm ăn buôn bán đều biết, chẳng tốt gì khi thắng một trận để rồi thua cả cuộc chiến, cãi nhau hơn cấp trên thì có ngày xách gói rời công ty, cãi nhau hơn khách hàng thì hãy chuẩn bị thấy họ ra đi không bao giờ trở lại.

5. Kiểm soát chân chánh (Chánh mạng)

Bên cạnh nhu cầu cảm thông, chúng ta dành nhiều thời gian giao tiếp – truyền đạt để phục vụ việc kiểm soát, kiểm tiến, xây dựng cơ ngơi của cá nhân và của tổ chức. Sự kiểm soát chân chánh cần được làm rõ như là một chính sách quan trọng của doanh nghiệp. Kiểm soát chân chánh, trước hết, đó là cách kiểm soát trong tinh thần “không làm hại” con người, muôn thú, môi trường và không làm hại chính mình. Muốn vậy, doanh nghiệp, gia đình và cá nhân cần được ràng buộc bằng kỷ luật hay là giới, thí dụ như năm giới Đức Phật đã dạy. Tích cực hơn nữa, chúng ta nên chọn kiểm soát bằng cách làm tăng cường tình thương và hiểu biết của cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.

Áp dụng vào truyền đạt, chúng ta chú ý truyền đạt, thảo luận, đề ra giải pháp, tất cả cần theo một đường lối kinh doanh đúng đắn của doanh nghiệp, bao gồm:

- Giá trị của sản phẩm
- Hiệu quả, như tiết kiệm thời gian, tiết kiệm năng lượng
- Làm hài lòng khách hàng
- Phát triển doanh nghiệp

- Tăng thu nhập cho nhân viên
- Bảo vệ môi trường và đóng góp cho xã hội

6 – 7. Nỗ lực chân chánh và Niệm chân chánh (Chánh tinh tấn và Chánh niệm)

Để đạt kết quả tốt, chúng ta cần có nỗ lực trước, trong khi và sau buổi truyền đạt. Trước buổi truyền đạt, ta cần nỗ lực tìm hiểu về người nghe và về chủ đề cần nói. Trong khi truyền đạt, ta cần chú ý để trình bày không sai sót, theo dõi và lắng nghe mọi người. Hãy chịu khó nghe và cùng nhau đóng góp ý kiến xây dựng. Cuối buổi truyền đạt, ta cần định ra những hành động cần làm.

Niệm là chú ý, ghi nhớ và thường xuyên nghĩ đến. Sau đây là một số cách để củng cố niệm trong phiên truyền đạt:

- Lắng nghe tích cực
- Khuyến khích mọi người phát biểu. Người được nói sẽ không còn buồn ngủ nữa
- Định rõ kết luận và hành động cần làm
- Ghi biên bản và tiếp tục theo dõi biên bản cho đến khi mọi việc hoàn thành
- Thường thức buổi truyền đạt, gắn nó với một kỷ niệm vui thích

8. Định chân chánh (Chánh định)

Bảy phương diện đã được nêu ra, nay chúng ta tổng kết bằng chính phương diện thứ tám: Chánh định. Chánh định có ba đặc tính: 1/ Tập trung và ổn định, 2/ Thiện, và 3/ Là cơ sở để đạt tới mức trí tuệ cao hơn.

Đặc tính thứ nhất, cũng như nghĩa thông thường

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên & Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **516 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn



của chữ định, là tập trung và ổn định, tức là bao gồm tất cả vào một mối và vận hành tốt một cách đều đặn. Ta thường nghe nói doanh nghiệp này kia "đã đi vào ổn định", tức là doanh nghiệp đã trưởng thành, các bộ phận làm việc ăn khớp với nhau như trong một cơ thể duy nhất và kết quả kinh doanh tốt một cách đều đặn - đều đặn tới mức ta có thể dự đoán rằng trong thời gian tới nó vẫn tiếp tục tốt.

Tập trung. Tính chất tập trung ở đây được hiểu là sự tích hợp tất cả tám phương diện chân chánh một cách đồng thời, chúng cùng nhau vận hành một cách hài hòa.

Ổn định. Tính chất ổn định thực ra được hình thành từ một quá trình "không ổn định tí nào". Nó là kết quả của sự liên tục thực hành, khắc phục lỗi lầm, để phòng lỗi lầm tái xuất hiện và không ngừng cải tiến. Khi ta áp dụng một qui trình một cách nhất quán và liên tục cải tiến như vậy, sau một thời gian việc áp dụng, công việc sẽ đi vào ổn định. Các doanh nghiệp áp dụng các qui trình chất lượng như ISO, CMMI, Six Sigma đều biết rõ điều này.

Đặc tính thứ hai là Thiện. Một tên trộm có thể đang rất tập trung theo dõi một bà cụ nhằm tìm cách cuỗm cái ví của bà, nhưng đó chỉ là một sự tập trung bất thiện. Trái lại, Chánh Định có bản tính Thiện, đem lại lợi ích chân chính cho mọi người liên quan.

Đặc tính thứ ba, Định sinh ra trí tuệ. Khi đạt được Định, ta sẽ trở nên sáng suốt.

Trong truyền đạt, ta sẽ áp dụng tám phương diện một cách tập trung, liên tục cải tiến. Đến cuối quy trình, ta như đạt đến một tâm thế yên tĩnh. Nhưng không phải ta dừng lại và chìm vào một hư không. Ta bước tiếp để đạt đến một kết quả trí tuệ mới - cái nhìn mới, suy nghĩ mới, lời nói mới, hành động mới. Ta trở lại điểm đầu tiên của vòng tròn Tám Chân Chánh ở một tầng mức cao hơn.

Trao và nhận

Rồi ngày học "Để truyền đạt có kết quả tốt" tại Phan Thiết đã đến. Như được nâng đỡ bởi một sức mạnh nào đó, buổi học đã diễn ra rất nghiêm túc mà không kém phần vui tươi. Học viên chủ động đóng góp ý kiến đến hơn nửa số giờ học. Để thêm vui và giúp học viên nhớ bài, chúng tôi có tặng học viên vài phần thưởng gắn với từng điểm của Bát Chánh Đạo, thí dụ như thưởng cặp kính trong mục Chánh kiến, thưởng trái dưa hấu trong mục Chánh Tư Duy - ý nói trái dưa xanh vỏ đỏ lòng cũng giống như một cái đầu chân chánh, với màu xanh của luận lý và màu đỏ của tình cảm; vân vân...

Phút kết thúc buổi học rất đáng trân trọng, khi các học viên cùng nói rằng sự liên tục cải tiến là cần thiết, và là trách nhiệm của mỗi người. Vì thế, chúng tôi đã mượn một bông hoa tư tưởng của Gandhi để tặng và cảm ơn mọi người:

"Chính Bạn hãy là sự thay đổi mà Bạn muốn có cho thế giới này". ■

Chỉ hiểu biết thôi, **CHƯA ĐỦ**

PHAN MINH ĐỨC

Thời gian gần đây, báo chí đưa tin số người phạm tội là sinh viên học sinh và tầng lớp trí thức ngày càng gia tăng khiến dư luận không khỏi bàng hoàng. Người ta đặt câu hỏi: “Tại sao những người có trình độ hiểu biết như thế mà lại có hành vi phạm tội? Nguyên nhân gốc rễ là do đâu?”.

Không hẳn có trình độ hiểu biết cao thì không tạo tội và biết luật thì không phạm luật. Không ý thức được hậu quả của việc mình làm nên hành động sai lầm, gây tội lỗi là điều người ta thường thấy. Nhưng ý thức được hậu quả của việc mình làm mà vẫn bước

chân vào vòng tội lỗi cũng không phải là điều hiếm thấy. Biết mà vẫn phạm là tại làm sao? Cho nên nói: “Biết thôi chưa đủ!”.

Đó chính là lý do Đức Phật dạy hai chữ “tu tập”. Tu là sửa đổi, cải thiện, chỉnh đốn; Tập là học hỏi, thực hành, huân tập, rèn luyện, trau giồi. Bởi tuy có trình độ hiểu biết nhưng lắm khi con người không kiểm chế được những bản năng sẵn có, không đủ ý chí và nghị lực để vượt qua những tình cảm, tâm lý thông thường là thất tình lục dục (buồn vui, thương ghét, giận hờn, lo lắng, sợ hãi, tham muốn...) hay cũng gọi là phiền não, và từ đó con người sẽ hành động bất



chấp hậu quả. Những bản năng, những trạng thái tình cảm, tâm lý đó đạo Phật gọi là “tập khí” (những thói quen, những tâm tư tình cảm, những suy nghĩ, hành động đã được huân tập nhiều lần), những tập khí này lắm khi đi ngược lại với hiểu biết của con người. Có nghĩa là dù biết rõ những việc đó không hay, không tốt nhưng người ta vẫn làm bởi vì đó là thói quen (tập khí). Ví dụ người có tính trăng hoa, tham đắm sắc dục; dù biết tính ấy có hại cho hạnh phúc gia đình, làm mê mờ tâm trí, hao tổn tinh thần, thể xác, nhưng họ không thể vượt qua được những ham muốn, những thói quen trêu hoa ghẹo nguyệt. Hoặc như những người phạm tội tham nhũng, tham ô, họ có trình độ học thức cao, có hiểu biết pháp luật, họ biết những việc làm đó là phi pháp sẽ dẫn đến hậu quả bị tù, nhưng họ không thắng được lòng tham, vì thế mà họ phạm pháp. Tập khí cũng có thể che mờ lý trí, làm mù quáng lương tri, dẫn dắt, lôi cuốn, khiến cho người ta có những suy nghĩ và hành động lệch lạc, sai lầm đưa đến hậu quả không tốt. Ví dụ người nát rượu, họ có thói quen (tập khí) uống rượu, nhưng họ thường có những suy nghĩ bào chữa, ngụy biện như: vì xã giao, vì công việc mà uống rượu, vì lễ nghĩa mà uống rượu, vì giải buồn mà uống rượu... Đôi khi những suy nghĩ của họ dối gạt cả chính họ, từ đó mà họ không hạn chế uống rượu hoặc bỏ rượu, thậm chí uống đến mức say sưa ăn nói càn bậy, bỏ bê gia đình, bỏ bê công việc, mang bệnh hoạn, gây tai nạn giao thông... Hay những người có hành vi trộm cắp, cướp giết thì có những suy nghĩ bào chữa, ngụy biện cho việc làm sai trái của mình như vì nghèo khổ khốn khó, vì hoàn cảnh bất đắc dĩ, vì bất mãn xã hội, vì tay đã lỡ lấm bùn... và họ có những hành động theo sự chỉ đạo của những suy nghĩ đó.

Mới đây đọc báo thấy có tin một cô giáo đã thiếu sống cả nhà người anh chồng chỉ vì họ khuyên can cô đừng tiếp tục phạm phải sai lầm. Cô ngoại tình, chồng cô biết nhưng vì thương vợ thương con, anh tha thứ và tiếp tục sống với cô. Tuy nhiên cô vẫn không chừa bỏ. Vợ chồng người anh chồng chỉ khuyên can cô thôi nhưng lại bị cô sắp đặt kế hoạch thiếu sống cả nhà. Dĩ nhiên là cô giáo này biết hành động giết người là phạm tội, là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức; nhưng cô vẫn làm.

Khi trong một con người có những tập khí tham lam, sân hận, đố kỵ... thì sự nhận biết (ý thức) được những loại phiền não đó mỗi khi chúng sinh khởi là điều cần thiết hết sức quan trọng, nhưng sự chuyển hóa những phiền não đó càng quan trọng hơn. Sự ý thức chỉ là bước đầu cơ bản, vì có ý thức mới không tiếp tục làm phát triển những phiền não đó và có nhu cầu chuyển hóa chúng. Ví dụ khi nổi giận, chúng ta ý thức (nhận biết) được mình đang nổi giận, ý thức được tác hại của sự giận dữ thì chúng ta mới dừng

cơn giận (kiềm chế không cho nó tiếp tục phát triển và tìm cách làm nguôi cơn giận hoặc mất đi cơn giận (đó là sự chuyển hóa)).

Tuy nhiên có hai điều cần quan tâm:

1. Do mỗi người đã huân tập phiền não tập khí trong nhiều đời nên cần có sự thường xuyên chuyển hóa chứ không đợi đến lúc phiền não khởi lên mới chuyển hóa.

2. Cần chuyển hóa liền ngay sau khi ý thức (nhận biết) sự sinh khởi của phiền não. Bởi sau khi phiền não sinh khởi, dù chúng ta đã ý thức và kiềm chế không cho nó tiếp tục phát triển, nhưng nếu không có sự chuyển hóa thì những phiền não đó sẽ tạm lắng xuống ở dạng tiềm ẩn, và một lúc nào đó khi gặp điều kiện nó sẽ sinh khởi trở lại. Chuyển hóa chính là sự tu tập.

Chính vì cần có sự chuyển hóa cho nên Đức Phật mới dạy các pháp môn tu tập, cũng như sau khi thuyết giảng về nguyên nhân của khổ là do phiền não kiết sử (phần Tập đế của Tứ diệu đế) thì Đức Phật dạy phương pháp diệt khổ là Bát chánh đạo (phần Đạo đế của Tứ diệu đế). Hoặc Đức Phật dạy về Văn-Tư-Tu, sau khi tìm tòi học hỏi (Văn), tư duy, nghiền ngẫm (Tư) thì phải thực hành tu tập (Tu).

Vào thời Phật, ngay cả các vị Tỳ-kheo đã “thấm nhuần kinh kệ”, được nghe lời Phật dạy mỗi ngày, nhưng một khi chưa hoàn toàn giải thoát, chưa chuyển hóa hết phiền não thì vẫn phải nỗ lực hành trì các pháp môn, phải siêng năng tinh tấn thực hành thiền định, sống đúng theo giới luật.

Sự tu tập chuyển hóa phiền não, tập khí bất thiện, trau dồi đạo đức, trí tuệ giúp mỗi người thay đổi chính mình, trở nên hoàn thiện hơn. Càng siêng năng tinh tấn quan tâm tu tập, chuyển hóa tư tưởng nhận thức, lời nói, hành động thì tâm tánh càng thuần lương, thánh thiện.

Ngay cả những người tu học Phật, dù có được nhân sinh quan, thế giới quan đúng đắn, tích cực, dù có nhận thức sâu sắc về cuộc đời, nhưng nếu không thường xuyên tu tập, quán chiếu, không thường hằng tỉnh giác thì vẫn bị tập khí lay chuyển và các chủng tử nghiệp bất thiện sinh khởi một khi gặp điều kiện nhân duyên thích hợp. Ví dụ như có người hiểu sâu sắc về lý vô thường, duyên sinh vô ngã nhưng vẫn còn tâm tham đắm lợi danh hoặc uống ăn, ngủ nghỉ, đó là do phiền não tập khí còn dày, công phu tu tập chuyển hóa kém, cần phải tinh tấn nỗ lực nhiều hơn. Nếu người tu học Phật không có công phu tu tập, thực hành chánh pháp thì dù có nhận thức cao, có hiểu biết rộng cũng khó mà thắng được sự lôi cuốn, cám dỗ của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (lục trần), của tài, sắc, danh, thực, thù (ngũ dục), khó mà làm chủ được thân tâm, khó mà điều phục được tập khí, điều phục được nghiệp. ■



TĂNG TRƯỞNG

trong một nền kinh tế Phật giáo

JEFFREY D. SACHS
TRẦN KHIẾT BẠCH dịch

Tôi vừa trở về từ Bhutan, vương quốc dưới chân dãy Himalaya có vẻ đẹp thiên nhiên không đâu sánh được, có nền văn hóa phong phú và có tinh thần tự phản tỉnh đầy hứng thú. Từ những nét độc đáo ấy của vương quốc này, hiện đang nổi lên những vấn đề về kinh tế và xã hội đang là mối quan tâm cấp thiết của toàn thể loài người.

Địa hình khúc khuỷu của Bhutan đã nuôi lớn sự tăng trưởng một dân số gồm toàn nhà nông và những người chăn thả súc vật khéo chịu đựng sự khắc nghiệt của hoàn cảnh sống, mặt khác cũng đã giúp cổ vũ phát triển một nền văn hóa Phật giáo có những gắn kết chặt chẽ với Tây Tạng trong lịch sử. Dân cư ở đây thưa thớt – chỉ vào khoảng 700.000 dân – gồm những làng nông nghiệp nấu mình trong những thung lũng sâu và những bãi chăn thả súc vật với các toán mục tử lang thang nơi những rừng núi cheo leo. Mỗi thung lũng trong vương quốc này đều được canh phòng bởi một thứ công sự gần như là pháo đài, ở đó có cả những ngôi chùa và các tu viện, tất cả đều đã được xây dựng từ nhiều thế kỷ trước và thể hiện một sự phối hợp khéo léo giữa một nền kiến trúc tinh tế với một nền nghệ thuật thanh nhã.

Mới cách đây vài thập niên, nền kinh tế nông nghiệp và đời sống tự viện của người Bhutan vẫn còn mang tính cách tự túc tự cấp, nghèo nàn, lạc hậu, bị cô lập, cho đến khi một loạt những vị vương chủ xuất chúng cảm thấy sốt ruột cho đất nước mình, bắt đầu hướng dẫn thần dân của họ tiến hành những cải cách; với khuynh hướng hiện đại hóa về mặt công nghệ và kỹ thuật, như việc xây dựng đường sá, cầu cống, nhà máy năng lượng, tổ chức hệ thống chăm sóc sức khỏe công cộng, thiết lập nền giáo dục tiến bộ; thúc đẩy hoạt động ngoại thương mà chủ yếu là trao đổi hàng hóa với quốc gia láng giềng Ấn Độ; cùng với việc ban bố một nền chính trị dân chủ. Điều phi thường chính là sự chín chắn của người Bhutan trong lúc họ tiếp cận với tiến trình cải cách và sự sâu sắc của tư tưởng Phật giáo đã hướng dẫn sự chín chắn đó. Người Bhutan vẫn tiếp tục tự đặt ra câu hỏi mà mọi người đều phải lấy làm băn khoăn, ấy là làm thế nào để việc hiện đại hóa nền kinh tế có thể hòa quyện với sự phát triển vững vàng về văn hóa và phúc lợi xã hội?

Ở Bhutan sự thách thức về mặt kinh tế không phải là sự tăng trưởng của con số tổng sản phẩm quốc dân

mà là sự tăng trưởng về chỉ số tổng hạnh phúc quốc dân (Gross National Happiness GNH). Tôi đã đến Bhutan để tìm hiểu kỹ hơn xem chỉ số tổng hạnh phúc quốc dân được chính phủ nước này ứng dụng như thế nào. Quả thật, tuy không có sẵn công thức, nhưng, thích hợp với thách thức và truyền thống phản tỉnh Phật giáo sâu sắc của người Bhutan, họ đang có một bước đi năng động và quan trọng trong sự thận trọng của cả dân tộc. Ở đó chứa đựng cả một nguồn cảm hứng cho tất cả chúng ta.

Hiển nhiên, một phần chỉ số tổng hạnh phúc quốc dân của Bhutan vẫn xoay quanh việc đáp ứng những nhu cầu căn bản – cải thiện hoạt động chăm sóc sức khỏe, giảm tử suất trẻ sơ sinh và sản phụ, mở rộng việc tiếp cận nền giáo dục cho mọi trẻ em ngày càng được theo học ở những cấp học cao hơn, và nâng cấp mọi kiến trúc hạ tầng cơ sở nhất là về việc cung cấp nước uống, năng lượng, phương tiện vệ sinh. Việc tập chú vào việc cải thiện vật chất nhằm tới việc đáp ứng nhu cầu căn bản quả thật rất có ý nghĩa đối với một đất nước có mức thu nhập tương đối thấp như ở Bhutan. Nhưng, chỉ số về tổng hạnh phúc quốc dân đã vượt xa sự tăng trưởng hướng đến người nghèo trên nền tảng mở rộng. Bhutan cũng quan tâm đến việc làm thế nào để tăng trưởng kinh tế có thể hòa quyện với sự bền vững của môi trường – một câu hỏi đã phần nào được trả lời thông qua những nỗ lực rộng lớn của cả nước trong việc bảo vệ những cánh rừng mệnh mông của xứ sở và sự đa dạng sinh học độc đáo trong vùng đất này. Cũng có câu hỏi được đặt ra về việc làm thế nào để có thể bảo tồn sự bình đẳng truyền thống và nuôi dưỡng di sản văn hóa độc đáo của dân Bhutan. Và người ta cũng băn khoăn đến việc làm sao để mọi cá nhân có thể giữ gìn sự ổn định tâm lý của họ trong một thời đại có nhiều biến chuyển quá nhanh chóng, được thấy rõ bởi sự đô thị hóa cùng sự tấn công vũ bão của thông tin toàn cầu trong một xã hội mà mới chỉ cách nay một thập niên người dân còn chưa biết đến máy vô tuyến truyền hình.

Tôi đã đến Bhutan sau khi được nghe một bài phát biểu đầy cảm hứng của Thủ tướng Jigme Thinley tại cuộc Hội nghị Thượng đỉnh Delhi 2010 về Phát triển Bền vững. Thinley đã nêu ra hai luận điểm đầy sức thuyết phục. Điểm thứ nhất liên quan đến tình trạng hủy hoại môi trường mà ông đã có thể quan sát được – kể cả tình trạng băng hà tan chảy và đất ven biển bị ngập – khi ông bay từ Bhutan đến Ấn Độ. Điểm thứ hai liên quan đến cá nhân và ý nghĩa của hạnh phúc. Thinley nêu lên một cách đơn giản: Tất cả chúng ta đều chỉ là những cá thể hữu hạn và mong manh. Bao nhiêu những “thứ vớ vẩn” – như thức ăn nhanh, các chương trình truyền hình thương mại, những chiếc xe hơi hoành tráng, những món dụng cụ linh tinh đời mới, và những hàng hóa thời trang hiện đại nhất – chúng ta có thể nhồi nhét vào mình mà không làm rối loạn tình trạng phúc lợi tâm lý của chúng ta?

Đối với những quốc gia nghèo nhất thế giới, những đòi hỏi như thế không phải là cấp bách nhất. Thách thức lớn nhất và quan trọng nhất đối với họ là đáp ứng được những nhu cầu căn bản của người dân. Nhưng, đối với ngày càng nhiều các quốc gia khác, điều Thinley suy nghĩ về tài nguyên tối hậu của hạnh phúc không chỉ đúng lúc, mà còn là điều khẩn cấp.

Ai cũng biết cung cách tiêu thụ quá mức của người Mỹ có thể hủy hoại sự ổn định xã hội và dẫn tới tình hung bạo, sự cô độc, lòng tham ái, và việc phải làm việc quá mức đến kiệt lực như thế nào. Có lẽ điều hiển ít được nhận biết nhất là những khuynh hướng ấy đang tăng tốc tới mức nào trong nội bộ nước Mỹ vào những thập niên gần đây. Điều đó, bên cạnh nhiều điều khác nữa, có thể là kết quả của sự tấn công ngày càng tăng và không ngừng nghỉ của hoạt động quảng cáo cùng hoạt động giới thiệu hình ảnh của các công ty trước quần chúng. Câu hỏi làm thế nào để hướng dẫn một nền kinh tế đi tới sự sản xuất hạnh phúc bền vững – kết hợp phúc lợi vật chất với sức khỏe của con người, với việc bảo tồn thiên nhiên, với sự uyển chuyển về văn hóa và tâm lý – là điều cần phải được đặt ra ở khắp mọi nơi.

Bhutan có nhiều điều đang tiến triển theo phương cách của họ. Xứ sở này sẽ có khả năng xuất khẩu sang Ấn Độ năng lực thủy điện được sản xuất từ dòng chảy tự nhiên của các con sông, nhờ đó có được ngoại tệ theo một cách bền vững và có thể làm tăng ngân quỹ quốc gia để tài trợ cho giáo dục, y tế, và xây dựng hạ tầng cơ sở. Đất nước Bhutan cũng nhắm tới việc bảo đảm sao cho phúc lợi của sự tăng trưởng đến được với toàn thể dân chúng bất kể vùng miền hay mức độ thu nhập.

Cũng có những rủi ro nghiêm trọng. Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang đe dọa hệ sinh thái và nền kinh tế Bhutan. Những điều tư vấn thiếu thận trọng và dốt đờ từ nhóm tư vấn McKinsey cùng những công tư tư vấn khác có thể khiến Bhutan biến thành một vùng du lịch ngày càng góp phần vào việc hủy hoại môi trường. Mọi người phải trông đợi rằng việc truy tìm tổng hạnh phúc quốc dân sẽ giúp định hướng đất nước này xa rời những cám dỗ như vậy.

Chìa khóa cho Bhutan là phải xem tổng hạnh phúc quốc dân như một cuộc truy tìm bền vững, hơn là chỉ như một bản liệt kê những danh mục cần kiểm tra một cách đơn giản. Truyền thống Phật giáo của người Bhutan cho họ hiểu rằng hạnh phúc không gắn liền với sản phẩm và dịch vụ, mà là kết quả của những hoạt động nghiêm túc trong việc phản tỉnh nội tâm và thể hiện lòng từ đối với tha nhân.

Bhutan đã bước lên trên hành trình ấy. Phần còn lại của các nền kinh tế thế giới cũng nên bắt chước.

Jeffrey D. Sachs là giáo sư kinh tế và là Giám đốc Viện Nghiên cứu Địa cầu tại Columbia University. Ông cũng là Cố vấn đặc biệt của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc về Những Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. ■

Như ngọn gió lành

Thành kính tưởng nhớ Thầy Từ Phong

CAO HUY HÒA

Tôi có duyên với Thầy, được hạnh ngộ khi tôi đã bước qua thời trung niên và Thầy cũng không còn trẻ nữa. Nhưng Thầy vẫn rất nhanh nhẹn, đi xe Honda vẫn nhanh, đặc biệt Thầy vẫn đi đang nắng, và tôi không bao giờ thấy Thầy đội nón như những vị thầy đứng tuổi khác. Dáng Thầy ốm, cao, gặp ai cũng tươi cười, nhất là đối với những vị thân quen, Thầy luôn chào thân mật, xởi lởi. Thế mà ai cũng biết Thầy đã bị ung thư khá lâu, Thầy đã sống chung với nó, vượt qua nó, ít ra cũng nhiều năm rồi. Như một phép lạ.

Có thể chuyện bài vở, viết lách làm cho tôi ban đầu được gần Thầy. Hồi đó, tôi chưa viết gì, trong khi Thầy đã cho tôi đọc những bài của Thầy viết về cảm nhận đạo Phật đôi chút mượt mà, và Thầy rất thích những sách, những bài của một người thân trong gia đình tôi. Tôi không ngờ, trong chuyện trò thân mật, ngoài chuyện đạo, Thầy nhớ biết bao nhiêu chuyện đời, chuyện xưa, chuyện học hành, thơ văn.

Ngoài cuộc sống tu hành, hoằng pháp, đã từ lâu, trước năm 1975, Thầy đóng góp công sức vào hoạt động y tế và từ thiện của Giáo hội, một hoạt động có quan hệ với các y bác sĩ và điều dưỡng tại Bệnh viện Trung ương Huế. Thầy rất trân trọng bác sĩ giám đốc T.K.Kh, vì tinh thần tận tụy phục vụ bệnh nhân. Thầy cho tôi biết vị bác sĩ giám đốc đến với đạo Phật hết sức đặc biệt: Trong một lần đi nhận dụng cụ y tế và thuốc men ở Đà Nẵng (Thầy có cho tôi xem giấy báo nhận hàng), bác sĩ giám đốc và Thầy cùng đi trên một chiếc xe có tài xế lái. Chiến tranh lúc đó còn rất ác liệt,

đặc biệt là ở địa bàn rừng núi. Trời đã chiều, khi xe đổ đèo Hải Vân thì đứt thẳng, lao xuống dốc. Mọi người hốt hoảng. Thầy để nghị bình tĩnh, nhất tâm niệm danh hiệu Ngài Bồ-tát Quán Thế Âm. Sau đó, không ai biết gì nữa. Một hồi, mọi người lóp ngóp dậy, ai cũng an toàn, trong khi chiếc xe va vào triền núi. Khi hoàn hồn, chính vị bác sĩ đã kể lại: Ông cũng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, nhưng cả đời chưa bao giờ tin, chưa bao giờ niệm, cho nên cũng không nhớ đã niệm như thế nào. Thế rồi bác sĩ chỉ thấy ánh hào quang sáng lên, đến khi tỉnh lại thì nhận ra mình thoát nạn. Nhưng tai qua nạn khỏi thì nỗi lo hiển nhiên đến, khi trời càng về chiều thì nỗi lo càng tăng: xe cộ lúc này đã vắng, e phải ở lại lưng đèo giữa đêm đầy bất an. Mọi người lại chỉ biết niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm. Như có phép mầu, một chiếc xe lên dốc từ phía Đà Nẵng, thấy xe bị nạn, đã chờ những người trong đoàn về Đà Nẵng. Theo lời Thầy kể lại cho tôi, chính tài xế xe kia có linh tính thôi thúc phải lên đèo vào lúc trời đã chiều, thì ra gặp xe bị tai nạn.

Từ biến cố đó, bác sĩ giám đốc nguyện theo Phật và chính Thầy tổ chức lễ quy y cho bác sĩ tại một ngôi tổ đình lớn ở Huế. Như để thể hiện tâm Phật tại nơi làm việc, bác sĩ đã cho trồng một cây bồ đề trong sân bệnh viện, vừa có ý nghĩa tâm linh, vừa tạo bóng mát. Chính từ thời bác sĩ T.K.Kh làm giám đốc, bệnh viện mới có bóng dáng quý Ni cô giúp chăm sóc bệnh nhân, nhất là bệnh nhân nghèo hoặc không nơi nương tựa, an ủi và động viên tinh thần cho những số phận không may. Quý Ni cô đã được ngành y tế thời

đó tổ chức cho tham dự các khóa học về điều dưỡng để thực hiện hạnh nguyện cứu khổ của mình.

Có ai ngờ rằng chỉ một câu niệm: “*Nam-mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ-tát*” đã làm chuyển biến tâm linh của vị bác sĩ giám đốc, làm cho người trí thức không biết gì về đạo Phật trở thành một Phật tử, để từ đó, người Phật tử giám đốc kia càng đem nhiều lợi lạc cho bệnh nhân, nhất là bệnh nhân nghèo, cả về thể chất lẫn tinh thần. Có điều chắc chắn bác sĩ đã có thiện nghiệp gặp được Thầy, để được niệm danh hiệu Bồ-tát cứu khổ cứu nạn...

Lại cũng có người đã được may mắn gặp Thầy, ở cuối đời. Một bà từ nhỏ, tú cổ vô thân, ngoại hình không chút sáng sủa, không biết gốc gác như thế nào, không bà con quen biết, làm người giúp việc trong một gia đình công chức. Trải qua bao biến động của thời cuộc, gia đình bà vào Sài Gòn, rồi phân ly, người mất đi vì già yếu, người phải đi tìm đất sống, bà cũng đi làm công, chuyển từ nhà này qua nhà nọ; nhưng chưa được mười năm thì đau ốm, tay chân chậm chạp, bơ vơ giữa đất Sài Gòn, cuối cùng, bà tìm đường ra Huế, may được một gia đình Phật tử cư mang cho đến cuối đời. Gia đình này cũng có thiện duyên được gặp Thầy, được đi theo Thầy làm y tế và từ thiện, và thế là, qua gia đình này, Thầy đã quan tâm giúp đỡ, khám bệnh và liên hệ cơ quan từ thiện cấp xe lăn. Thầy nói với mọi người trong nhà: “*Bà là mẹ của Thầy đó!*”, và Thầy đã thể hiện như lời nói, nhất là Thầy đã chăm lo khi bà lâm chung, sau đó nhập liệm, hộ niệm, đưa bà đến nơi an nghỉ cuối cùng và cũng đã cúng thất tuần cho bà chu đáo.

Thầy lo lắng nhiều cho xã hội trong khi chùa của Thầy đơn sơ, nội thất bình thường. Tôi chỉ chú ý, được treo trên tường là bức ảnh khá to của một vị tỳ-kheo toát lên tinh thần bất bạo động và đức vô úy trong những lúc gian nan. Bề ngoài Thầy có cuộc sống đơn giản, không chú trọng nhiều về hình thức, nhưng không phải bao giờ cũng thế. Những buổi lễ tại chùa như Phật đàn, Vu lan, Thành Đạo, Thầy cho thiết trí bàn thờ ngoài sân lộng lẫy, trang nghiêm, và Thầy chuẩn bị bài thuyết pháp rất kỹ lưỡng, in ấn rất đàng hoàng. Vào lúc đó, Thầy cho in giấy mời rất chỉnh và đẹp.

Từ duyên hạnh ngộ, tôi thường đến thăm Thầy, vấn an Thầy và bao giờ Thầy cũng vui vẻ, tươi cười, chuyện trò sảng khoái. Thỉnh thoảng Thầy điện thoại mời tôi về chùa, cũng chẳng có chuyện gì quan trọng. Tình cảm của Thầy khiến tôi phải nán lại khá lâu, và lần nào Thầy cũng mời tôi ở lại dùng cơm, một điều tôi rất áy náy khi chùa của Thầy thì không mấy ai, đệ tử của Thầy thì đi học. Nhưng được thọ trai với Thầy thì rất vui, ngồi vào bàn chỉ có Thầy, tôi, và một chú đệ tử của Thầy. Thầy dùng bữa rất ít, chỉ thích trò chuyện. Có khi Thầy dành cho tôi ưu ái đặc biệt, như trong một lần cúng quá đường mùa an cư kiết hạ, Thầy mời tôi đến dự và cho tôi một dịp học tập

“thâm nhập thực tế”. Thầy cẩn thận sắp cho tôi một vị trí riêng, và lần đầu tiên trong đời, tôi chứng kiến đầy đủ cảnh chư Tăng thọ trai trong chánh niệm, hơn thế nữa, được sống trong không khí trang nghiêm và thanh tịnh của buổi cúng quá đường, từ khi bắt đầu lễ cho đến khi kinh hành, tôi đi sau quý thầy, lễ Phật và hồi hướng công đức.

Thầy đặc biệt lo lắng cho việc học tập ngoài đời của đệ tử, hơn cả cha mẹ. Thầy ưu tư làm sao có được một đệ tử đỗ vào Đại học Y khoa để sau khi tốt nghiệp, sẽ làm việc cho các cơ sở khám chữa bệnh của Phật giáo. Mong ước này không thực hiện được, thì Thầy hạ xuống một bậc thấp hơn: không vào được Đại học Y khoa, thì đỗ vào đại học nào khác cũng được, cho nên Thầy lo lắng sách vở, máy vi tính, cho đệ tử đi học luyện thi. Thầy tạo điều kiện về thời gian để cho đệ tử tập trung việc học; đến gần kỳ thi, Thầy tự làm những việc tạp dịch thay cho đệ tử.

Nhưng cuộc đời thật kỳ lạ: nếu đệ tử thấy nuôi không đáp ứng kỳ vọng của Thầy thì lại có một nữ sinh viên y khoa gần ra trường, người Quảng Ngãi, nhỏ nhắn, vốn ở trong một gia đình không theo đạo Phật, có cơ duyên đi theo Thầy làm công tác y tế và từ thiện, cảm thương số phận của đồng bào nghèo, và cảm phục hạnh nguyện giúp đời của Thầy, đã trở thành đệ tử của Thầy, thường xuyên đến chùa, lạy Phật. Trong những năm cuối đời, những lúc Thầy trở bệnh, người Phật tử này đã luôn túc trực bên Thầy. Có lúc bệnh tình có vẻ thuyên giảm, Thầy nhờ cô đệ tử nhắn tin cho tôi. Vị thượng tọa nằm trên chiếc giường nhỏ, trong căn phòng hẹp, mái thấp, xung quanh chỉ thấy sách; không sao, Thầy vẫn cứ vui, cứ cười.

Cũng như thế, cuộc đời cũng có thừa trừ: chùa có ít chúng đệ tử, thì ngược lại, chùa có rất đông Phật tử. Những dịp chùa kỵ Tổ hoặc những dịp đại lễ thì chùa rất đông vui, sân chùa trở nên chật với nhiều người, già trẻ lớn bé, đến từ nhiều địa bàn khác nhau, kể cả những bộ y phục nâu của các Phật tử từ Nghệ An. Thầy chu đáo đi qua tất cả các bàn, chào hỏi mọi người rất thân tình.

Thầy đã sống chung với bệnh cũng đã nhiều năm rồi, vẫn làm trụ trì ngôi chùa, vẫn điều hành cơ sở khám chữa bệnh từ thiện, vẫn không quản nắng mưa đi làm công tác thiện nguyện ở vùng sâu, vùng xa, vẫn có chức vụ trong Hội Chữ thập đỏ của tỉnh, cũng như Thầy vẫn xuất hiện bên Gia đình Phật tử, kể chuyện Phật trong vòng dây thân ái của các em áo lam,... Đã đến lúc Thầy phải xả thân tứ đại để đi xa... Tôi đành bùi ngùi tiễn đưa Thầy, Thầy thân kính của tôi, nhưng tôi phải chiêm nghiệm lời Phật dạy, tất cả đều vô thường, Thầy chỉ là người đi trước. Cũng đã gần sáu năm Thầy đi xa, mỗi khi nhớ về Thầy, tươi cười đang nắng ban trưa, tôi cảm nhận một ngọn gió mát lành. ■

Kẻ cắp

HOÀNG THI NHU HUY

Ngày lên năm tuổi, tôi đã làm kẻ ăn cắp. Nhà tôi theo đạo Phật. Cha mẹ tôi là nhà giáo. Con nhà Phật thì phải biết thực hành những lời Phật dạy. Làm nhà giáo chân chính thì chỉ biết cống hiến cho học trò tất cả tri thức góp nhặt được trong cuộc đời. Sự cống hiến ấy của cha mẹ tôi không mong đợi bù đắp. Tuy nhiên, thỉnh thoảng có những phụ huynh ghé nhà để tặng cha mẹ chúng tôi những món quà thể hiện lòng biết ơn của họ.

Mùa xuân năm ấy, một phụ huynh nhân đi du lịch xứ miệt vườn Nam Bộ, ghé qua nhà tặng cha mẹ tôi một túi xoài tượng vừa độ chín thơm lừng. Cha mẹ đi vắng, anh trai tôi đại diện gia đình nhận quà và rối rít cảm ơn. Khi khách ra về, lũ chúng tôi tíu tít đếm lui đếm tới, rồi ôm từng quả lên mũi hít hà. Mùi thơm dịu, quyến rũ khiến bụng tôi khao khát vô cùng. Tôi mơ mình được mẹ chia một quả để tự tay lột vỏ, rồi cắn, để hàm răng ngập sâu trong miếng cơm xoài màu vàng nghệ, cho chất nước ngọt lịm và mùi thơm ngây ngất ấy ngập đầy trong vòm họng. Khi ăn xong, tôi còn phải mút cái hột cho đến lúc không còn một chút cơm xoài nào bám quanh mới thôi. Tôi thần thờ mơ tưởng trong sự mong đợi cha mẹ về. Nhưng cha mẹ đi đâu mà lâu về quá. Cuối cùng, không kìm được, tôi bẻ một quả vào đứng trong góc cửa, ăn vội vã nên... thực bất tri kỳ vị.

Tối đến, cha mẹ về, anh tôi chạy ra đón và don dả khoe công: *"Ba mẹ ơi, nhà mình được bác phụ huynh của anh Sơn cho xoài ngon lắm. Ba mẹ cho con một quả nghe. Hồi nãy con nghe lời ba mẹ dạy, lễ phép cảm ơn bác phụ huynh ấy và được bác ấy khen ngoan đấy"*. Mẹ bước vội vào nhận túi xoài, miệng nói: *"Để mẹ xem đã nào. Nhà có mười anh chị em, thêm ba mẹ là mười hai, thêm ba chị giúp việc là mười lăm mà mình con đòi một quả thì sao gọi là công bằng được?"*. Rồi mẹ làm con tính nhanh để phân chia. Nhưng đếm đi đếm lại vẫn chỉ là chín quả. Anh trai tôi cụt

hứng vì mất cơ hội được trọn vẹn có nguyên một quả. Nay lại phát hiện mất toi đâu một quả nữa nên nổi cáu là lằng: *"Mẹ ơi, chính tay con đếm mười quả mà sao chữ chỉ còn có chín? Chắc chắn có đứa ăn cắp"*. Mẹ cũng phụ họa thêm: *"Kể cũng lạ, thường biếu quả, người ta chọn mười chứ sao lại chín nhỉ?"*. Anh tôi cương quyết khẳng định có kẻ ăn cắp và đưa ra ý kiến: *"Mẹ ngủ miện là biết ngay đứa nào ăn chùng (vụng) liền"*.

Mẹ kêu gọi lòng tự giác nhưng tất cả lũ con im thin thít. Ngày ấy mới lên năm, tôi làm sao học được những mưu chước ranh ma của cuộc đời. Thế là đến phiên tôi há miệng, mẹ đã dễ dàng phát hiện thủ phạm chính là tôi. Đêm ấy, mẹ phạt không chia cho tôi phần xoài, rồi căng mõng tôi ra phết mười roi đau điếng. Đánh xong, mẹ lại ôm tôi khóc. Trong lúc các anh chị vây quanh vừa méo miệng vừa đưa ngón tay vẫy vẫy lêu lêu. Tôi nhớ để đời.

Hai năm sau, về quê, theo chân bọn chăn trâu, tôi lại một lần nữa bị ma quỷ cám dỗ, chui rào vào vườn quýt ăn trộm. Ăn xong, lũ chúng dạy tôi lấy lá quýt xoa miệng cho hết mùi. Đó là bài học ranh mãnh đối trá đầu tiên mà cuộc sống này dạy cho tôi.

Lớn lên, đi công tác cho cơ quan, thương đất nước mình còn nghèo, tôi đi xe ôm. Khi về thanh toán, cô tài vụ la lên:

"Sao chị đại thế? Đi xe ôm ai thanh toán cho chị bao giờ? Cứ đi taxi vừa sướng thân vừa có giấy thanh toán, có khi kiếm thêm được tiền". Tôi ngẩn ngơ như kẻ vừa từ trên cung trăng rơi xuống.

Lại một lần khác đi công tác, nhớ lời tài vụ dặn, tôi gọi taxi. Khi xin hóa đơn thanh toán, tài xế hỏi trắng trợn:

"Cô muốn ghi thêm bao nhiêu?". Tôi lại một lần nữa ngỡ người ra. Hóa ra có cái hóa đơn đồ làm bùa hộ mệnh thì mọi việc đều hợp pháp. Rồi nghe thiên hạ bàn tán hợp đồng bên A, bên B. đều trót lọt vì sổ sách chi tiêu minh bạch rạch ròi. Tôi chạnh lòng thương tôi năm xưa chỉ một quả xoài mà bị đòn quần đít.

Mèn ơi! Tôi muốn hỏi mèn, ăn cắp xoài có tội hay ăn cắp tiền của nhân dân là có tội?

Mèn lạnh lùng trả lời: *"Tất cả các kiểu ăn cắp đều là... Nôm-bơ-then !"*. ■



Nhà thơ
Bùi Giáng
qua lời kể của một người yêu thơ

TRINH CHU

Giã từ cõi mộng điêu linh

Anh về buồn bán với mình phơi pha

(Bùi Giáng)

Nay thì người “trung niên thi sĩ” đã thông thên trong cõi hư huyền miên viễn nhưng vẫn hiện hữu đó đây những ký ức, những hoài niệm về hình ảnh một thi sĩ kỳ dị nói cười bằng một thứ ngôn ngữ chẳng giống ai: khi chót vót đỉnh trời, lúc tận cùng quá vãng, đem hiện thực xối trộn vào ảo thể, lấy nguy làm chân, lấy chân làm hư, cứ từng từng như đùa như... điên, làm cho thiên hạ không biết đâu mà lẫn. Chính vì không biết đâu mà lẫn nên đã gây ra ngộ nhận. Có người thẳng thừng tuyên bố: Bùi Giáng điên! Người thận trọng hơn thì bảo: Bùi Giáng nào điên, ông chỉ giả vờ. Kẻ cho rằng Bùi Giáng loạn chữ. Kẻ lại bảo ông múa chữ. Cũng có người tỏ ra minh triết theo kiểu phản tư mang tính nghệ thuật: Bùi Giáng điên vì ông quá tỉnh! Bản thân Bùi Giáng thì khẳng định: “*Nó điên! Nhưng điên một cách dzui dzẻ...*”.

Mặc thiên hạ đánh giá. Điên hay tỉnh Bùi Giáng vẫn cứ là loại “*thiên tài không định nghĩa được*” theo lời Bùi Văn Nam Sơn. Do đó, gặp được Bùi Giáng là niềm hạnh phúc lớn đối với nhiều người, trong đó có ông Lâm Ngọc Duy ở Đức Trọng, Lâm Đồng.

Từ Đà Lạt tôi đáp xe buýt xuống Đức Trọng tìm đến nhà ông Lâm Ngọc Duy. Căn nhà gỗ khiêm nhường nép mình giữa khu vườn đầy cây và hoa là nơi an trú của chủ nhân những bức ảnh, những câu chuyện về vị cố “trung niên thi sĩ”. Ông Duy quê ở Quảng Ngãi, sớm bị mê hoặc bởi những giọt “Mưa nguồn” của Bùi Giáng; có thể coi đó như một duyên lành để về sau làm nên cuộc hạnh ngộ giữa hai người. Ông kể:

“Năm 1980, vì hoàn cảnh gia đình quá ngặt nghèo, tôi phải mang theo đứa con nhỏ rời Đà Lạt xuống Sài Gòn tìm kế sinh nhai. Hai cha con tứ cố vô thân, không nhà không cửa, sống vất vưởng dọc vỉa hè. Hằng ngày tôi đi chụp ảnh dạo trên các đường phố Sài Gòn kiếm miếng cơm, bát cháo lắt lay qua ngày. Một thời gian sau, tôi may mắn gặp nhiếp ảnh gia Trần Cao Linh và được ông nhận vào làm trong Ảnh viện Đồng Đa trên

đường Trương Minh Giảng, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó hai cha con mới có tiền thuê phòng trọ.

Một hôm trên đường đi làm về, ngang qua chỗ bùng binh Trương Minh Giảng, tôi thấy một ông già đang nhảy múa, xung quanh trẻ con xúm lại rất đông. Khá hiếu kỳ, tôi chạy lại xem. Ngó chừng dung mạo thấy giống Bùi tiên sinh mà tôi đã từng nghe qua lời kể của bạn bè. Tôi liền hỏi: “Xin lỗi! Có phải ngài là Bùi Giáng không?”. Bùi Giáng nhướng mắt nhìn tôi, hỏi lại: “Sao anh biết ta?”. “Dạ, con là độc giả của ngài đây. Hâm mộ ngài từ lâu, hôm nay mới được gặp. Thật là một cơ duyên!”. Bùi Giáng rẽ đám trẻ con ra rồi cầm lấy tay tôi kéo vào một con hẻm nhỏ trên đường Trương Minh Giảng. Tại đây Bùi tiên sinh đã chép thơ lên vỏ bao thuốc lá tặng tôi. Bài thơ vồn vện chỉ có một câu: “*Chép lời bờ cỏ ra hoa*”. Thấy câu thơ lạ, tôi hỏi: “Thơ ngài quả siêu phàm. Con không hiểu được ý thơ?”. Nghe Bùi Giáng giải nghĩa câu thơ xong, tôi lại càng kính phục trình độ uyên áo của ngài. Sau đó tôi chở Bùi tiên sinh trên xe đạp dạo quanh Sài Gòn. Cứ chừng 200m, Bùi tiên sinh lại bảo tôi dừng xe, tạt vào lề đường làm mấy hộp rượu rồi mới chịu đi tiếp. Lúc nào bên mình ngài cũng có sẵn bầu rượu và túi thơ như thế. Đến ngã ba, ngã tư ngài lại xuống làm cảnh sát giao thông, chỉ đường cho xe cộ đi lại. Qua một ngày du ngoạn, Bùi Giáng cho tôi địa chỉ và dặn: “Anh muốn tìm ta thì đến đường Lê Quang Định, cứ hỏi nhà ông già điên thì ai cũng biết. Đến mà thấy ta bệnh thì ghé chơi, còn ta khỏe thì im lặng mà về, ta không tiếp”.

Nhiều lần sau đó tôi tìm đến nhà Bùi Giáng nhưng không lần nào gặp được ngài. Hỏi hàng xóm, người ta bảo: “Hôm nào ông cũng đi từ lúc 3 giờ sáng, có khi cả nửa tháng mới về nhà”. Bạn khác, tôi đi sớm tìm ngài. Lần này tôi mang theo bộ ấm pha trà, hai cái bánh pía và may mắn gặp được ngài trong một quán cà-phê ở cuối con hẻm. Thấy tôi, Bùi tiên sinh lên tiếng: “Sao anh biết ta ở đây?”. “Dạ, con đi tìm ngài mấy bữa *ni* mà không gặp. Hôm nay không ngờ lại gặp được ngài”. Ở quán cà-phê đó tôi pha trà mời Bùi tiên sinh. Bùi tiên sinh cúi

xuống nâng hai tay lên cao quá đầu đón chén trà từ tay tôi như một nghi lễ. Cử chỉ đó của ngài làm tôi nhớ mãi.

Rời quán cà-phê, chúng tôi cùng lang thang trên đường phố Sài Gòn. Đi được một quãng, Bùi tiên sinh tạt vào một tiệm sửa xe đạp. Tôi quay lại hỏi: "Ngài vào mua gì thế?". Bùi tiên sinh đáp: "Anh cứ đứng đó chờ ta. Ta đi trở lại ngay". Ghé vào tiệm, Bùi Giáng bèn với tay lấy cái ghi-đông xe đạp đang treo lưng lẳng trên đầu rồi bước ra. Chủ tiệm liền chạy theo giắt lại cái ghi-đông và đạp cho Bùi Giáng một cái ngã nhào xuống đất, sau đó còn tát thêm mấy cái nữa. Bùi Giáng lồm ngồm bò dậy, nói: "Tôi mới lấy của mi cái ghi-đông mà mi đạp tao đến sưng cả mắt. Nếu tao làm chi hơn chắc mi đánh tao chết...". Nói rồi Bùi Giáng quay lưng đi.

Chưa hết đau, hai chúng tôi dắt nhau qua chùa Liên Ứng. Tại chùa Liên Ứng, tôi đã chụp những bức ảnh đầu tiên về Bùi Giáng. Và Bùi tiên sinh lại làm thơ tặng tôi. Bài thơ không đề có đoạn viết: *"Trăng thanh đầu ngọn yếu đào/ Hắc phong hải ngoại tự trào hoàng hôn/ Chẻ hai mảnh giấy vô hồn/ Lắm sương lạc tuyết là cơn điệu tang/ Còn nguyên phố thị hội đàm/ Với trăng châu thổ muôn vàn dưới kia"*. Phía dưới ghi: "Thân tặng Lâm Ngọc Duy, người bạn Quảng Nghĩa, tôi bạn Quảng Nam, ký tên Bùi Giáng".

Vào cuối câu chuyện, Bùi tiên sinh đề nghị: "Anh đưa ta về thăm nhà anh. Ta ở lại một đêm rồi mai đi chơi tiếp". Tôi đưa ngài về phòng trọ. Đó là một căn nhà lá nhỏ, chỉ có độc mỗi chiếc giường. Tôi bèn mời ngài lên giường nghỉ, ngài không chịu: "Ta nằm dưới đất quen rồi. Anh để ta ở đây thoải mái hơn". Ngài tiếp: "Anh có làm thơ không? Cho ta coi". Tôi đưa thơ cho ngài, đọc xong ngài bảo: "Hay anh in chung với ta một tập đi?". Tôi toát cả mồ hôi, trả lời: "Con chỉ đáng xách dép cho ngài, sao lại ngồi chung chiếu với ngài được". Đêm ấy hai chúng tôi đều ngủ muộn nhưng mới 3 giờ sáng tôi đã thấy Bùi Giáng thức dậy ngồi thiền. Và đó cũng là lần tương ngộ cuối cùng giữa tôi và Bùi tiên sinh.

Cuối cuộc trò chuyện, tôi mạn phép hỏi ông Lâm Ngọc Duy. Ông đánh giá thế nào về con người, sự nghiệp cũng như tài Bùi Giáng? Ông Duy vui mừng trả lời: "Ngài là một Bồ-tát Nghệ sĩ. Người ta cứ nói Bùi Giáng điên nhưng tôi thấy ngài không hề điên. Họ nói vậy vì họ không biết thôi. Bùi Giáng điên vì ông quá tỉnh! Gặp được ngài là niềm hạnh phúc lớn nhất đời tôi".

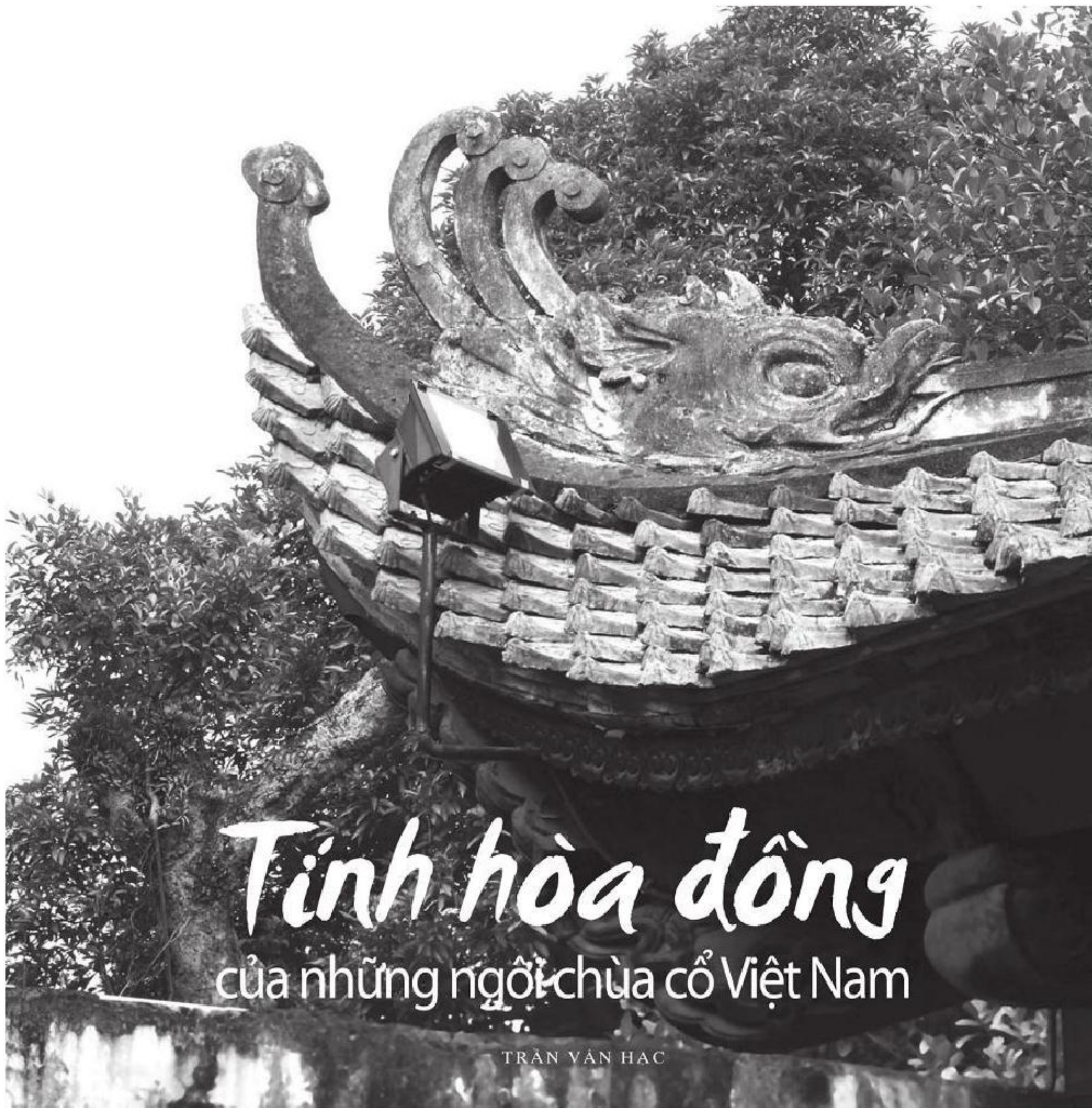
Martin Heidegger từng nói: Ngôn ngữ là ngôi nhà an cư của Tính thể. Thi sĩ và Tư tưởng gia là kẻ canh giữ Ngôi nhà ấy. Bằng ngôn ngữ, Bùi Giáng đã tạo nên ngôi nhà tính thể của riêng mình. Ở đó ông hã hê nói cười, ông phiêu linh đời mình trong biển cả văn chương vô tận với



hàng loạt sự kết hợp độc đáo giữa cổ và kim, giữa ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ đời thường, giữa cách nói thông dụng và cách nói lái, giữa nghiêm trang và bốn cợt... Bởi ông dám hồn nhiên tin rằng: đời là một cuộc chơi mà chơi thì phải chơi cho đã, cho chán, cho lạc mất đường về, và lạc mất ngay chính bản thân mình: *"Hỏi tên rằng biển xanh đâu/ Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa"*.

Thế rồi sau những dặm dài "giang hồ muôn nẻo điều linh" ấy, Bùi tiên sinh đã lui về an trú trong ngôi nhà tính thể của ngôn từ, trả lại cho nhân gian những lời đánh giá, khen chê, cùng sự thốt nhiên thiên tài nơi những vần thơ xảo diệu, những tập tiểu luận triết học, dịch thuật văn chương... mà sự ngân rung của nó sẽ còn dài lâu trong đời sống văn học nước nhà.

Chia tay ông Lâm Ngọc Duy, tôi cứ bằng khuỷu tay về một tấm lòng. Bởi trong khi người ta đang mãi lo làm lo ăn thì Lâm Ngọc Duy vẫn cứ âm thầm lặng lẽ tìm về với cái đẹp, cái thanh tao. Hằng tháng ở nhà ông vẫn có những đêm thơ Bùi Giáng, đêm nhạc Trịnh Công Sơn. Hằng năm vẫn có ngày giỗ họ Trịnh cũng như ngày tưởng niệm Bùi tiên sinh ly trần. Những tách trà xưa uống cùng nhau, những bài thơ ghi trên giấy vụn, những bức ảnh Bùi Giáng, những tập thơ, những truyện dịch của Bùi tiên sinh đến bây giờ ông Lâm Ngọc Duy vẫn còn lưu giữ cẩn trọng. Đời rất cần những con người làm nên cái đẹp, nhưng đời cũng cần hơn những con người biết quý trọng, nâng niu, gìn giữ cái đẹp. Ông Lâm Ngọc Duy là con người ấy. ■



Tĩnh hòa đồng

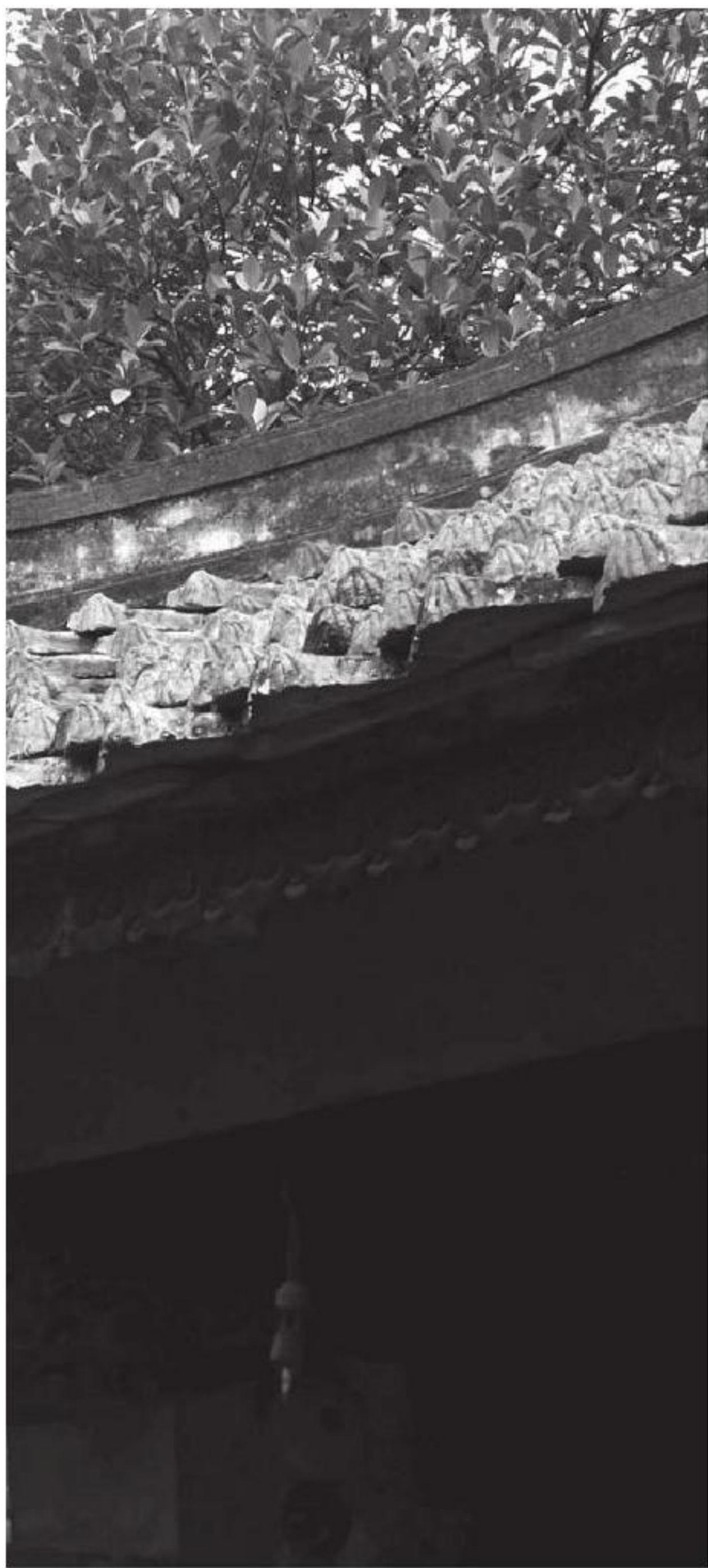
của những ngôi chùa cổ Việt Nam

TRẦN VĂN HẠC

Chiêm bái những ngôi chùa cổ trên dải đất hình chữ S, ta luôn thấy có sự nhất quán trong kiến trúc, đó là quy mô không lớn. Thấp thoáng bên những ngôi nhà bình dị, hiền lành của những người dân một nắng hai sương, là những ngôi chùa đơn sơ, gần gũi nhưng trang nghiêm, trầm lặng tỏa ra sức mạnh vô hình của đạo Phật và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Có lẽ điều đó xuất phát từ việc đạo Phật dạy con người đi tìm sự đơn sơ nhưng thuộc về bản chất tốt

đẹp nhất của xã hội loài người; giúp con người ta luôn hướng tới những giá trị thật của Chân – Thiện – Mỹ hòa trong đức từ bi hỷ xả. Bước chân vào những ngôi chùa nhỏ, ta thấy tâm ta hòa vào thiên nhiên, hòa vào vũ trụ, hòa với thế gian vốn là môi trường sống hàng ngày của bản thân ta và ta tự nguyện, tin tưởng, thành tâm hướng về chính đạo, chứ hoàn toàn không bị áp chế do một áp lực tinh thần nào. Sự vĩ đại của đạo Phật và người theo đạo là ở cái tâm thánh thiện chứ không phải hình thức. Cũng chính vì vậy, đạo Phật có ảnh



hưởng sâu rộng trong đời sống nhân dân, ngay những người không theo đạo Phật cũng có thói quen ăn chay vào những ngày mồng một hay ngày rằm...

Ngay từ khi xuất hiện tại Việt Nam, Phật giáo đã được bản địa hóa, khiến Phật giáo hòa mình vào lòng dân tộc tạo nên một sắc thái đặc biệt của riêng Việt Nam. Bởi vậy Phật giáo đã sinh tồn cùng dân tộc trong suốt quá trình phát triển của lịch sử; dưới nhiều triều đại, đạo Phật được coi là Quốc đạo.

Những ngôi chùa cổ Việt Nam đều có quy chuẩn vô

cùng tinh tế, đó là tam giới giao hòa: mái tượng trưng cho trời, nền tượng trưng cho đất; còn phần kiến trúc ở giữa là nơi thần và người tiếp cận, cần được thông nhau, âm dương giao hòa. Vì thế nền thường để đất mộc, hoặc có lát gạch với những mạch rộng hoặc dùng gạch bát thấm nước...

Phật giáo thờ Phật trong chùa, tín ngưỡng truyền thống Việt Nam là thờ thần trong miếu và thờ Mẫu trong phủ, trong đó, Phật điện là nơi cao nhất. Về các thần thì bốn vị thần được thờ nhiều nhất là Tứ pháp: Mây-Mưa-Sấm-Chớp. Tuy nhiên bốn vị thần này đã được "Phật hóa". Các pho tượng này thường được gọi tượng Phật Pháp Vân, Phật Pháp Vũ, Phật Pháp Lôi và Phật Pháp Điện; trên thực tế hoàn toàn điêu khắc theo tiêu chuẩn của một pho tượng Phật; nghĩa là đầy đủ 32 tướng tốt cùng 80 vẻ đẹp, mà một trong những nét tiêu biểu chính là tướng nhục kế và khuôn mặt đầy lòng từ mẫn... Các hệ thống thờ phụng này tổng hợp với nhau tạo nên các ngôi chùa "tiền Phật, hậu Thần" hay "tiền Phật, hậu Mẫu". Người Việt Nam đưa các vị Thần, Thánh, Mẫu, thành hoàng thổ địa, anh hùng dân tộc... vào thờ trong chùa. Đa số các chùa còn để cả bia hậu, bát nhang cho các linh hồn đã khuất. Những điều đó hoàn toàn không mang tính mê tín dị đoan, mà phù hợp với truyền thống đạo đức của người Việt. Đạo Phật và ứng xử với đạo Phật của mỗi người đi vào được bản chất tốt đẹp sâu xa của đạo, của phần "người" hơn.

Hiện nay do nhiều yếu tố, một số ngôi chùa được xây dựng với quy mô to lớn nhằm những mục đích nhất định, xa rời không gian văn hóa kiến trúc truyền thống. Chưa nói đến ở một số ngôi chùa người ta nhập vào nhiều thứ không phải Phật, mà nhiều khi gắn với mê tín dị đoan... Người ta đi đến những ngôi chùa đó như một địa điểm du lịch, để thỏa trí tò mò, để ngắm nhìn thần phục trước sự to lớn rất đời thường của công trình mang cái vỏ đạo Phật, để cầu lợi... Thực tế những kiến trúc được gọi là chùa đó đã vô hình bóp chết cái tâm trong sáng trong mỗi con người. Người ta mang đến chùa những mưu mô vụ lợi. Đến mức quy mô to lớn có phần thái quá của một số ngôi chùa hiện nay làm cho người ta cảm thấy nhỏ bé, choáng ngợp trước thiên nhiên, bị quy phục, chứ không xuất phát từ cái tâm trong sáng. Nếu những ngôi chùa cổ mang một vẻ đẹp văn hóa truyền thống của người Việt, thì những ngôi chùa đồ sộ kia chỉ là sự phô trương lạc lõng, xa rời văn hóa dân tộc.

Chính vì vậy, việc giữ gìn và bảo tồn những ngôi chùa cổ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi đó là tiếng nói của tổ tiên, là di sản văn hóa của dân tộc trên con đường phát triển. Đồng thời đã đến lúc cần có những quy định cho kiến trúc một ngôi chùa, dân tộc, hiện đại, phù hợp với đạo đức và tâm hồn người Việt trên con đường hội nhập và phát triển. ■

Lặng nghe... đá nói... ngây ngô...

LÊ TÚ HIỂN



1. Tâm thức vô danh – đá lặng lẽ thẩm hồng

Trên ngưỡng cửa từ xã hội nguyên thủy bước sang xã hội văn minh, đá là chất liệu đầu tiên gắn bó với những bước chân chập chững, đẩy ấp ước mơ và lăm nôi âu lo của con người.

Trong buổi bình minh lịch sử nhân loại, con người sinh ra và về lại từ hang (đá), làm ra công cụ sản xuất từ đá, tia sáng được đánh lên từ đá, cho con người lửa (mặt trời – lửa bếp – lửa lòng). Người phương Tây trong thần thoại Hy Lạp tự hào trên đỉnh Olympe với ngọn lửa Prômê-tê – “vị thánh đầu tiên, người tuân tiết đầu tiên trong lịch sử triết học” (Marx) và họ tin “có các loại đá vẫn giữ được hơi người”. Người phương Đông trong thần thoại Ấn Độ vẫn mãi giữ ngọn lửa thần Anhi trên đỉnh Hymalaya hướng tới sự cao thượng, tự do và minh triết tinh anh, *Con người cầm – Viên đá lạnh vô tri – Và tia lửa – Tự đó lóe* (Chớp trong tay – Robert Rozhdestvensky).

Từ thời đại đồ đá – thời đại dài nhất trong lịch sử loài người - đến nay, dù tín ngưỡng dân gian biến đổi và trầm tích nhiều lớp văn hóa, nhưng ấn tượng về đá đã hết sức sâu sắc trong tâm thức. Giản dị như tâm hồn Việt Nam, lặng lẽ mà nồng nàn thẩm hồng trong hòa quện Trầu Cau.

Ngày nay, không mấy ai ăn trầu nhưng ai cũng biết chuyện *Sự tích Trầu Cau*. Đó là một câu chuyện đẹp và cảm động về phong tục tập quán, hôn nhân một vợ một chồng, tình thương gia tộc và tình yêu đôi lứa trong ước vọng thẩm đỏ trầu cau. Và người ta cũng chỉ nhớ đến hai chủ thể Trầu – Cau: *Lưu luyến tình xưa âu yếm trầu leo quanh thân cau...* Ấy còn là chuyện ngả ái, mình là người khác, mình là mình, mình là ai: *Ôi ta buồn! Ta đi lang thang bởi vì đâu...* (Trầu Cau – Phan Huỳnh Điểu). Không có chút vôi trắng lặng lẽ tinh luyện từ đá, liệu có tạo nên màu thẩm hồng hòa. Từ ngàn đời, tự đá lặng lẽ không tên, mang cái mà Krishnamurti gọi là “tâm thức vô danh” vào đời.

2. Từ ải Nam Quan... vỗ cánh chín con long

Bản đồ hình chữ S mỏng manh lưng tựa núi, mắt ngóng biển cứ như người con gái gồng vai quang gánh ải Bắc, lưng eo thon thả miền Trung và *Hành phương Nam* chân duỗi dài bên chắc mũi Cà Mau. Nào có riêng gì những năm tháng kháng chiến trường kỳ ác liệt, mà mấy nghìn năm *Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa* kia đã tạo nên bao dáng đá chờ chống. *Dân tộc ấy có gì kỳ lạ – Một nước bao nhiêu là đá Vọng Phu* (Phạm Tiến Duật). Người con gái bỗng con hóa đá. Người con trai có về cho đá lại là em.

Tình yêu nằm ở tâm đá – những trái tim giản dị hằng thường vô lượng của người con gái hóa đá. Người ra đi

chắc gì quay lại nữa – *Trên đầu non lòng đá vẫn kiên trinh* (Chế Lan Viên). Người ta quen thuộc với hình tượng *Sóng* – một ẩn dụ tình yêu giàu nữ tính. Nhưng *Đá*, kể *Từ lúc ấy* (Thu Nguyệt), cũng là một hình tượng nghệ thuật gắn bao cung bậc tình yêu của một trái tim giàu nữ tính. *Em ngồi hóa đá thành thơ – Trả anh ngày tháng anh chờ lúc yêu – Em ngồi hóa đá thành chiếu – Trả anh cái nệm hôn liêu ngày xưa – Em ngồi hóa đá thành mưa – Trả anh cái phút anh đưa qua cầu – Xa nào anh có hay đâu – Đá từ lúc ấy bây giờ hóa em.* Hay, lạ, và diệu thay một tác lòng yêu giàu nữ tính từ *hóa đá* giờ thành *hóa em*. Người con gái giàu vẻ tính nhạy cảm điệu tượng của trái tim, người con trai mạnh về tính lý trí của khối óc. *Tạm biệt nhé với chiếc hôn thẩm lặng – Anh trở về hóa đá phía bên kia* (Thu Bồn). Tư tưởng nằm ở đầu đá – những cái đầu nóng lạnh đầy tính triết luận nhân sinh hữu hạn – vũ trụ vô cùng, xuất xứ – hành tàng... của người con trai biến thiên... theo đá. *Giữa đời hiện hữu như vô ngã – Giữa hồng trần đá có vô tri* (Kim Tuấn). Nếu có gần với một chữ *Tinh* – rơi, rớt, rụng... thì chấp nhận trong đá trắng lặng im. *Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ – Em lấy chồng rồi hết ước mơ – Tôi sẽ đi tìm môm đá trắng – Ngồi lên để thả cái hồn thơ* (Hàn Mặc Tử).

Từ ngàn xưa, mãi thương cảm cho những lỗi lầm của trái tim tình yêu cao thượng trong trắng, *Em hóa đá trong truyền thuyết – Cho bao cô gái sau em – Không còn phải hóa đá trong đời* (Trước đá *My Châu* – Trần Đăng Khoa). Bài hai trong chùm ba bài *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương mang bi cảm con tim *Chín con long...*

3. Trong hừng sinh, đá lặng lẽ cho đời

Chỉ có đá mới không tách bạch giữa xác và hồn, tâm và trí. Đời là một dòng sông mãi chảy của vô bờ bồi – lở, hợp – tan, tụ – tán, thịnh – suy... kéo theo bao thật giả thị phi của những ái, ố, bi, hỷ, nộ, khổ... *Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt – Nước còn cau mắt với tang thương* (Bà Huyện Thanh Quan). Giữa trời – mây – non – nước kia, vẫn là dáng đá lẻ loi một mảnh tình riêng.

Đá và nước là motip chạy sóng đôi. Đá thường lặng lẽ nhìn xuống sông trôi. *Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy*. Không ai có khả năng ngồi như đá – như vô ích, vô sự, vô tâm – vì không ai thừa nhận tính nguyên sơ chân thật, căn bản hoàn hảo vốn có. Quá giản dị, người ta dễ xem thường và chán ghét. Không gì nguyên sơ chân chất hòa hảo hơn trong toàn thể đá – không thể chia cắt, quy chiếu. Nền đá là đá, chẳng thức, chẳng ngủ, nên đá không chấp nê kinh nghiệm, không mê – ngộ, không sáng suốt – tối tăm... mà đá mãi ngây ngô... như đá... Hãy ngồi xuống... như đá. Chẳng để làm gì. Rồi đứng dậy – trong cuộc sống – tỉnh giác, giản dị – mọi cái qua đi: *Sống lên Hoàng Sơn trông – Chiều xuống Bàn Thạch tắm – Nhặt*



hòn đá hai nơi – Núi sông không đẩy năm (Cao Bá Quát). Đá ngồi là không ngồi – Nó sống. Hóa ra, hành động đã quá nhiều mà người ta thấy chưa đủ, không bao giờ đủ, cần hành động. Đá buông bỏ hành động. Đó chính là hành động giác ngộ của sự an nhiên – sáng tạo – tình yêu lớn lao. Chả trách, ai cũng thấy ngu... như đá.

Thực ra, tâm đá mang hạnh Nhẫn, không lụy theo cảm giác chấp nhận hay không chấp nhận, không bị lôi theo điều vui hoặc né tránh điều buồn. Nhưng đá không thụ động trơ lì. Ngồi xuống. Lắng nghe. Thấu hiểu. Và cười như đá. Không ai cảm nhận tự nhiên như đá. Ấy là nghiệp lành đất đá. Cảm nghiệm được chân không trong hiện hữu và hiện hữu trong chân không, nhờ cả hai mà ta tìm thấy bình an sống. *Nhẫn thạch* – tác phẩm đoạt giải Goncourt 2008 của Atiq Rahimi... "Là tụng ca về tự do và tình ái, *Nhẫn thạch* bung ra như một khúc nguyện cầu, dự hoặc, âm ảnh. Kỳ diệu như một hòn đá kiên nhẫn" (Télérama).

Đá nằm trong lòng nước, đá tựa lưng cho nước chảy, đá dựng lòng cho nước nằm, đá mở cửa cho nước đi, đá soi mình vào nước. Nước là dây tơ cho cung đàn đá ngân. Mới có một Nguyễn Trãi – người anh hùng làm nên sự nghiệp bình Ngô, người đời thường Côn Sơn mang một tâm hồn giàu nhạc cảm mới nghe được cung đàn ấy. Mới có một Trần Nhân Tông, yên việc binh đao, gác kiếm: *Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã – Sơn hà thiên cổ điện kim âu*. Hòn đá tảng dần yên bờ cõi của vị vua anh hùng và hòn đá tảng lặng yên Trúc Lâm Yên Tử là một.

Không ai thoát được vòng quay đầy ám ảnh của hai trục không – thời gian. Lá cứ rơi, hoa cứ nở, muôn việc đầy trước mắt. Bốn mùa cứ luân chuyển, vừa gọi bao xao động, vừa vượt lên mọi thứ xao động của tâm kính như tự – nó. *Diệp lạc hoa khai nhãn tiền sự – Tứ thời tâm kính tự*

như như (Nguyễn Du). Đó là tâm của đá... như như... khóc cười... *Tự mình biết riêng mình*... (Trịnh Công Sơn)

4. Đời không tâm điểm... đá lên trong mình

Trịnh Công Sơn từ tiền kiếp đã mang sẵn trong mình một *Phúc âm buồn* mờ tạc trong Thạch Kinh vô tự. *Người còn đứng như tượng đá trong rừng cây già. Người còn đứng như trăm năm vết thương chưa mờ. Như từ bờ tiền sử hoang sơ bước ra Dấu chân địa đàng... lắng nghe vô thanh: Tiếng ca bắt nguồn từ đất khô – Từ mưa gió – Từ vào trong đá xưa... Muôn vàn Cát bụi hóa thân từ đá trên hành trình cát bụi trần ai ngược sáng để làm người – để yêu và để mòn đi, rồi để một mai về lại cát bụi Mặt trời nào soi sáng tim tôi – Để tình yêu xay mòn thành đá cuội.*

Trên hành trình ấy, đá mang đủ mọi cung bậc. Có những tự nguyện: *Tôi xin làm đá cuội – Và lăn theo gót hài. Một duyên, hai nợ, ba tình... Biết đâu nguồn cội, có những Ngẫu nhiên bắt chợt, hiệu ứng đẹp và hệ lụy tự nhiên – Hòn đá lăn trên sỏi – Hòn đá rớt xuống cánh mai – Rụng cánh hoa mai gầy... Nên biệt ly Biển nhớ... Ngày mai em đi, cồn đá rêu phong rû buồn... Để rồi, riêng mình Lặng lẽ nơi này tự ngã – tha nhân: Em đi về nơi ấy, nơi đâu nơi đâu, sông cạn đá mòn. Trăng treo đầu con sông. Trong lặng lẽ Tình nhớ là những điệu âm, Những bước chân mềm mại – Đã đi vào đời người – Như từng viên đá cuội – Rớt vào lòng biển khơi. Đời mang gam màu Chiếc lá thu phai, Ngậm ngùi ôi đá cũng thương thay... Ấy là những chuyện muôn đời ai cũng hiểu, mòn như đá, xưa... như Diễm trong khát vọng tình người nương tựa cho nhau: *Làm sao em biết bia đá không đau – Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng – Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...**

Như đá... chứ chưa phải là đá. Từ nhu cầu và lòng tin mà người ta tìm về nơi nương tựa. Ba đỉnh khép kín người ta thường xác định tâm điểm tựa vào là tiền – quyền – sắc. Dầu có vượt thoát theo kiểu văn hóa ẩn dật *Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ...* thì cũng là tìm về một nơi nương tựa. Mà nương tựa vào đâu rồi cũng phải chấm dứt trong cái sự hữu hoàn vô.

Tim về trên đỉnh cô phong, những tưởng tựa vào rừng nhưng *Rừng đã bỏ hoang... Người tìm về đâu non*, còn chấp nê hệ lụy ngoại cảnh thì tất yếu còn buồn đau, còn loay hoay tìm đường, tìm nơi nương khác... Tỉnh giấc đối diện chính mình, tự tựa vào mình, tự mình là đá... *Rồi người bỗng hết buồn – Đã hết buồn – Người lắng nghe đá lên trong mình... Bỗng* là tia chớp sát-na của đốn, đã là trải nghiệm đời mình – một đời *Du mục* – biết lắng nghe mà đạt đến chân lý vô thanh của ngộ.

Tàn thu nắng tắt đông sang – Tim hơi ấm chử trong trang đá rơi – Vui bay buồn động chân trời – Đá hoàn kiếp đá một lời vô thanh. Đó là đá trong cái tổng thể cả ba trạng thái thức – mộng và thụy miên, nên nói như Krishnamurti, *Đời không tâm điểm... đá là... đá thôi.* ■



Vài suy nghĩ trong một chuyến về quê

NGUYỄN HẢO

Nói như Verner Z. Reed, mỗi thành phố đều có một cái hồn. Điều này không ngoại lệ đối với Sài Gòn. Và trong cái hồn của Sài Gòn đó, phải kể đến hai yếu tố nổi bật là văn hóa và con người.

Dù bộ mặt của Sài Gòn đổi thay nhanh chóng mỗi lần tôi trở về, hay cũng có mà dờ cũng có, bản chất chung của người Sài Gòn như vẫn không thay đổi. Bản chất đó là sự nhiệt tình, lễ phè nhưng năng động, cởi mở và thẳng thắn, đơn giản, mau tiếp thu và thích ứng, và phảng phất cái chất “nghĩa khí”.

Gọi là “người Sài Gòn” nhưng thật ra dân Sài Gòn là dân tứ xứ. Sài Gòn có một nền văn hóa đa nguyên. Và nhờ tính cách đa nguyên đó, Sài Gòn mang một cái hồn rất riêng, và trở thành một trung tâm kinh tế, thương mại và văn hóa của cả nước.

Có ai đó có thể nói rằng tôi là một người lạc quan. Có thể. Nhưng thật sự tôi đã có những phút giây hòa mình với Sài Gòn, với những người Sài Gòn đến từ nhiều nơi trên đất nước.

Trong lần về này, người tôi gặp đầu tiên là nhà sư Nguyễn Thế Đăng. Sau đó, sư Nguyễn Thế Đăng, anh Nguyễn Tự Cường và tôi hẹn nhau đến gặp anh em trong tòa soạn bán nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo* ở 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Hôm sau, chúng tôi lại được hẹn đến gặp các thầy trong tòa soạn nguyệt san *Giác Ngộ*. Riêng tôi còn được gặp nhiều bạn bè thân hữu khác, cũ cũng có mà mới cũng có.

Phần lớn những câu chuyện giữa chúng tôi được trao đổi thân tình trong các quán cà phê.

Có thể nói quán cà phê là một phần của văn hóa Sài Gòn. Quán cà phê ở Sài Gòn có nhiều phong cách khác nhau: cà phê vườn, cà phê bar, cà phê nhạc, trà quán, cà phê sách, cà phê vỉa hè... Nói là cà phê nhưng trong các quán đó, ngoài cà phê, khách có thể chọn trong nhiều loại thức uống rất đa dạng, và có thể có cả thức

ăn. Nhiều quán đẹp và dễ thương, bài trí trang nhã. Có lẽ chủ nhân các quán cà phê đã bỏ nhiều tâm trí để có những quán cà phê vừa đáp ứng thị hiếu của khách, đồng thời cũng làm thăng hoa thị hiếu của họ.

Dưới mắt tôi, “văn hóa cà phê” của Sài Gòn chứa nhiều tính chất tích cực. Đó là nơi xả stress, nơi gặp gỡ bạn bè, nơi giao dịch lành mạnh, nơi trao đổi công việc, cũng là nơi hẹn hò thơ mộng và trong sáng. Đó cũng là nơi ngồi nhìn những cơn mưa Sài Gòn, những dòng xe, dòng người của Sài Gòn, nơi có thể tìm một góc riêng để được ngồi một mình, nhìn không gian, nhìn cây cối, nghe tiếng nước chảy, nghe thời gian trôi... Quán cà phê Sài Gòn cũng là nơi tiếp cận được với nhiều tầng lớp người ở Sài Gòn... Có thể nói đó là một đời sống phía sau, một đời sống cũng rất thật của Sài Gòn bên cạnh đời sống náo nhiệt, bon chen, bươn chải. Không có những quán cà phê thì có lẽ đời sống Sài Gòn sẽ mất quân bình, sẽ nổi loạn.

Cũng có một số quán cà phê bị nhìn bằng cái nhìn “tiêu cực,” và tôi cũng đã có dịp ghé vào những nơi đó, tiếp cận với nhiều tầng lớp người ở đó, từ những cô tiếp viên đến các anh chị quản lý. Nhưng đó là một thế giới khác, và là một câu chuyện dài khác.

Trở lại vấn đề, trong bài này, tôi sẽ chỉ đề cập đến một số người, một số sự việc và suy nghĩ liên quan đến bán nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo*.

Hai người của tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo* mà chúng tôi được gặp đầu tiên là anh Trần Tuấn Mẫn và anh Nguyễn Văn Nhật. Chúng tôi đến tòa soạn được hai anh tiếp đãi rất ân cần và thân mật. Sau một ít câu chuyện, chúng tôi hẹn với anh Thanh Nguyên, người sáng lập và điều hành Nhà sách Văn Thành, kéo nhau ra một quán cà phê bên kia cầu Công Lý, một quán cà phê vườn dễ thương, trang trí đơn giản, và có một cái tên đẹp.

Anh Trần Tuấn Mẫn, Phó Tổng Biên tập Thường trực kiêm Thư ký tòa soạn bán nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo*,

là một người con của xứ Huế, nơi mà hình như “chất Phật” đã thấm vào hầu hết mọi tâm hồn, người gầy, tính tình mực thước, ít nói trong lần gặp đầu tiên. Sự thân tình của một người bạn, người anh nơi anh được bày tỏ một cách nhẹ nhàng. Cuộc đời của anh gắn liền với việc nghiên cứu và giáo dục Phật giáo. Anh có một đời sống cần mẫn, kiên trì trong việc dịch thuật, sáng tác và trao truyền kiến thức Phật giáo cho thế hệ sau anh, trong đó có nhiều vị tu sĩ. Tuy nhiên, tính khiêm cung, lòng cung kính và sự gắn gũi với chư Tăng của anh thể hiện rõ qua những câu chuyện và cách xưng hô.

Anh Nguyễn Văn Nhật, cũng là người thường trực của tòa soạn và thường viết những bài xã luận cho *Văn Hóa Phật Giáo*, là một người gốc Bắc, khiêm nhường nhưng cởi mở ngay trong lần gặp đầu tiên. Tôi được biết anh Nhật đã lớn lên trong môi trường phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên Phật tử trước năm 1975.

Sau đó chúng tôi gặp nhau một lần nữa, đầy thân tình, ở ngôi chùa thấy Nguyễn Thế Đăng đang trụ trì, một ngôi chùa nhỏ trên một khu đất khá rộng, yên tĩnh và còn hoang sơ ở An Phú Đông. Ở đây, chúng tôi lại hẹn gặp nhau năm tới.

Thấy Nguyễn Thế Đăng, một nhà sư bình dị, đơn giản, có thái độ sống thoáng, có thể nói là một cây viết thường xuyên và chủ lực của bán nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo*. Thấy là tác giả cuốn *Thực Tại Thiền* dưới bút danh Dương Đạo, trong đó đào sâu những vấn đề như thực tại, tu chứng, giải thoát, tự do... trong dòng lịch sử Thiền Việt Nam mà tôi rất tâm đắc. Thấy cũng là dịch giả của nhiều sách về Phật giáo Tây Tạng và tác giả của nhiều bài viết được đăng trên nhiều báo Phật giáo tiếng Việt giấy và mạng. Sự tin tưởng tuyệt đối của Thầy vào Tánh Phật nơi mọi người, cũng như tin tưởng rằng nền văn hóa Việt Nam cũng như Phật giáo Việt Nam đã phát triển trên nền tảng Tánh Phật đó, và xã hội Việt Nam sẽ tốt đẹp nếu đạo đức được xây dựng trên nền tảng Tánh Phật đó, được thể hiện qua nhiều bài viết cũng như cuộc sống của Thầy.

Riêng anh Nguyễn Văn Nhật và tôi còn gặp nhau uống cà phê thêm một lần trước khi tôi về lại Canada. Hóa ra có một số anh em có những mối liên hệ với tôi mà tôi muốn hỏi thăm lại cũng là những người có mối liên hệ với anh Nhật. Đó là các anh Nguyễn Văn Y, Mai Hoài Đức, Trần Quốc Thắng (mà anh Nhật cho biết nay đã là Huỳnh Quốc Thắng)... Tôi nói chuyện khá lâu qua điện thoại với Nguyễn Văn Y. Chúng tôi nhận ngay được sự cởi mở và thân tình dù sau hơn ba mươi năm mới gặp lại và chỉ gặp lại qua điện thoại. Mới biết những người con Phật dễ gần gũi và nhận ra nhau biết mấy. Tôi có hỏi thăm Nguyễn Văn Nhật về Huỳnh Quốc Thắng. Tôi hỏi Nhật rằng Thắng ngày xưa là người rất tình nghĩa, không biết bây giờ ra sao. Nhật trả lời: Đường như vẫn là một con người tình nghĩa. Tiếc không có cơ hội gặp trực tiếp những người quen biết ngày xưa. Trong buổi

gặp gỡ này, Nhật có nói với tôi một câu đầy thân tình, đại ý: Anh em mình quen biết và liên hệ với cùng một số người, có thể anh em mình cũng đã từng quen biết nhau từ những kiếp trước. Có thể lắm chứ. Nhân duyên thì trùng trùng, mà nhân duyên trong Phật giáo lại là loại nhân duyên kết nối, chia sẻ.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên với hai anh Mẫn và Nhật, chúng tôi được hai anh tặng mấy số báo *Văn Hóa Phật Giáo* mới. Một tờ báo có bìa đẹp và bên trong trình bày trang nhã. Lướt qua tờ báo, anh Nguyễn Tự Cường cũng tỏ vẻ ưng ý với cách trình bày, nội dung và khuôn khổ của các bài viết, và hứa giúp bài. Anh Nguyễn Tự Cường, có bút danh Như Hạnh, hiện là Associate Professor phân khoa Tôn giáo của Đại học George Mason, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ.

Nhìn chung về tình hình báo chí Phật giáo tiếng Việt trong nước và ngoài nước, bán nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo* có thể nói là một tờ báo đáng và nên được được giới Phật tử Việt Nam ủng hộ. Với tinh thần độc lập, nội dung phong phú, tươi tắn và gần gũi; với những bài viết liên quan đến Phật giáo và dân tộc về nhiều lãnh vực bên cạnh những bài phê bình xây dựng có lý có tình, *Văn Hóa Phật Giáo* có thể trở thành tiếng nói rộng lớn của giới trí thức Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, là nơi mà những người Phật tử có thể đóng góp và chia sẻ, góp phần vào việc duy trì và xây dựng một tầng lớp trí thức Phật tử cho Việt Nam.

Theo nhận xét của tôi, đối tượng mà nội dung *Văn Hóa Phật Giáo* đang hướng đến là tầng lớp quần chúng có học như học sinh, sinh viên, công tư chức, doanh nhân, văn nghệ sĩ.

Hướng nhắm này tôi nghĩ là thích hợp. Chúng ta đang cần một tầng lớp trí thức Phật giáo từ thấp đến cao để làm đẹp lại ngôi nhà Phật giáo cũng như xã hội.

Mề tìn dị đoan vẫn còn nhiều, học hiểu sai lạc về giáo pháp của Đức Phật vẫn còn nhiều, đạo đức xã hội trong lớp trẻ, kể cả lớp trẻ có học, vẫn còn nhiều điều cần được mổ xẻ.

Trong giai đoạn cởi mở hiện nay ở trong nước, với sự phát triển hầu như quá nhanh với những công trình xây dựng lớn, sách vở tràn lan, lễ hội nhộn nhịp, có thể Phật giáo Việt Nam đang như cầm trên tay con dao hai lưỡi. Con dao đó có thể dùng để giữa gọt mà cũng có thể làm chảy máu.

Và với cái đà hiện nay, đất nước rồi sẽ tiến đến một môi trường trăm hoa đua nở. Đó là môi trường thích hợp nhất cho đạo Phật, nhưng cũng là môi trường đòi hỏi nhiều phấn đấu.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng đang đứng trước những mũi tấn công tiêu cực từ nhiều phía, âm thầm cũng như công khai ngày càng tinh vi và mở rộng.

Do đó, ngoài các bậc cao tăng đức độ làm những ngọn đuốc, những ngọn hải đăng cho Phật tử cũng như xã hội, chúng ta còn rất cần những người Phật tử



có ảnh hưởng đến xã hội biết sử dụng thiện xảo con dao hai lưỡi kia, một tầng lớp trí thức Phật giáo theo kịp thời đại, khế lý khế cơ, để cùng các Thầy giữ vững con thuyền Phật giáo cũng như xã hội. Và tôi nghĩ bản nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo* có thể là một trong những phương tiện và chất xúc tác trong việc kết hợp và xây dựng tầng lớp Phật tử này.

Do đó ước vọng của chúng tôi mà có lẽ cũng là ước vọng của anh em trong ban điều hành *Văn Hóa Phật Giáo* và nhiều Phật tử khác là tờ báo được sự ủng hộ về tinh thần cũng như vật chất, bài vở, đóng góp ý kiến của mọi tầng lớp Phật tử để bổ khuyết những mặt yếu, duy trì và phát triển những mặt mạnh, làm cho tờ báo ngày càng là tiếng nói chung của người Phật tử Việt Nam trong cũng như ngoài nước.

Ngoài ra, có lẽ ít ai trong chúng ta không nhận thấy có những điều kiện khách quan gây phân hóa đang ảnh hưởng lên sự phát triển chung của đất nước và các cộng đồng trong nước cũng như ngoài nước. Những điều kiện khách quan đó một phần do hoàn cảnh lịch sử và một phần do sự lợi dụng hoàn cảnh lịch sử đó của một số cá nhân và tổ chức tạo sự chia rẽ, phân hóa trong chúng ta, gây sự hoang mang trong cộng đồng, xã hội vì những ý đồ riêng. Và giới cư sĩ chúng ta, do

có nhiều mối liên hệ khác nhau, rất dễ bị chi phối bởi những tác động từ bên ngoài đó.

Do đó tôi nghĩ đối thoại và chia sẻ là điều chúng ta đang cần. Chúng ta vốn đã có mẫu số chung và khi đối thoại chúng ta sẽ tìm thấy lại mẫu số chung đó. Trong lịch sử, mẫu số chung đó đã làm cho chúng ta là một, và hy vọng sẽ luôn luôn giữ cho chúng ta là một. Và tờ báo cũng là một phương tiện để đối thoại và chia sẻ.

Mong rằng *Văn Hóa Phật Giáo*, ngoài sự cố gắng của anh chị em trong ban điều hành và những người cộng sự, được sự quan tâm nhiều hơn của các tầng lớp Phật tử trong và ngoài nước.

Chúc anh chị em trong ban điều hành bản nguyệt san *Văn Hóa Phật Giáo* chân cứng đá mềm và Phật giáo Việt Nam có được một tầng lớp trí thức Phật tử đúng tầm, có tu có học, như đã từng có trong lịch sử của chúng ta.

(*) "... nhìn vào bất cứ một thành phố lớn nào, một người sẽ kinh ngạc với niềm tin của Belloc rằng các thành phố đều có một cái hồn. Người đó sẽ nhận ra rằng mỗi thành phố có một đặc tính riêng của nó, một căn cước, một tinh thần, và một dáng dấp tâm hồn chỉ thuộc về nó" (The soul of Paris). ■



Trung thu, gọi nhớ *những mùa trăng cũ*

TRÀ KIM LONG

Tôi đi giữa mùa Trung thu, chợt nhớ lại những mùa trăng cũ hồi còn ở quê nhà. Thuở còn đi học, quê tôi mừng đón Trung thu vô cùng đơn giản. Không có những chiếc bánh thơm ngon. Không có những chiếc lồng đèn khác biệt. Người lớn chẻ những thanh nan tre đan thành hình ngôi sao năm cánh, phất giấy ngũ sắc thô sơ để “tặng” cho con cháu. Và hình như chỉ có trẻ con mới cầm lồng đèn đi chơi thành từng đoàn, từng nhóm. Người lớn không thấy có cảnh uống trà thưởng bánh ngắm trăng. Đêm thôn quê, trăng bàng bạc trải vàng trên ngàn cây nội cỏ. Ánh lửa từ những chiếc lồng đèn chập chờn tỏa ra hòa lẫn với những tiếng hồn nhiên vui cười của đám trẻ con đã vỡ òa cả đêm vắng.

Khi đã có gia đình, tôi thay người xưa chẻ nan tre làm lồng đèn cho các con. Màu mè khung vàng khung đỏ cũng chỉ là giấy ngũ sắc, cũng chỉ là hình ngôi sao năm cánh. Thêm vào mấy đường chỉ ngang dọc, mấy túm tuột treo nơi các đầu cánh đã là đổi mới. Bánh Trung thu mua cho các con đơn thuần cũng chỉ là bánh ngọt rẻ tiền thường thấy.

Về già, tôi lại cặm cụi làm lồng đèn cho các cháu,

nhưng không phải theo “bổn cũ soạn lại”. Tôi đã cải tiến bằng cách dùng lon sữa bò kết hợp lại mà thành. Dùng dây kẽm cứng xuyên ngang qua hai đầu lon sữa bò, kết liền với một lon khác nằm dọc bên trên. Đầu dây kẽm buộc vào một thanh cây dài để nắm đẩy đi. Mỗi lần đẩy, chiếc lon bên dưới lăn tròn thì lon bên trên cũng quay theo tạo thành tiếng kêu lóc cốc nghe thật vui tai, đồng thời với ánh sáng phát ra từ ngọn đèn cây nhỏ xíu gắn bên trong, lung linh trông thật đẹp mắt. Các cháu tôi tha hồ đẩy lồng đèn đi chơi đêm Trung thu với bạn bè hàng xóm, không thấy đứa nào ao ước được có một chiếc lồng đèn thấp sáng bằng pin cả.

Sau này, tôi vào thành phố, các cháu tôi đứa lớn đã không còn ở lứa tuổi chơi lồng đèn, đứa nhỏ chắc cũng chẳng chịu với chiếc lồng đèn bằng nan tre đan ngôi sao năm cánh phất giấy gương màu, nói chi đến lồng đèn bằng hai chiếc lon sữa bò kết lại? Thời xưa ấy chắc chẳng ai còn nhớ tới!

Ở thành phố, năm nào tôi cũng được ăn bánh Trung thu. Những lần như thế, tôi không sao quên được những mùa Trung thu xưa cũ ở quê nhà. Đã bao nhiêu mùa Trung thu qua rồi tôi chưa có dịp về lại quê xưa! ■



Bảo tổ

trong mùa Vu lan

QUÁCH GIAO

Sáng ngày rằm tháng Bảy năm Canh Dần, cơn bão số 3 đã đổ bộ vào hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Mây trời đặc quánh, sóng biển cuộn cuộn dâng. Gió và mưa ào ạt tung hoành trên đất liền. Nhờ đã biết trước về cơn bão nên khi đối diện cảnh tượng hãi hùng, lòng con người tuy có sợ song vẫn tin tưởng vào sức sống và hy vọng vào đức tin.

Ba hôm trước, tuy đã có dự báo có thể có sự biến chuyển của đất trời, nhưng những người con Phật vẫn chuẩn bị ngày lễ hội Vu lan. Mùa Vu lan là mùa Báo hiếu. Phật tử hội tụ về chùa để tụng niệm cầu xin cho ông bà cha mẹ được siêu linh và thể hiện lòng biết ơn của con cháu. Lời kinh tiếng mõ như hòa nhịp tâm tình của những người con hiếu thảo, với tâm hồn từ ái, cùng quỳ gối dưới mái chùa tôn kính để tưởng niệm ông bà cha mẹ.

Hôm nay cơn bão số 3 đã dồn dập đổ ập vào hai tỉnh Thanh - Nghệ như muốn xóa bỏ đi ngày lễ thiêng liêng của hàng ngàn gia đình Phật tử.

Sau một ngày tàn phá, cơn bão cũng đã qua đi. Trong cảnh tượng điêu tàn, tiếng chuông chùa cũng lại ngân vang và những người con Phật tuy không đến được chùa nhưng cũng đã quỳ giữa cảnh hoang tàn để nhớ đến cha mẹ, để tin tưởng vào Phật pháp nhiệm mầu. Không có gì ngăn cản được đức tin, không một cơn bão tố nào xóa được lòng thành kính biết ơn cha mẹ, không một cơn sóng gió nào chia cách được sự giao hòa thông suốt giữa con người và tín ngưỡng.

Từ nơi phương xa mọi người con Phật đều hướng lòng về nơi bị tàn phá bởi thiên tai, để chia sẻ nỗi thương đau của hàng ngàn gia đình phải chịu đựng. Xưa kia Đức Đại hiếu Mục-kiến-liên Bồ-tát cần nhờ đến chư vị Phật tử trên thế gian đồng cầu nguyện cho nghiệp quả của mẫu thân được ân xá thì hôm nay ngày lễ Vu lan Báo hiếu chúng ta cũng đồng thành tâm cầu nguyện cho đồng bào chúng ta ở các nơi bị thiên tai bão tố được an lành.

Tại chùa Từ Tôn trên đảo Hòn Đỏ, mặc dù buổi sáng ngày rằm vì sóng to gió cả nên các đạo hữu không qua chùa làm lễ báo hiếu cha mẹ được; nhưng ngay buổi chiều hôm đó, nước cạn sóng êm, Phật tử đã lũ lượt sang chùa tham dự buổi lễ thả hoa đăng nguyện cầu nhớ ân cha mẹ.

Vì năm nay nước trên nguồn cuộn trôi phù sa xuống khiến nước biển không được trong xanh như mọi năm, nhưng những ánh đèn chập chờn trên sóng nước, những tấm lòng của những người con, người cháu hiếu thảo đứng ngưỡng vọng đến những người đã khuất vẫn làm cho lễ hội thả hoa đăng đầy ý nghĩa... Có những bông sen hồng trôi ra tận ngoài xa lấp lánh như tấm lòng của những người đang hạnh phúc, được sống nơi an toàn đang nhớ và gởi đến những gia đình nơi vừa bị thiên tai như cầu mong sự an lành. Cầu chúc cho nhau bình an, chia sẻ cùng nhau một lời nguyện cầu an lành, hạnh phúc thì lòng người con Phật đầm thắm, vui sướng hơn trong mùa Vu lan Báo hiếu này. ■

“alô”

Xin đừng lạm dụng

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Trên xe khách về quê mới rồi, tôi ngồi cạnh một chàng khá trẻ, làm chủ thầu xây dựng. Nghe những cuộc điện thoại của anh, bạn đồng hành biết đây đích thị là ông chủ.

Xe vừa rời bến, anh rút chiếc di động “cáu cáu” ra và bắt đầu chỉ đạo từ xa. Đầu tiên, anh nói với người trực tiếp tổ chức thi công công trình trường học nào đó về kích thước, các thông số kỹ thuật, tiến độ thi công, thứ tự công việc tiến hành... Người đối thoại cứ hỏi lại khiến ông chủ nổi cáu, xua tay, mặt sứt: “Sao mày chậm hiểu thế?!”, “Trời ạ, ngu thế là cùng!”. Tiếp đó anh ta chuyển giọng, vỗ về thuộc cấp, rằng hãy chú ý bảo vệ vật tư, phải bảo đảm an toàn lao động tuyệt đối; hạ hồi là lời hứa “cố gắng làm kịp tiến độ, cuối tuần cho nhậu chết bỏ!”.

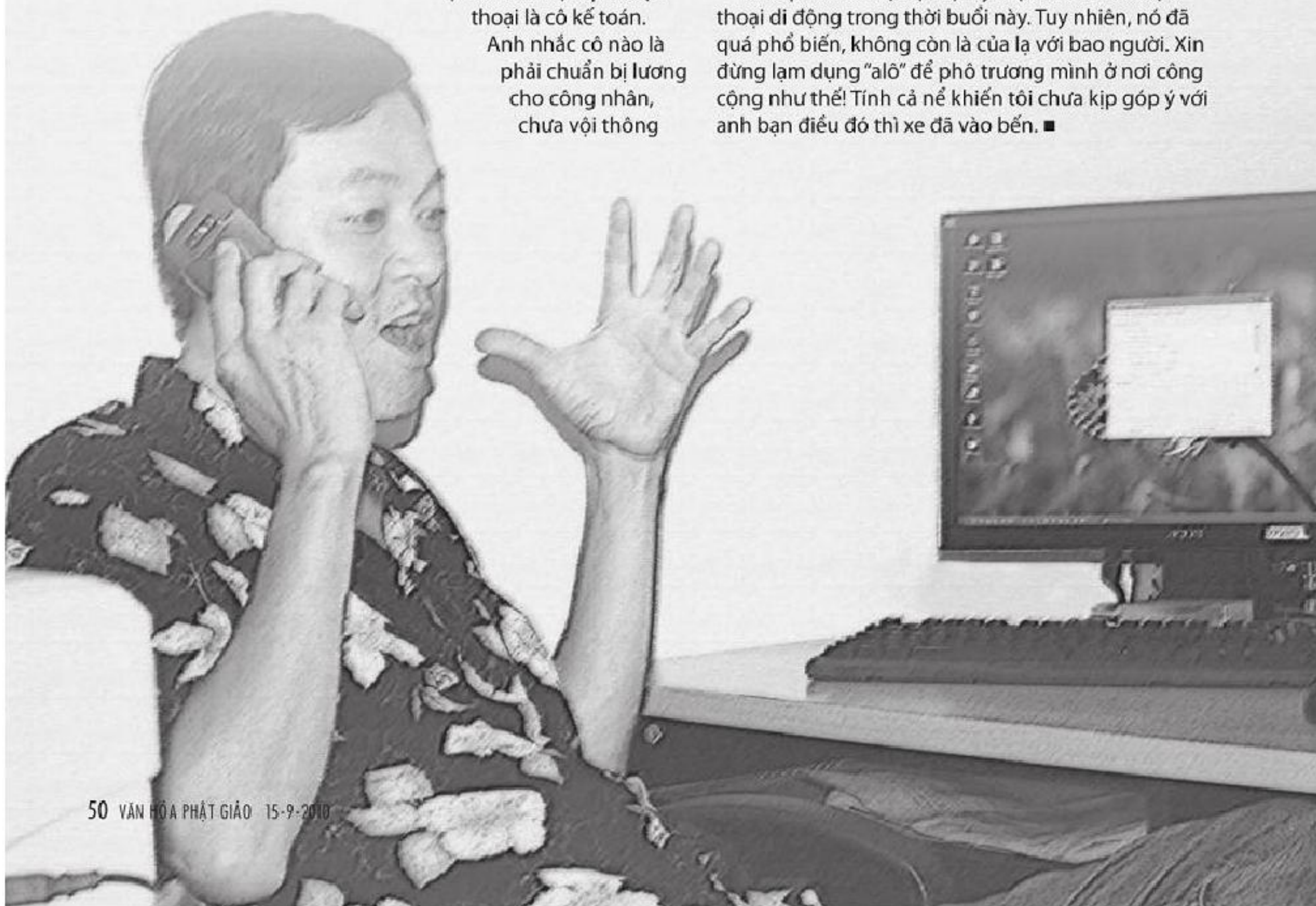
Người tiếp theo anh ta liên lạc để làm việc qua điện thoại là cô kế toán.

Anh nhắc cô nào là phải chuẩn bị lương cho công nhân, chưa vội thông

báo mức thưởng nhân ngày thành lập công ty, chuẩn bị hộ chiếu và vé máy bay để anh đi nước ngoài... Cuối cùng, anh kết nối liên lạc với chủ đầu tư. Anh trách bên A bảo đảm tiến nhỏ giọt, giải phóng mặt bằng tốc độ “rùa”; gây khó cho đối tác. Anh cao giọng, dọa tiến độ công trình sẽ bị chậm rất nhiều so với hiệp đồng. Hình như đầu máy bên kia cãi lại; sau một hồi đôi co, anh đỏ mặt, hùng hổ: “Tôi sẽ kiện các ông ra trọng tài kinh tế!” rồi cúp máy.

Trao đổi qua điện thoại nhưng anh chủ thầu cũng hươ tay chém gió, cũng lắc đầu nhún vai như đang diễn kiến nhau. Mặc hành khách lên xuống xe chộn rộn, anh vẫn thản nhiên thực hiện cuộc làm việc suốt dặm dài gần trăm cây số. Cứ như do quá mải việc, anh chẳng để ý những ánh mắt không thiện cảm dồn về phía mình cùng nụ cười mỉa của các bạn đồng hành.

Khỏi phải bàn sự tiện lợi kỳ diệu của chiếc điện thoại di động trong thời buổi này. Tuy nhiên, nó đã quá phổ biến, không còn là của lạ với bao người. Xin đừng lạm dụng “alô” để phô trương mình ở nơi công cộng như thế! Tính cả nể khiến tôi chưa kịp góp ý với anh bạn điều đó thì xe đã vào bến. ■





Giới đàn truyền đại giới cho Ni giới lần đầu tiên được tổ chức ở Tây bán cầu

Theo thông tin được tải vào lúc 20g00 ngày 1-9-2010 lên trang mạng Huffington Post, một trang mạng đặt cơ sở tại New York với những người viết bài như Barak Obama hay Hillary Clinton và được hàng triệu người truy cập mỗi tháng, một giới đàn truyền đại giới cho Ni chúng theo truyền thống Tông Lâm Nguyên Thủy Thái Lan đã được tổ chức vào ngày 29-8-2010 tại một tu viện hẻo lánh trên ngọn núi thuộc hạt Sonoma bang California. Giới tử gồm bốn vị Ni đã tinh cần tu tập dưới sự hướng dẫn của các vị giáo thọ cũng thuộc truyền thống Tông Lâm Nguyên Thủy Thái Lan. Đây là lần đầu tiên một giới đàn như vậy đã được tổ chức tại Tây bán cầu, được tạp chí *Tricycle* coi là một sự kiện lịch sử của Phật giáo Hoa Kỳ. Theo một nghi thức kéo dài nhiều

tiếng đồng hồ, các giới tử đã thỉnh cầu xin được thọ giới, được các vị tôn túc chấp nhận trao giới và chúc cho các giới tử giữ giới trọn vẹn; tiếp theo, các vị tôn Tỳ-kheo-ni lay tạ các bậc tôn túc, trong đó có 12 vị Trưởng lão Tỳ-kheo đến từ các tự viện và các trung tâm ẩn tu trên khắp nước Mỹ. Ngài Đại Trưởng lão Bhani Henepola Gunaratana đã ban pháp thoại. Theo giáo sư Sylvia Boorstein, một trong những người thành lập Trung tâm Thiền định Spirit Rock thuộc hạt Woodacre bang California, việc tổ chức đại giới đàn cho Ni chúng Hoa Kỳ không chỉ mang lại lợi ích cho phụ nữ mà còn có tác dụng đóng góp vào sự hài hòa của toàn thể loài người, vì việc này thể hiện một cơ hội chứng tỏ sự bình đẳng tuyệt đối giữa phụ nữ với nam giới.

(PV, tổng hợp từ *Tricycle* magazine, Huffington Post, blog, Buddhist Channel)

Khai giảng trường Mầm non Tịnh Nghiêm tỉnh Tiền Giang

Sáng ngày 4-9-2010, hơn 200 trẻ thuộc lớp tuổi mầm non có hoàn cảnh gia đình khó khăn cùng phụ huynh cư ngụ tại thành phố Mỹ Tho đã tham gia buổi lễ khai giảng năm học mới tại trường Mầm non Tịnh Nghiêm tọa lạc tại ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Đây là ngôi trường mầm non từ thiện, tổ chức nuôi dạy trẻ em hoàn toàn miễn phí, do Viện chủ chùa Tịnh Nghiêm thành phố Mỹ Tho sáng lập để tạo điều kiện chăm sóc các trẻ em không có

điều kiện đến trường như những trẻ em khác. Trung tâm Văn hóa Thiếu nhi Thành phố Mỹ Tho đã đóng góp một buổi trình diễn văn nghệ mang lại không khí sinh động cho buổi lễ khai giảng. Được biết, các bé đến trường trong những bộ đồng phục do các nhà mạnh thường quân tài trợ. (PV)



Khởi công trùng tu đại hùng bảo điện Tổ đình Bồ Đề

Chùa Bồ Đề, ở thôn Phú Viên, xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm, thành Thăng Long; nay là phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; còn được gọi là Chùa Thiên Sơn hay chùa Cổ Tích. Chùa được kiến tạo vào cuối đời Trần và có lẽ đã bị hủy hoại dưới thời Minh thuộc. Trong thời Lê trung hưng, chùa được trùng tu để rồi giữa thế kỷ thứ 18, chùa lại bị tàn phá vì loạn lạc. Vào năm Tự Đức thứ 27 (1874), Nhất Thiết Đại sư đến trụ trì và sửa sang để biến chùa trở thành một Tổ đình quan trọng của Phật giáo miền Bắc. Ngày nay, chùa đã lần lần được tôn tạo và hiện đang nuôi dạy một số trẻ mồ côi. Để có điều kiện thực hiện các hoạt



động phục vụ chúng sinh, chùa đã có kế hoạch trùng tu Đại hùng Bửu điện. Ngày 8-9-2010, lễ khởi công công trình trùng tu Đại hùng Bửu điện Tổ đình Bồ Đề được cử hành long trọng với sự có mặt của chư tôn Giáo phẩm thuộc Trung ương Giáo hội và Thành hội Hà Nội, cùng đồng đạo Tăng Ni và Phật tử thập phương. Với hạnh nguyện từ bi của vị trụ trì đương nhiệm, chắc chắn việc tôn tạo ngôi chùa sẽ mang lại lợi lạc cho những mảnh đời cơ nhỡ đang được nhà chùa bảo bọc. (PV)



Mượn và vui

TRẦN BỈ NGÂN

mượn thân từ bụi đất này
mượn hơi gió của một ngày đã qua
mượn sông, nước thuở chia xa
mượn tia nóng những mùa hoa mặt trời
mượn màu mưa nắng đổi thay
mượn trời đêm, ý tối lui không mùa
mượn lời núi ngủ giấc trưa
mở hư không mượn trò đùa không thân
viết dòng tiểu sử ngập ngừng
lên hư không của mười phương thiên hà
một mai trả lại, bao la
gửi phần hương giữa mùa hoa cuộc đời.

Giao mùa

TRẦN PHÚC HẬU

Những chiếc lá vàng rơi
Vườn cây khoác lên mình áo mới
Một màu xanh tươi sáng.

Giật mình

Đêm nằm mơ
Ngày thức tỉnh
Giật mình, đâu tỉnh đâu mơ?

Thắc thỏm

VŨ TRƯỜNG GIANG

Chúng ta từng nghe những lời tiên tri dội xuống
từ những ngọn núi thiêng trên quả địa cầu
bởi những bậc Giác Linh siêu phàm
rằng hãy sống bằng tâm thức của một người ngoan đạo

Thế nào là ngoan đạo khi chúng ta có nhiều đường để đi?
chân lí ở đâu khi ở đâu cũng là chân lí?

Những thắc mắc phiêu bạt theo nhiều số kiếp
hỏi và chờ trả lời cho đời sống gọi là *tu*

Tôi cũng thắc mắc và hỏi
nhưng không cần câu trả lời

Tôi ngồi trong bóng tối
một mình tôi
cô độc và tĩnh tại
giữ một định lực cân bằng
soi rọi những chân lí chôn sâu dưới lớp bụi tình vân
mấy thuở trạng ngời

Ân đức thiêng liêng

MINH MÃN

Kính lạy mười phương chư Phật
Kính lạy ba đời huyết thống
tâm linh,
Kính lạy mẹ cha bao đời quá
vãng.

Thu đã về - và mưa đã rơi!
Bao cuộc nổi trôi của đời người
như chiếc lá chao nghiêng
trong cơn gió lạ!

Nước mắt chan hòa tràn ngập
đại dương - khổ đau tràn đầy
như núi xương chồng chất!
Mồ hôi mẹ cha chan cơm từng
bữa; Để lớn khôn nên người,
con bước qua bao xương máu
chúng sanh!

Ôi, một lần tạ lỗi sao với
nghiệp chướng? Một mùa Thu
tàn sao lấp hết ngàn sao!
Thời gian trôi qua dầm sâu tội
lỗi, xin một lần dừng lại cho
lặng chết tâm hồn, giây phút đó
được hòa nhập với không gian
vô tận và thời gian vô cùng.
Để biết mình là tất cả, cảm
nhận được hồng ân và đạo
nghĩa, kiếp làm người mang
nặng lắm ân sâu!

Nhìn núi sông, ngắm trăng sao
mà điệu với đại dương nghiệp
quả! Bao trầm luân là bấy cuộc
tương phùng.

Hào quang Phật một lần xuất
hiện, xóa ưu phiền tàn cuộc
phiêu lưu.

Vâng, đã bao lần dạo chơi Tam
giới, đâu cũng là mẹ cha, mà
oan trái và nghĩa ân quyền hòa
làm quyến thuộc, - khổ đau nở
hoa trong sáu nẻo đi về.

Trong quá trình lưu đầy thân
phận, xa quê hương cố quốc
thanh nhàn. Vào nhà lửa mà
ngỡ chừng nhung lụa, cuộc chơi
tàn tràn ngập vô minh!

Nương nhờ ánh sáng Như Lai,
con quay lại khấu đầu lễ tạ!

Dâng lên Tam bảo ba đời, xin
đền đáp song đường muôn
kiếp. Cầu quyến thuộc ba đời
nhục thể, chuyển hóa nên
huyết thống tâm linh, để oan
nợ tiền khiên, chuyển thành ao
sen chín phẩm.

Vu Lan mùa Hiếu về, chúng
con xin cúng dường chúng sanh
vạn loại, những lời tán dương
chư Phật, làm món quà dâng
hiến mười phương.

Âm thanh thoát là tâm tâm hồn
thanh thoát

Lời từ bi là năng lượng từ bi!
Trùm khắp muôn loài, vô số
nghiệp đơm hoa Ưu đàm nở;
Mưa Thu rơi, sạch nghiệp ưu
phiền, biến tấu cung đàn rung
chuyển tầng không.

Bùn là sen, lửa là sen, tội lỗi,
thánh thiện làm chất liệu cho
sen nhuận sắc;

Đời là hoa, vạn loại là hoa; khổ
đau nào không là chất liệu yêu
thương, Thu tàn nở sen hồng
thanh tịnh; Lung linh bóng nước
- một đóa trắng rằm; Trần tục
là ta, Phật cũng là ta.



Vầng hào quang

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Anh mời em bữa ăn tối nay vì anh vừa mới bán được bức tranh với giá một ngàn đô Mỹ đấy!”

Cô và anh ấy quen biết nhau từ lúc còn là học trò của một lớp tiểu học trường làng. Trong giờ ra chơi, có khoảng chục cô bé, trong đó có cô, quây quần chung quanh một cậu bé vì trên tay cậu ta có bức tranh vẽ con rắn hổ phung mang trông hung tợn phát khiếp. Cậu bé ấy chính là anh, khi đó đã biểu lộ hoa tay biết vẽ vờ và miệng mồm khéo tuôn ra những lời phóng đại về bản thân. Cậu bé đã kể câu chuyện làm các cô bé há hốc mồm ra nghe:

“Lúc chơi trò chơi trốn tìm, tui khom mình chui vào lùm cây trống làm hàng rào nhà để trốn. Đang thu mình bên trong lùm cây, bất chợt tui thấy lạnh ở mu bàn chân. Ối trời ơi, một con rắn đen thui đang nằm ngo ngoe trên mu bàn chân của mình! Chắc chắn con rắn đó đã cắn tui rồi. Bị rắn độc cắn mà không cấp cứu kịp thời, nọc độc theo máu về tim sẽ làm co giật, sùi bọt mép, chết một cách thảm khốc. Tui hoảng hồn vùng mạnh chân để hất con rắn ra thật xa rồi chạy vào nhà. Về tới cửa nhà, tui vội vàng lôi trong túi quần ra một sợi dây thun, xoắn nó làm nhiều vòng, tròng vào bàn chân cho nó xiết chặt để máu có lẫn nọc độc từ chỗ rắn cắn không chạy về tim. Sau đó, tui chạy vô nhà bếp tìm con dao thật bén. Cấp cứu rắn độc cắn phải hút máu từ vết thương ra. Tui nghiêng răng cửa dao thật mạnh vào mu bàn chân...”

Nghe kể đến đây thì cô bé chính là cô bật khóc nức nở. Cô khóc vì trong suốt thời gian cậu bé kể chuyện, mắt cậu chỉ nhìn vào cô và những lời kể hình như chỉ dành riêng cho cô. Chuyện có vẻ thật đến độ cô có cảm tưởng chính cô đã cầm dao bén cửa mạnh vào bàn chân mình và đau đớn khôn tả.

Có lẽ hai người không cảm thấy thân hơn nếu như sau đó cô bé không tìm lại cậu bé để hỏi cho ra lẽ tại sao con rắn nằm trên mu bàn chân của một đứa trẻ giỏi lắm cỡ con trùn đất lại biến thành rắn hổ phung

mang hung tợn trong bức tranh. Cậu bé là anh lại có dịp cho trí tưởng tượng bay cao:

“Đó là con rắn trun hai đầu. Bạn không nghe kể đó là loại rắn ghê gớm nhất, đầu nào của nó cũng cắn được mà chỉ cần bị nó cắn một phát là chết thảm hay sao? Sách chỉ vẽ hình rắn hổ mang cho nên mình vẽ theo sách để tăng phần rùng rợn. À, mà bạn thấy tranh vẽ của mình như thế nào? Mình tặng cho bạn nha”.

Cô còn nhớ rõ bức tranh vẽ rắn có ký tên của anh. Chữ ký khi đó trẻ thơ vụng về nhưng bao quanh nó có viền và tô bóng giống như phát ra hào quang. Trong đầu óc ngây thơ của cô lúc bấy giờ, cô cũng cảm nhận được vầng hào quang thông qua câu chuyện kể về sự can đảm cửa dao bén lên mu bàn chân nhằm tạo ấn tượng ở cô. Rồi hai đứa đã chia tay vì gia đình cô bé chuyển lên ở thành phố.

Khoảng hơn chục năm sau, hai đứa học trò ngày nào trở thành hai cô cậu sinh viên và có dịp gặp lại nhau vào năm học cuối bậc đại học. Một hôm, cô và đám cô gái nữa quây quần chung quanh anh để chiêm ngưỡng bức tranh biếm họa mà anh khoe đã vẽ và sẽ gửi đăng báo. Tranh đặc tả một cô gái tiếp thị bia cổ rót bia vào mồm khách hàng. Khi vẽ, anh đã dồn tất cả sự hân học vào hình vẽ cô gái. Thực tế anh đã chứng kiến một cô gái tiếp thị bia làm rách lòng khách vì không chiếu ý là lời quá đáng. Thay vì giận người khách có mồi say xỉn, anh lại trút giận vào cô gái mà anh nghĩ là làm tiếp thị vì tiền. Bức tranh cũng được điểm xuyết bằng chữ ký tủa ánh hào quang. Đang xem, một cô trong đám bạn gái chợt bật khóc nức nở và vùng bỏ chạy. Cô bạn từ thời thơ ấu buột miệng nói với anh: “Bạn ấy đi tiếp thị bia vào ban đêm để có tiền ăn học đấy!”. Chính sự hân học khiến tranh biếm họa anh vẽ làm cho người ta khóc hơn là cười.

Một năm đại học trôi qua cũng là lúc cô tặng anh bức tranh phiên bản Mona Lisa xinh đẹp với nụ cười bí hiểm. Anh đã nói với cô:

“Anh biết ý em rồi. Em không thể cảm để yêu thích



tranh biếm họa của anh. Để gây cười, biếm họa phải bóp méo, phóng đại; trong khi phụ nữ với bản chất là cái đẹp chân phương, hoàn chỉnh thì làm sao cười được với sự méo mó. À, mà có mấy ai nhớ đến tên họa sĩ biếm trên thế giới trong khi ai ai cũng biết và ngưỡng mộ Leonardo da Vinci, Van Gogh, Picasso, những họa sĩ hội họa chính thống! Cũng may mà chưa có báo nào đăng tranh biếm họa của anh. Thôi được, anh quyết định sẽ áp dụng kỹ thuật vẽ sơn dầu để trở thành họa sĩ nổi tiếng...”

Sau khi tốt nghiệp đại học, hai người chia tay một thời gian rồi lại gặp nhau. Đó cũng là lúc anh báo cho cô biết anh đã bán bức tranh sơn dầu đầu tiên vẽ rất công phu. Bức tranh đó cô đã có dịp chiêm ngưỡng trước đây và sau đó được anh sửa đi sửa lại nhiều lần. Tranh vẽ chân dung một cô gái với dáng dấp khá giống cô. Đặc biệt, chiếc mũi thanh tú dọc dừa nhìn vào đúng là của cô rồi! Trong tranh vẫn có chữ ký được vẽ viên và tô bóng như phóng ra hào quang. “Anh được một nhà phê bình nghệ thuật nước ngoài mua với giá một ngàn đô Mỹ đấy!”. Cô trở mắt nhìn anh và có cảm tưởng hào quang toát ra từ con người anh thật.

Quán ăn thuộc loại bình dân và thực khách phần đông là dân nhậu. Niềm vui bán được tranh làm cho cô quá phấn khởi; cô không giữ ý tứ nữa và cụng bia với anh. Hơi men bưng bưng làm cho niềm vui được

nhân lên nhưng cũng làm cho người uống bia mắc đi tiểu. Hết anh rồi đến cô phải đi vào phòng vệ sinh. Bước vào phòng vệ sinh, cô trở mắt nhìn lên bức tường hoen ố có treo bức tranh. Cô nhớ có lần đi dự hội nghị ở một khách sạn năm sao và đã nhìn ngắm các bức tranh được treo trang trí trong phòng vệ sinh nhộp nhúa của quán nhậu này mà là vì bức tranh treo trên tường kia chính là của anh với giá anh bảo là được mua đến một ngàn đô Mỹ! Kìa, vẫn với chữ ký có vầng hào quang bao quanh.

Trước đó dăm phút, anh đã suy nghĩ rất nhiều và dự tính khi cô trở lại sẽ nói những lời sau đây:

“Anh đã đọc đâu đấy câu chữ này: ‘Người ta chỉ thực sự sống trong tình yêu với chính con người thật của mình’. Bấy lâu nay, anh đã cố tạo ra vầng hào quang chung quanh anh những tưởng để được em yêu, yêu nhiều hơn. Anh mời em đến quán ăn này để em thấy vầng hào quang đó không có thật để rồi tùy em...”

Cô đã trở lại bàn, ngồi xuống, nhìn anh một lúc rồi nói với giọng nửa đùa nửa thật:

“Em cần thú thật với anh. Mũi của em không thật, nó đã được sửa theo kiểu Hàn Quốc với giá năm trăm đô Mỹ đấy!”. ■

Hương Thiên Ngàn Năm

Kinh dâng một nén hương lòng

TRẦN QUÊ HƯƠNG

LTS: Như một lễ vật để tưởng nhớ công đức tiền nhân đã đặt nền móng cho văn hiến Đại Việt nhân dịp mừng Thăng Long – Hà Nội ngàn năm tuổi, nhà thơ Trần Quê Hương, một vị tôn đức trong hàng lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã thực hiện tập thơ Hương Thiên Ngàn Năm, chuyển thành thơ lục bát 120 tác phẩm của các vị tổ sư, thiền sư thời Lý-Trần. Lời trân tình cuối sách của nhà thơ chân thành và đầy xúc động, Văn Hóa Phật Giáo xin được trích đăng để giới thiệu cùng quý độc giả.

Văn Hóa Phật Giáo

Từ thời khắc giao thừa năm Canh Dần 2010, ý niệm về đại vận đất nước 1.000 năm kể từ lúc vua Lý Thái Tổ có quyết định dời kinh đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) vì “*mưu kế cho con cháu muôn đời*” đã thực sự gây xúc động trong tôi về một dấu ấn vô cùng thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu.

Là một tu sĩ tu tập theo hệ phái Khất sĩ trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ý nghĩa của sự kiện lịch sử vô cùng trọng đại một ngàn năm trước thực sự tác động vào tâm tư tôi, bởi lẽ, ai cũng biết rằng vua Lý Công Uẩn là người xuất thân từ cửa thiền’ và việc chọn đất mới làm kinh đô của nhà vua có sự cố vấn của Thiền sư Vạn Hạnh (? – 1018), thuộc thế hệ thứ 12 dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Trải qua một giai đoạn đất nước phân ly, chiến tranh rồi lại được sống trọn vẹn trong thời bình, đất nước thống nhất, bản thân tôi đã được nhiều cảm nghiệm về nỗi lo lắng, khắc khoải trong thời chiến, cũng như niềm vui của sự thống nhất đất nước, nỗi gian lao kiến tạo hòa bình, xây dựng đất nước phát triển. Mỗi giai đoạn lịch sử đều để lại cho con người những cảm nhận dịu ngọt lẫn đắng cay, nhưng nổi bật và trường cửu chính là sự vững chãi không lay

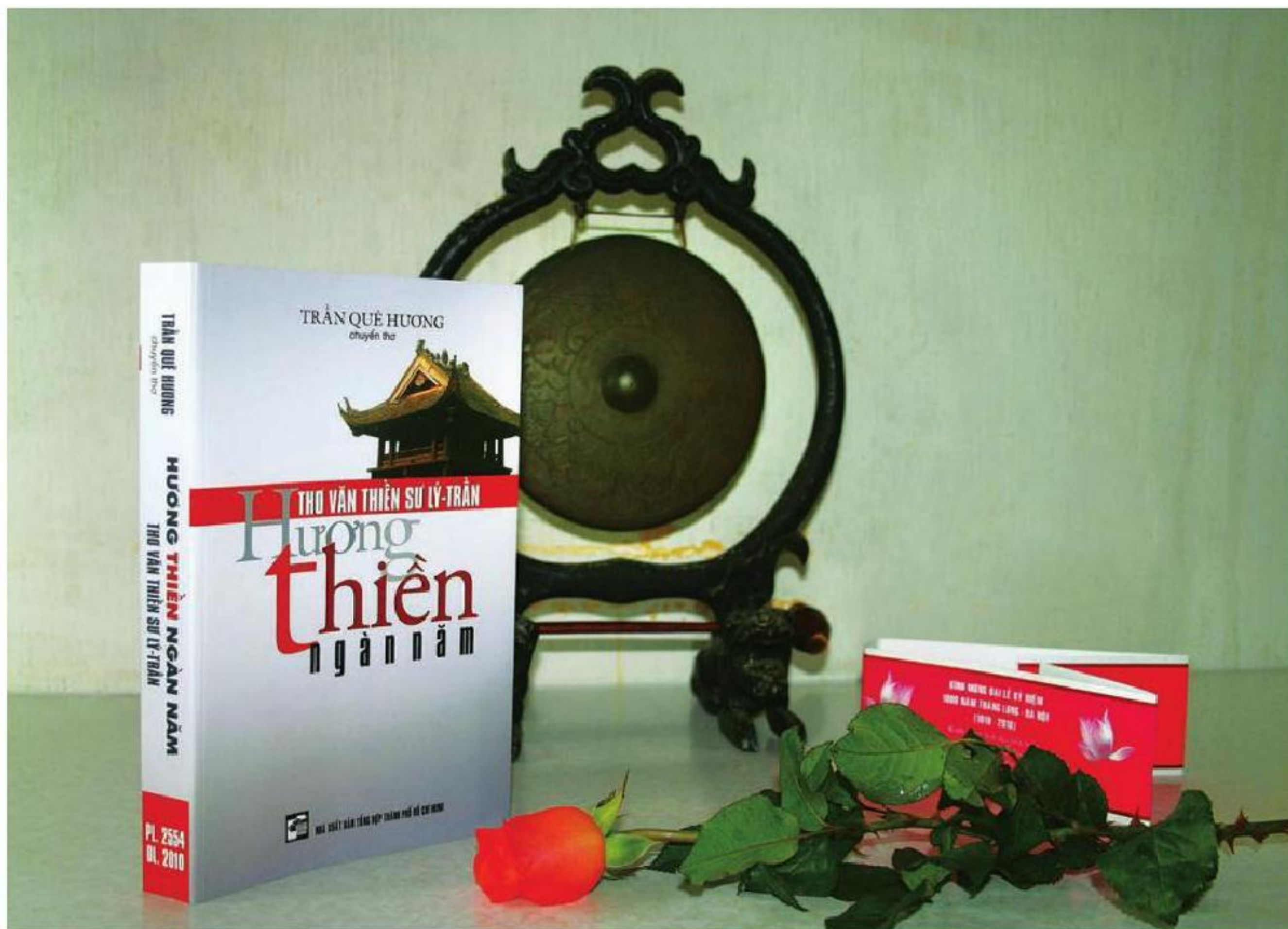
động của tâm thức, sự sáng suốt cởi mở của trí tuệ, lòng bao dung của con người.

Từ những cảm nghiệm trên, trong tôi nảy sinh tâm nguyện muốn làm một việc gì đó trong khả năng để bày tỏ tấm lòng tri ân non sông, đất nước, tiền nhân, chư vị tổ sư, thiền sư đã hiện hữu, gần bó và tích cực dẫn thân trong tinh thần “*ưng vô sở trụ*” để bồi đắp cho nền tảng mối tương quan mật thiết Đạo pháp – Dân tộc bền vững trong hơn một ngàn năm qua.

Cáo thơ lần giở, đọc lại lịch sử nước nhà, rồi tìm đọc các nghiên cứu công phu về văn học, thiền học của nhiều tác giả, chư tôn đức thiền đức đã công bố lâu nay, hành trạng xuất xứ, đặc biệt là những cảm hứng sáng tạo thi ca của các thiền sư thời Lý – Trần đã thực sự là một niềm cảm xúc sâu xa trong tôi.

Văn bản các tác phẩm của các thiền sư đều được ghi lại bằng chữ Hán, một ít bằng chữ Nôm. Hàng đêm, sau những thời tham thiền, tôi tự vấn lòng mình, về phương diện ngôn ngữ, làm sao để có thể lãnh hội ý chỉ của tiền nhân qua tác phẩm của các ngài để lại?

Tâm nguyện phải làm một việc gì đó để tỏ lòng tri ân tổ tiên nhân Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội vẫn mãi thôi thúc trong tôi. Tôi thẩm nghĩ, lễ vật cốt



ở lòng thành, nên luôn cầu nguyện tâm bi mẫn của chư vị thiền sư tiền hiền gia hộ cho kẻ con cháu nhỏ bé hậu sinh này lãnh ngộ được tư tưởng của quý ngài. Và cứ thế, trong lặng lẽ, tôi đã đọc đi đọc lại, đối chiếu so sánh các bản dịch những bài thơ văn do các bậc tôn túc, các thế hệ trước đã dịch, lưu lại của quý ngài: Mật Thể, Nguyễn Lang, Thanh Từ, Thanh Kiểm... Ngô Tất Tố, Nguyễn Đức Vân, Nam Trân, Đào Phương Bình, Lê Mạnh Thát, Huệ Chi, Bằng Thanh..., để rồi như một thăng hoa tư tưởng, tự nhiên, một sự rung động mãnh liệt và có vẻ như là một sự huyền linh.

Trong tôi, những vần thơ lục bát như suối nguồn trào dâng. Tôi cảm nhận như có sự gia lực của tổ tiên, tổ phong, tổ sư, chư vị thiền sư cảm ứng tâm nguyện và chứng minh, hộ độ cho tôi.

Cứ thế, từ tháng Giêng năm Canh Dần đến nay, từng câu lục bát, từng bài thơ tích tụ, như suối chảy đầy hồ, tập *Hương Thiền Ngàn Năm* hiện hữu. Tôi khởi đầu chuyển thơ sang thể lục bát bài thi kệ của Thiền sư La Quý (852-936) và kết thúc bằng những tác phẩm của Thiền sư Huyền Quang (1254-1334). Tuy chưa đầy đủ, nhưng nhân duyên, ở đây chỉ chọn 120 tác phẩm (thi kệ, phú, tản văn) của 37 thiền sư (32 vị đời Lý và 5 vị đời Trần).

Tự biết sức học kém cỏi, dù cố gắng nhưng không thể nào diễn đạt được hết thâm nghĩa vi diệu và uyên áo, những cảm hứng siêu thoát trong các tác phẩm của chư vị tổ sư, thiền sư. Trong phần chuyển thơ lục bát, chắc chắn sẽ không tránh ít nhiều nhầm lẫn. Từ sâu trong lòng mình, tôi rất mong được nhận sự thương xót, hỷ xả và đặc biệt là sự chỉ giáo của các bậc cao minh.

Tôi nghĩ, tác phẩm văn học của tiền nhân, các vị thiền sư, là di sản tinh thần vô giá ẩn chứa nhiều tư tưởng, trí tuệ siêu việt của một thời đại của dân tộc. Việc gìn giữ, nghiên cứu, khơi lại dấu tích tinh hoa của các bậc tiền hiền là một việc làm đem lại niềm hạnh phúc vô vàn cho hậu thế. *Hương Thiền Ngàn Năm* được thực hiện trong niềm hạnh phúc đó, và như một nén hương lòng, kính dâng non sông đất nước, dâng lên chư vị tiền hiền đã dày công kiến tạo nên nền văn hiến của đất nước nhân Đại lễ kỷ niệm ngàn năm Thăng Long – Hà Nội.

*Ngàn năm hương sắc sen thiêng
Ngàn năm con cháu thơ hiền kính dâng
Tấm lòng bày tỏ niệm ân
Thơ Thiền một thuở... lâng lâng muôn đời. ■*



Ảnh: Thế Phong

Hòa điệu vọng niên

CHU ĐĂNG GIANG

Ở trung tâm thành phố, hơn bốn năm nay, hình ảnh một ông lão râu tóc bạc phơ, ăn mặc tuềnh toàng nhưng đầy nét lãng mạn, đầu đội một chiếc nón vành rộng chóp cao, khi thì kéo vĩ cầm (*violon*), khi thì gảy măng côm (*mandoline*), lúc lại tấu khẩu cầm (*harmonica*) với phong thái hết sức nghệ sĩ, đã trở nên quen thuộc với những ai thường qua lại khu vực Công viên 30 tháng Tư bên hông nhà thờ Đức Bà. Tính cách hồn nhiên của ông lão đã ban đầu thu hút sự chú ý và lâu dần gây được sự đồng cảm ở nhiều người, đặc biệt là các bạn trẻ. Đã có những người mang đàn ra *hợp diễn* với ông lão; và cũng đã quy tụ một tập hợp những người thưởng thức đủ để ông lão thành lập một thứ gọi là *câu lạc bộ*. ... *Ngàn Sao*. Có người gọi ông là *lão nghệ sĩ đường phố*. Giới truyền thông thành phố nhanh chóng ghi nhận hiện tượng *văn hóa đường phố* độc đáo này. Và trong những đợt tìm hiểu đầu tiên để làm phóng sự về người nghệ sĩ đường phố ấy, đã có mặt nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Thế Phong, phóng viên ảnh của Báo *Yêu Trẻ*.

Xuất thân cơ cực, hơn chục năm qua, Trần Thế Phong đã xác lập một vị trí nhất định trong làng nhiếp ảnh với các giải thưởng cả trong nước lẫn quốc tế; hơn thế, nhà nghệ sĩ này còn được công chúng chú ý qua cuộc triển lãm ảnh tốc hành về *cơn bão Chanchu* năm 2006 và cuộc triển lãm ảnh với chủ đề *Những nẻo đường tuổi thơ* năm 2008; trong đó, cuộc triển lãm ảnh về cơn bão *Chanchu* đã đóng góp không ít cho những nạn nhân của cơn bão.

Có lẽ xuất phát từ những suy nghĩ của thân phận sớm phải tự lực mưu sinh trên đường phố rồi cố gắng vươn lên thành người cầm máy ảnh chuyên nghiệp, Trần Thế Phong đã hướng ống kính máy ảnh vào những góc nhìn đúng, thể hiện rõ nét tính cách của người lão nghệ sĩ đường phố; cho nên, khi nhận được những tấm ảnh do Trần Thế Phong chụp, lão nghệ sĩ Tạ Trí Hải – vâng, ông lão nghệ sĩ đường phố nói trên chính là Tạ Trí Hải, từng là chuyên viên của Tổng cục Cao su Miền Nam – đã có thể nhận ra người chụp ảnh có cùng với mình ít nhiều *thanh, khí*. Tình bạn vọng niên của họ nảy nở từ đây.



Lão nghệ sĩ Tạ Trí Hải đã ở độ thất tuần. Ông vẫn sống một mình trong khu gia cư của Tổng cục Cao su Miền Nam trên đường Nguyễn Huệ, quận Nhất. Hàng ngày, ông đạp xe chở nhạc cụ ra công viên để gieo rắc niềm vui cho người đồng cảm. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Thế Phong năm nay bốn mươi một tuổi, tuy đã có gia đình mà vẫn tiếp tục cuộc sống lang du. Hầu như quanh năm với chiếc khăn rằn vắt vai, Phong mang máy ảnh đi khắp mọi nẻo đường đất nước tìm ảnh đẹp kết hợp với các hoạt động từ thiện. Gặp nhau, hai người lập tức trở thành đôi bạn một già một trẻ. Nhiều lần, Trần Thế Phong đã cùng Tạ Trí Hải rong ruổi trên các *nẻo đường từ thiện*, để rồi Phong ghi lại được hàng trăm bức ảnh về người bạn vong niên độc đáo của mình.

Khi được biết lão nghệ sĩ Tạ Trí Hải sẽ rời Sài Gòn ra Hà Nội vào ngày 28-8-2010, Trần Thế Phong muốn tạo cho người bạn già của mình một bất ngờ. Chỉ năm ngày cũng đủ để Trần Thế Phong chuẩn bị và thực hiện xong một cuộc triển lãm với chủ đề *Nghệ sĩ đường phố Tạ Trí Hải* trình bày 60 tấm ảnh chụp về một nhân vật, một thể loại nhiếp ảnh khá đặc biệt và có thể coi là lần đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam. Lại nữa, cuộc triển lãm được khai mạc đúng dịp sinh nhật lần thứ 70 của lão nghệ sĩ, ngày 26-8-2010.

Cuộc triển lãm diễn ra tại *Cà phê Ami* nằm ngay trước Khu du lịch Văn Thánh, quận Bình Thạnh, trong một không gian thanh lịch. Các bức ảnh có kích thước

khác nhau và đều được cẩn thận đặt trong khung kính. Ngoài 55 bức được treo trang trọng trong khán phòng, có 5 bức ảnh đã được cố ý đặt tùy tiện bên ngoài để tạo nên một điểm nhấn. Mãi 19 giờ mới khai mạc mà trong khán phòng đã có khoảng sáu bảy chục người, cả khách Việt lẫn khách ngoại quốc, chăm chú xem ảnh. Hiện diện trong buổi khai mạc cũng có một số nhân vật trong giới truyền thông. Những điều đó khiến người nghệ sĩ già xúc động. Ông cho biết đây là lần đầu tiên ông được mừng sinh nhật của chính mình, mà buổi tiệc sinh nhật lại được tổ chức với một món quà tặng thực sự là vô giá.

Đối với những người chụp ảnh chuyên nghiệp, vấn đề kỹ thuật không còn là cơ sở để xác định giá trị ảnh. Để đánh giá, người ta phải dựa vào nội dung của chúng. Ở đây, mặc dù chỉ thể hiện một con người, mỗi tấm ảnh nói lên một cảnh đời, có chỗ mâu thuẫn đối nghịch, có chỗ hòa hợp; và toàn bộ cuộc triển lãm thể hiện được cái tâm, tâm người bấm máy và tâm nhân vật trong ảnh. Có lẽ đó là một lý do tạo nên tiếng vang của cuộc triển lãm này. Qua những cuộc triển lãm đã thực hiện, Trần Thế Phong cho thấy khuynh hướng của một photo essayist (tạm dịch *người viết tùy bút bằng hình ảnh*). Chúng ta hy vọng Trần Thế Phong sẽ còn có những bộ ảnh đủ lay động lòng người về những chủ đề mà xã hội quan tâm, điều mà nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh này đã phấn náo đạt được trong các cuộc triển lãm trước. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Đó là một đoạn đường ngắn chưa đầy trăm thước nằm lọt trong khu dân cư khu vực 3, tổ dân phố 6, phường An Hòa, thành phố Huế; nhưng nếu nói ngoa một chút, nó là một đoạn đường huyết mạch, vì sau khi đổ ra đường Nguyễn Lâm thì có lối ra đường Nguyễn Văn Linh để đến UBND phường và chợ An Hòa, có lối ra đường Đặng Tất để đến trường cấp hai Nguyễn Cư Trinh, đầu kia lại có lối tắt đi ra phường Hương Sơ ở phía Bắc. Thế nhưng từ lâu, đó là một đoạn đường dốc ngược; cứ đến mùa mưa là lại bị xói lở, gây khó khăn cho việc đi lại. Có thấy học sinh Trường Tiểu học An Hòa nghiêng người leo dốc lúc đi rồi lại khom lưng tuột dốc lúc về mới tội nghiệp đám trẻ. Chưa kể các bà các chị đi chợ hay những người đi xe đạp, chạy xích lô cứ phải gò lưng hớn hén leo dốc. Chẳng biết ai đã chủ trương đắp lại đoạn đường này. Vào một buổi chiều, trời vừa tắt nắng, đã thấy một người công nhân trung niên đẩy một chiếc xe cút kít chở vật liệu, đi theo là mấy anh bộ đội và một toán thanh niên năng nổ trong xóm, người nào cũng trang bị cả xẻng cuốc lẫn búa chèo; cũng có hai người ra vẻ kỹ thuật viên chỉ đạo thi công. Sau khi tập kết xi măng, gạch, cát, đá xong, toán người bắt đầu đào đắp, rải đá lót nền, rồi trộn bê tông và trải bê tông lấp mặt đường. Nghe nói, vật liệu là do một vị “mạnh thường quân” trong tổ dân phố cung cấp. Các bà các chị có nhà ở hai bên đường thay nhau mang nước và thức ăn ra mời những người công nhân không chuyên. Sau nhiều giờ lao động vất vả – họ làm việc đến gần hết đêm – mặt đường đã được đắp lại phẳng phiu và quan trọng nhất là không còn dốc ngược như trước. Đoạn đường được cải tạo có độ dốc vừa phải, thuận tiện cho cư dân trong xóm cũng như những người có việc phải đi qua xóm. Việc đắp lại một đoạn đường tuy ngắn, nhưng công việc đậm tình làng nghĩa xóm. Ngày nay, đi lại trên con đường bằng phẳng, cư dân trong khu vực ấy tuy không nói ra nhưng ai cũng thầm cảm ơn người cung cấp vật liệu và những người đã tham gia vào buổi tối lao động đáng nhớ ấy.

Đặng Văn Đông, An Hòa, thành phố Huế

Tôi có tật làm biếng, lại lơ đãng. Di chuyển bằng một chiếc xe Cub cũ kỹ nhưng máy còn tốt, tôi ý y xe chẳng ai thêm lấy cấp nên mỗi khi rời xe, tôi chỉ lấy chân trái đạp chiếc cần chống nghiêng xuống rồi bước xe. Khi trở lại lấy xe, tôi cũng leo ngay lên xe, vừa nhấn nút khởi động máy, vừa lấy chân trái gạt cần chống nghiêng lên, thế là chạy. Rất tiếc, tôi thường quên động tác gạt cần chống nghiêng lên. Không biết bao nhiêu lần, tôi đã được những người đi đường tốt bụng nhắc nhở, “gạt cần chống lên đi chứ” hoặc “coi chừng cái cần chống nghe bác”. Hơn nữa, tôi đã ba lần bị ngã khi quẹo trái sát lề mà cần chống nghiêng xuống lề đường. Một buổi sáng cách đây gần nửa năm, tôi ngồi uống cà phê bên bờ kênh Nhiều Lộc, cạnh đó là một quán điểm tâm chay. Tôi dựng xe theo thói quen. Khi ra lấy xe, tôi cũng quên gạt cần chống nghiêng theo tập quán. Một em bé chừng sáu bảy tuổi, có lẽ đi ăn sáng với mẹ và hai mẹ con cũng ra lấy xe sau khi dùng điểm tâm xong, gọi giật tôi lại, “Ông ơi, ông để cần chống xe như vậy mà chạy xe thì nguy hiểm lắm.” Tôi giật mình quay lại. Mẹ của cháu bé, cũng còn trẻ, vội vàng xin lỗi tôi và máng cháu bé về tội vô lễ với người lớn. Tôi hết sức thẹn, vì mình mà đứa bé có lòng tốt bị mẹ máng, vội bảo, “Không đâu, tôi phải cảm ơn cháu bé đấy chứ, cháu không có lỗi gì cả”. Và tôi nói lời cảm ơn với cháu bé.

Từ hôm ấy, tôi tự dặn lòng, dứt khoát không để ai phải nhắc mình về cái cần chống xe nữa, bằng cách luôn luôn dựng xe bằng cần chống đứng. Hôm ấy, tôi mới chỉ cảm ơn cháu bé về việc cháu nhắc tôi gạt cần chống lên ngay tại chỗ. Nay, tôi phải cảm ơn cháu vì nhờ cháu mà tôi đã hình thành được một thói quen tốt.

**Nguyễn Đức Tâm,
Phủ Nhượng, TP. HCM**

Canh chua bông so đũa

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

So đũa là loại hoa nhiệt đới, trồng nhiều ở miền Nam. Có hai loại bông so đũa màu trắng và màu đỏ, đều ăn được. Trên đầu mỗi bông so đũa đều có một cái hộc nhỏ để chứa một chút mật có vị đắng. Nhờ vậy mà khi dùng bông so đũa để nấu canh chua hay xào thì vừa giòn vừa có vị ngọt vừa nhẫn đắng rất ngon.

Nguyên liệu:

Bông so đũa: 100gr
Đậu hũ: 1 bìa
Nấm rơm tươi: 100gr
Cà chua: 1 quả
Thơm: 50gr
Đậu bắp: 3 quả
Bạc hà: 1 khúc
Ớt đỏ: 1 trái
Me chua: 1 muỗng canh
Thân boa-rô: 1 khúc
Rau nôm: rau ôm, ngò gai
Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Bông so đũa: rút bỏ nhụy, rửa sạch
- Me chua: ngâm nước ấm một lúc, lọc lấy nước chua
- Đậu hũ: chiên vàng, cắt lát
- Nấm rơm tươi: ngâm muối một

lúc, gọt chân, rửa sạch, chẻ đôi

- Ướp đậu hũ, nấm với boa-rô cắt nhỏ và gia vị
- Cà chua: cắt múi
- Thơm: bỏ cùi, cắt miếng
- Bạc hà: tước vỏ, cắt xéo
- Đậu bắp: cắt bỏ đầu đuôi, cắt xéo.

Bắc nồi với một muỗng súp dầu ăn lên bếp cho nóng, bỏ nấm và đậu hũ đã ướp gia vị vào xào cho thơm. Đổ nước me chua vào và thêm nước cho đủ dùng. Nấu sôi, lần lượt cho đậu bắp, bạc hà, thơm, cà chua, bông so đũa vào. Canh sôi lại, dùng đũa ấn chìm bông so đũa xuống. Nhấc xuống, nêm nếm lại để canh có vị chua - ngọt đặc trưng của vị canh chua. Múc ra tô cho ớt đỏ cắt lát, rau ôm, ngò gai xắt nhỏ lên mặt.

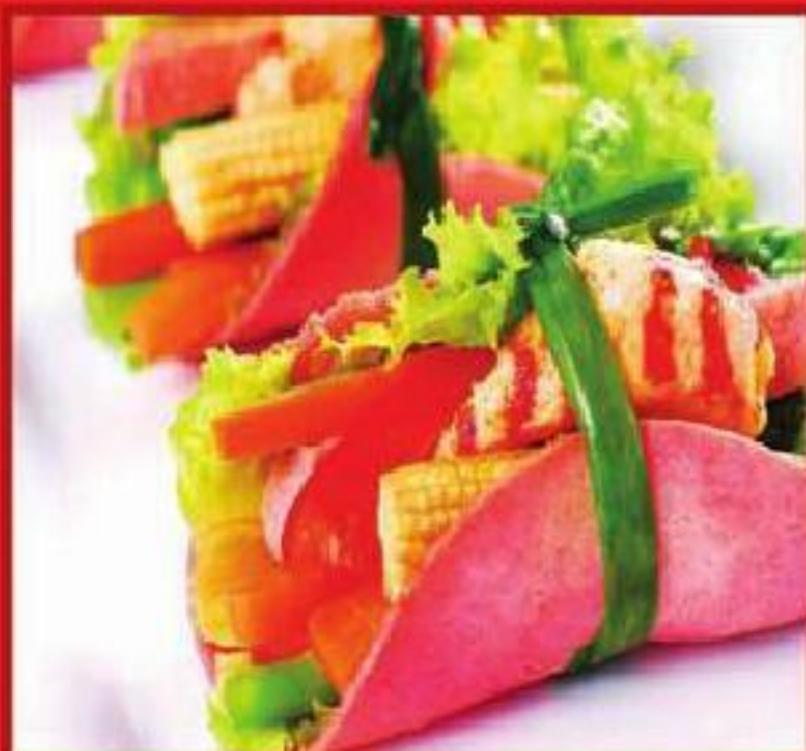
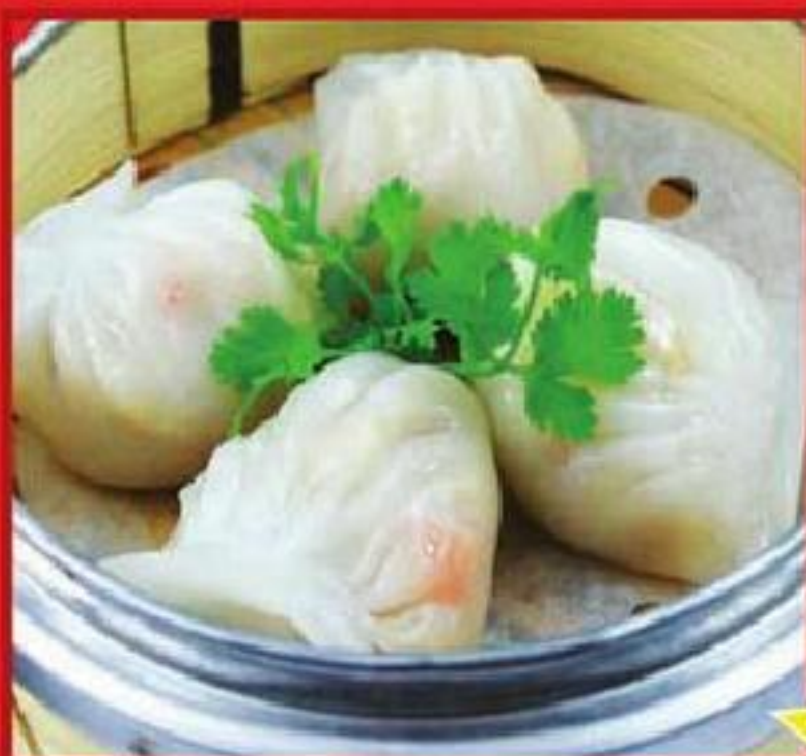


Ảnh: Võ Lộc



NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Healthy World Vegetarian Restaurant



*ĂN THỎA THÍCH
*THẬT NHIỀU MÓN
*LIÊN TỤC LIÊN TỤC

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY

Chỉ với **90.000**^{vnd}/_{người}

FINE DINNING:

- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM (Gần ngã tư Hàng Xanh) - Tel: 3899 2923
- 237/6 Đỗ Ngọc Thanh, P.6, Q.11, Tp.HCM - Tel: 3955 9137

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY:

- 63-65 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, Tp.HCM - Tel: 3894 0211
- 239 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3526 2391

SIÊU THỊ PHÁP HOA

www.sieuthiphatgiao.vn

Tel: 3845 1828

CHÙA PHỔ QUANG 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM



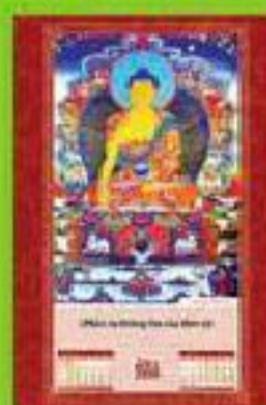
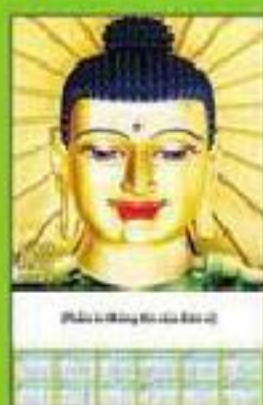
Tel: 38 48 33 99
www.vietchay.vn

CHÙA VĨNH NGHIÊM - 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
Email: nhahangvietchay@yahoo.com

RA MẮT PHÁT HÀNH LỊCH 2011 - TÂN MÃO



THIẾT KẾ PHẬT GIÁO LIÊN HOA
LOTUS DESIGN®
www.lotusdesign.vn



- lịch 1 tờ
- lịch 5 tờ
- lịch 7 tờ
Thiết kế đẹp mang nét văn hóa Phật giáo, giá rẻ

Phát hành nhiều mẫu lịch mới lạ đã được đăng ký bản quyền như: HÌNH PHẬT, CHỦ TIỂU, THƯ PHÁP, MẬT TÔNG... Ngoài ra có nhận thiết kế và in lịch độc quyền theo yêu cầu

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3, TP.HCM - Email: lotusdesign38@yahoo.com | Mobile: 0916 780 819 / 0918 809 388 | **Tel: 38 48 38 00**

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MANI
Tel: 39 97 97 88



Chuyên thực hiện các đĩa phim thuyết pháp của chư tôn đức giảng sư tại các tự viện, các sự kiện Phật giáo, ca nhạc Phật giáo, Karaoke Phật giáo, phim truyền, phim hoạt hình Phật giáo. Chụp hình theo yêu cầu - Tổ chức sự kiện, chương trình văn nghệ Phật giáo - Thiết kế dàn dựng sân khấu và lễ đại

Đặc biệt VỚI HỆ THỐNG PHÒNG THU CHUYÊN NGHIỆP

VP: **CHÙA PHỔ QUANG** - 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM
Email: manimedia38@gmail.com - manimedia38@yahoo.com
Mobile: 0933 38 62 38 - Website: www.manimedia.vn



DU LỊCH TÂM LINH QUỐC TẾ NGỌC VIỆT TRAVEL

www.vietpearl.vn
ngocviettravel@vnn.vn
Tel: 38 48 33 88

Khởi hành hàng tháng:

- **VŨ TRỤ TÂM LINH TÂY TẠNG HUYỀN BÍ**
- **ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL**
- **VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN**
- **TỨ ĐẠI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC**

TOUR ẤN ĐỘ - NEPAL 12 ngày 11 đêm,
khởi hành ngày 11/09/2010 (4/8 ÂL)
khởi hành ngày 15/10/2010 (8/9 ÂL)

TOUR TÂY TẠNG

8 ngày, khởi hành 22/9 (15/8 ÂL)

TOUR TÂY TẠNG - NÚI THIÊNG KAILASH

18 ngày, khởi hành 18/10/2010 (11/9 ÂL)

TOUR BHUTAN

8 ngày, khởi hành 24/10/2010 (17/9 ÂL)

- **Anh Tấn:** 0933 883363
- **Anh Quang:** 0938 061952
- **Thảo:** 0958 807665
- **Diệp:** 0913 808338



ĐỐI DIỆN VIỆT NAM QUỐC TỰ 711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM

SIÊU THỊ KINH SÁCH



Tel: (08) 397 97 138 - 0933 38 8668
Email: sieuthikinhsach@yahoo.com

711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG



PHÁP PHỤC LAM HIỀN®
Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

Tel: (08) 397 97 138 - 0907 010 770
Email: lamhien38@yahoo.com

Phát hành các loại Y, áo hậu, áo tràng, áo nhật bình, vật khách, la hán...
Cung cấp sỉ - lẻ các loại vải may pháp phục
(Xưởng may tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, TP.HCM - Tel: 2247 3388)

711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG

CHI NHÁNH PHÁT HÀNH PHẬT NGỌC

Tel: (08) 397 97 168 - Email: phatngocvngt@yahoo.com
Phát hành sỉ và lẻ: Các loại văn hóa phẩm Phật giáo đặc biệt hàng Mật Tông (Kim Cương Thừa)

Thực phẩm chay, đồ thờ cúng, tranh tượng, pháp khí, pháp phục, tặng phẩm, nhu yếu phẩm, ăn phẩm Phật giáo, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt...

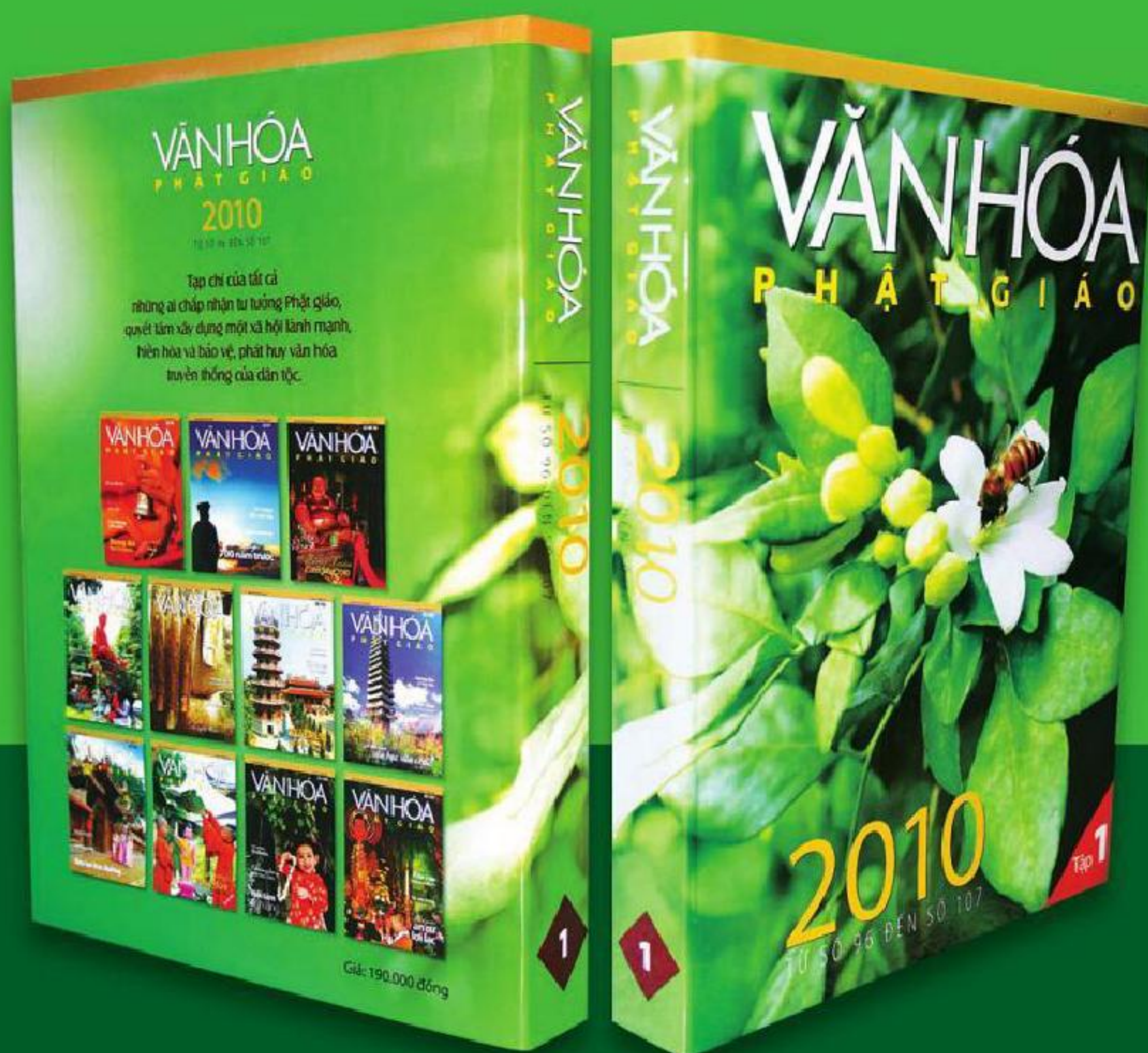
711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG 711 LE HONG PHONG

Đang phát hành

Văn Hóa Phật Giáo

đóng bộ **Tập 1** năm 2010

(từ số 96 đến 107)



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 114

Phát hành ngày 1 - 10 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tĩnh
79 Khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tĩnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyễn Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3858837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
37 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Minh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103837688

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
148 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hổng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG